



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **46**

(2805)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 16 - 11 - 2013

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

GIÁO DỤC NHẬN THỨC ĐỂ TĂNG CƯỜNG HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

BÙI VIỆT MỸ

CHÚNG ta đang sống trong hòa bình, cùng xây dựng đất nước giàu đẹp – dân chủ, công bằng – văn minh. Muốn vậy, điều kiện tiên quyết là sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật; Hoặc nói cách khác là xây dựng một lối sống có văn hóa, tạo các mối quan hệ xã hội lành mạnh trên cơ sở đạo lý, truyền thống Dân tộc ta.

Ngày Pháp luật Việt Nam: 9 tháng 11, một lần nữa khẳng định quyết tâm, ý chí, nguyện vọng xây dựng kỷ cương trong lao động và đời sống cộng đồng, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đang rất cần thiết. Đó là từ các mối quan hệ nảy sinh trong tiến trình đổi mới quản lý kinh tế theo hướng đẩy mạnh thị trường kinh doanh ở nhiều lĩnh vực thiết yếu – đặc biệt là các lĩnh vực gắn chặt với nhu cầu đời sống hàng ngày của người dân. Cụ thể là các lĩnh vực về việc làm, nơi ở, tham gia giao thông, khám chữa bệnh, cho con em theo học và thông tin liên lạc. Các nhóm quan hệ gắn liền với các nhu cầu trực tiếp nói trên thường xuyên là điều kiện phát sinh những mâu thuẫn tiêu cực, tội phạm. Nguyên nhân trực tiếp của nó là sự bất bình đẳng hay những lệch lạc trong quản lý và không công bằng trong phân phối.

Trước hết, về giáo dục. Chúng ta thấy có sự lệch pha trong định hướng và phương pháp. Từ buổi vào lớp đầu đời, các em đã phải biết viết, đã phải tới trường với ba lô sách vở nặng trĩu. Và từ đó, học sáng, học chiều, học thêm buổi tối cho đến khi buộc phải đỗ tốt nghiệp đại học... Xung quanh vị thành niên thường là các hình ảnh và ấn phẩm đấm thuê, chém mướn mà các Nxb dịch in, các quảng cáo thiếu văn hóa, các cuộc thi cợt nhả và sặc mùi tiền nong công khai trên truyền hình. Đặc biệt hơn nữa là các cuộc bán mưi kiếm chác, chạy chọt của các bậc phụ huynh; Việc công khai dạy thêm một cách vô bổ của nhiều thầy, cô giáo... đang hàng ngày, hàng giờ tiêm nhiễm vào những cái đầu mà lẽ ra cần đến sự giáo dục theo cách "tiên học lễ, hậu học văn".

Văn hóa, giáo dục là cái gốc, còn sự bình đẳng là nguyên tắc của luật pháp. Văn tự do ý chí của người tạo ra nó, sau khi ban bố, phải được coi là công bằng, nhưng ở nhiều ngành cấp, việc thực thi lại không thể hiện rõ sự bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Đơn cử là việc thu phí từ người tham gia giao thông. Đến nay cơ quan chức năng vẫn chưa thỏa thuận dỡ bỏ nhiều trạm thu phí dọc đường trong khi đã thu phí bảo trì đường bộ hàng năm rồi. Không đóng phí thì không

(Xem tiếp trang 2)

THẦY ƠI!

Truyện ngắn của ĐÌNH NGỌC LÂM

(Xem trang 6)



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

Ý KIẾN NGẮN

CŨNG LÀ MỘT CÁCH PHẠM TỘI

THẠCH QUỲ

CHÚNG ta cùng thống nhất quan niệm thế này: Nếu ai đó dùng mảnh khoe hoặc dùng cách gì đó để buộc người khác vào tội giết người thì coi như kẻ đó đã mượn tay pháp luật để giết họ, bởi vì tội giết người nằm trong khung hình phạt có án tử hình.

Việc các cán bộ điều tra ép cung đẩy ông Nguyễn Thanh Chấn vào tội giết người trong vụ án 10 năm về trước tại Bắc Giang, cũng có thể coi là các cán bộ điều tra đã gián tiếp mượn tay pháp luật để giết chết ông, dù vô tình hay có ý. Thật vậy, nếu ông Chấn không phải là con liệt sĩ được pháp luật ưu tiên giảm nhẹ tội trạng thì hẳn ông đã phải chịu hình phạt cao nhất rồi!

Tôi không rõ pháp luật nước ta có rồi hay chưa có, nhưng rất cần thiết phải có điều khoản truy tố tội nhục hình ép cung, nhất là việc ép cung đẩy người lương thiện vào khung hình phạt có thể bị xử tội chết. Phải có điều khoản đó mới để phòng được (giả sử, nếu có) việc lợi dụng pháp luật để giết người, theo kiểu ném đá giấu tay.

Tuy nhiên, cho đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu vì sao các cán bộ điều tra lại phải làm cái việc là ép cung các nghi phạm? Họ có tự nguyện làm cái việc đó không? Làm việc đó thì họ được những lợi lộc gì? Có thể khẳng định nếu các cán bộ điều tra không mớm cung, ép cung, bức cung để bắt buộc nghi phạm nhận tội, chắc họ cũng không bị trừ lương, không bị cách chức hay bị kiểm điểm gì chứ? Vậy thì tại sao họ cứ phải làm cái việc thất đức là đi dọa nạt, đánh đập rồi ép cung người ta? Mà lại ép người ta vào tội chết mới đáng sợ chứ! Vì sao nhỉ? Chẳng lẽ họ thích làm chuyện ác?

Có lẽ cũng rất nên để chính các cán bộ điều tra nói ra điều này. Có phải là do ép cung nên họ được đánh giá là cán bộ tốt, là làm tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ được giao nhanh chóng, vượt thời hạn do đó mà sớm được tăng lương, được nâng bậc, nâng quân hàm? Nếu vậy thì chính cái chính sách để bắt, nâng bậc, khen thưởng, đánh giá con người theo kiểu đó đang có vấn đề rất nghiêm trọng cần phải xem xét lại! Lại có người suy đoán rằng việc ép cung đổ tội lên đầu người này cũng là

một cách chạy tội cho người khác vì một mục đích nào đó. Tự trung lại là cần biết rõ mục đích của việc ép cung thì mới có hy vọng tìm cách để ngăn chặn và giải tỏa nó.

Ông Bộ trưởng Công an đã có ý kiến phát biểu này nọ trên các báo chí nhưng tôi nghĩ, vấn đề chủ yếu là với cương vị của mình, ông hãy giúp xét lại và sửa đổi các chính sách trong nội bộ ngành công an, để sao cho chính các cán bộ điều tra không mấy may có ý muốn, hoặc không hứng thú gì, không lợi lộc gì ở việc đi ép cung hay dựng hiện trường giả để buộc tội các nạn nhân. Đó là trách nhiệm và cũng là năng lực lãnh đạo tài tình sáng suốt của ông nếu ông muốn làm biến chuyển vấn đề, giúp sửa chữa tận gốc tệ nạn ép cung đã và đang đưa đến hàng loạt các vụ án oan sai hiện nay. Nói tổng quát lại, chừng nào việc ép cung đang có lợi cho người đi ép cung thì khả năng là họ vẫn tiếp tục làm! Nếu các ông bộ trưởng, các nhà lãnh đạo thông minh, thành tâm thì có thể đưa ra các đối sách hữu hiệu để đối phó với tệ nạn đó. Tương tự như vậy, các ông lãnh đạo ở các ngành Kiểm sát, Tòa án cũng rất nên phát huy năng lực tài tình sáng suốt vốn có của mình, sao cho người trong ngành mình không dám làm sai - làm sai thì phải chịu hình phạt nặng nề chứ không phải chỉ kiểm điểm qua loa - thì may ra việc xử án oan mới có cơ giảm thiểu. Tôi cũng hiểu, nói vậy rất có thể là do mình ngu ngốc, bởi vì, ở nước Nam, con người bây giờ ai cũng có phép thần thông biến hóa, kẻ làm sai bao giờ cũng thủ sẵn trong mình lọ thuốc trường sinh bất lão, gặp việc là xì ra, bôi trơn ngay, khó chơi lắm, chớ có lý thuyết huyênh hoang mà mang phải tiếng là kẻ một sách! Đó là tôi cũng nói theo cái lẽ thường tình. Còn như, nếu các ông nói rằng các ông cũng ở "trong vòng phủ sóng", muốn tài tình sáng suốt lắm, nhưng cũng không tài tình sáng suốt được thì tôi cũng hoàn toàn đồng ý với các ông và xin rút lui ngay ý kiến của mình... Tôi biết, vấn đề của 90 triệu con cháu Lạc Hồng đang ở chỗ khác, bàn chỉ mấy chuyện râu ria, nhưng riêng cái tội giết người mà không bị truy tố thì quả là cũng rất đáng lo ngại...■

VẤN ĐỀ HÔM NAY

LTS: Đi tìm được tiếng nói chung giữa người dạy và người học về Chương trình và sách Ngữ văn là điều không dễ, bởi mỗi người một ý. Đảng ta vừa ra Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, trên nhiều diễn đàn xã hội vấn đề đổi mới giáo dục cũng đang rất sôi nổi, từ các nhà nghiên cứu giáo dục, các nhà giáo, các bậc phụ huynh học sinh đều đã lên tiếng. Nhân dịp này chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuộc trò chuyện thú vị của sinh viên khoa Ngôn ngữ học Nguyễn Nhật Minh, người đã từng trải qua những kì thi Ngữ văn nhọc nhằn nhưng đầy xúc động và lãng mạn với Phó giáo sư, nhà phê bình văn học, nhà thơ Vũ Nho về Chương trình và sách Ngữ văn trung học phổ thông như một tiếng nói đầy trách nhiệm để hướng tới sự hoàn thiện và khoa học.

Sinh viên Nguyễn Nhật Minh (SV-NNM): Thưa thầy Vũ Nho! Ông đã gắn bó với môn Ngữ văn trên cả 4 cương vị: một nhà giáo và một nhà thơ, ông còn là Nghiên cứu viên 5 năm của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, là Cán bộ chỉ đạo Bộ môn Ngữ văn hơn 20 năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tôi là một sinh viên, bậc học trò của ông nhưng xin phép ông được nói chuyện một cách thẳng thắn về một vấn đề mà cả những người thầy và các thế hệ học trò chúng tôi đều quan tâm - Đó là chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn đang được giảng dạy ở cấp học phổ thông hiện nay. Bằng những kinh nghiệm nghề nghiệp, ông có thể đánh giá khái quát về Chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn?

Phó giáo sư, nhà thơ Vũ Nho: Phải nói rằng chúng ta đã có một bước tiến dài về làm chương trình và làm sách. Dựa vào những hiểu biết về chương trình, sách giáo khoa nước ngoài, dựa trên kinh nghiệm trong nước qua nhiều lần thay đổi, chúng ta đã có một chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn hiện đại, tiên tiến. Tuy nhiên đây là nhìn khái quát. Còn nếu đi vào chi tiết, cụ thể thì vẫn có thể chỉ ra những điều chưa ổn.

SV-NNM: Xin phép ông, bây giờ chúng ta bàn giới hạn vào Chương trình và sách Ngữ văn trung học phổ thông hiện tại. Theo quan điểm cá nhân tôi và một số người khác cho rằng có tác phẩm tuy hay, nhưng chưa thực sự phù hợp với trình độ học sinh trung học phổ thông. Như tác phẩm "Đàn ghita của Lorca" (tuần 14 - Ngữ Văn lớp 12 tập một) mang bút pháp của chủ nghĩa siêu thực - khái niệm mà học sinh trung học phổ thông rất khó tiếp cận. Hoặc tác phẩm "Người lái đò sông Đà" tuần 16 - Ngữ văn lớp 12 tập 1, sử dụng hệ thống thuật ngữ, từ cũ, từ chuyên môn nhiều đến mức phải dùng đến 26 chú thích, cộng thêm văn phong đặc tả đôi hồi tư duy hình ảnh khá cao mới hình dung được.

Còn riêng ông, ông có thể nói cụ thể những vấn đề gì chưa ổn?

Phó giáo sư, nhà thơ Vũ Nho: Đây là cả một câu chuyện dài. Nhưng tôi chỉ nêu ra vài ví dụ. Thứ nhất là, khi đưa bài viết của Giáo sư Trần Đình Hượu "Nhìn về vốn văn hóa dân tộc" vào chương trình lớp 12, một số người đã băn khoăn. Đó là bài viết hay, nhưng khi tác giả viết còn chưa có những thông tin về Hoàng thành Thăng Long, chưa có nhiều công trình văn hóa vật thể và phi vật thể của Việt Nam được công nhận là Di sản văn hóa thế giới. Bây giờ thì càng thấy rõ là sự đánh giá của tác giả bài viết đã không còn đúng với thực tế nữa.

Ví dụ thứ hai: Bài viết của Giáo sư Phan Đình Diêu: "Tư duy hệ thống - nguồn sức sống mới của đổi mới tư duy" đưa vào chương trình lớp 12 là một bài viết rất hay. Không ai băn khoăn gì. Nhưng gần đây nhất, trong buổi nói chuyện về "Tư duy" cho các nhà văn Hà Nội vào ngày 10 tháng 8 năm 2013, Giáo sư Chu Hào thông báo rằng sự phát triển của tư duy nhân loại từ tư duy cơ giới đến tư duy hệ thống, và bây giờ thì tư duy hệ thống đã nhường lại vị trí cho tư duy phức hợp. Như thế, bài viết rất hay đó đã trở nên lạc hậu. Đây là nói về sự chưa ổn nếu nhìn bằng con mắt hiện

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

GIÁO DỤC NHẬN THỨC ĐỂ TĂNG CƯỜNG HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

(Tiếp theo trang 1)

đang kiểm được, và không đóng phí thì không qua đường được. Đã có những rắc rối, xung đột đáng tiếc xảy ra ở trạm thu phí bởi chủ xe đòi hỏi quyền của mình. Chưa nói đến việc đã đóng rồi mà vẫn chịu đường xấu, vẫn bị tai nạn do đường thì ai phải chịu trách nhiệm?

Sự mất cân bằng nghiêm trọng hơn còn ở chính sách pháp luật. Ví dụ ở chế độ tiền công. Tại sao cán bộ thuộc ngành không sản xuất của cải vật chất như các dịch vụ khai thác lòng đất (dầu khí) và bầu trời (viễn thông) lương lại lên tới hàng trăm triệu. Có thể gấp 50 lần người lao động bình thường? Đó còn chưa kể đến những người có điều kiện thu lớn từ tham nhũng.

Từ đó, tạo ra khoảng cách quá xa về giàu, nghèo. Dẫn tạo ra những định kiến đáng tiếc trong ứng xử. Người có thu nhập thấp phải tìm cách để thu hẹp chênh lệch, hòng cân bằng cuộc sống. Thế là phải chiếm dụng vỉa hè, lòng đường. Đã có rất nhiều đợt (chiến dịch) ra quân làm sạch quang, hè phố nhưng ngược lại, ngày càng bành trướng, các ngành, cá nhân dân thì nhau đào bới đến mức không còn một đoạn nào được yên. Thế còn những người không có điều kiện chiếm dụng, buôn bán thì sao?

Ở các phường, xã, quận, huyện, nhiều cán bộ không đủ năng lực, không hiểu về phận sự, trách nhiệm công tác đã gây ra biết bao phiền hà về thủ tục hành chính, thời gian và tiền của nhân dân. Đây là cấp sát với đời sống thực nên các quy định pháp luật phải được áp dụng sao cho thấu tình, đạt lý, người dân đồng thuận xây dựng nhà nước pháp quyền của mình.

Trong bối cảnh ấy, thiết nghĩ, chúng ta phải làm lại về cơ bản. Đó là cân đối các mối quan hệ kinh tế và pháp luật trước mặt bằng thực tế đời sống dân sinh; Không chỉ lấy hình phạt để đe dọa. Bên cạnh việc chống tiêu cực là cấm hoặc hạn chế các quảng bá, tuyên truyền, cá cược tiền bạc dưới bất cứ hình thức nào. Có chương trình dạy và học hợp lý, tăng cường giáo dục đạo đức chứ không phải là dạy thêm kiến thức như cho một cái máy. Đó là tiến trình đào tạo, bồi dưỡng văn hoá. Có văn hoá, con người mới thể hiện được giá trị pháp luật tương ứng theo đúng nghĩa của nó.■

B.V.M

SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NHỮNG GÓC TIẾP CẬN

nay, chứ không phải là lúc xây dựng chương trình.

SV-NNM: Tôi đã từng nghe cô nhà văn nói rằng Chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông trung học có cái thừa, cái thiếu?

Phó giáo sư, nhà thơ Vũ Nho: Biển học là mênh mông. Học đến khi không học được nữa thì mỗi người vẫn mỗi chỉ nắm được một chút trong số kiến thức khổng lồ mà nhân loại đã tích lũy. Bao nhiêu vẫn thiếu. Nhưng nói đi đã vậy, nói lại là thời gian ở nhà trường không nhiều, vậy thì chỉ cần một lượng tri thức tối thiểu, vừa đủ để sau này người học phát triển. Đưa quá nhiều vào là "thừa" so với khả năng tiếp thu và thời lượng cụ thể. Nhưng thế nào là thừa và thiếu?

Trước đây sách không dạy quảng cáo, viết tin, phỏng vấn và trả lời phỏng vấn. Như thế là thiếu. Bây giờ sách có dạy. Nhưng nếu xem xét kĩ với con mắt của nhà chuyên môn, vẫn có thể nói câu xanh rờn: Vừa thừa lại vừa thiếu.

Ví dụ về phỏng vấn và trả lời phỏng vấn. Bảo rằng thừa, vì không phải tất cả học sinh đều trở thành nhà báo để đi phỏng vấn. Vì vậy dạy đặt câu hỏi phỏng vấn có vẻ như thừa. Bảo rằng thiếu, vì sách chưa dạy rằng: người được phỏng vấn, do những lí do riêng, có thể TỰ CHỐI trả lời. Cũng thiếu nữa vì cái quan trọng nhất mà người nào cũng phải dùng ấy là trả lời phỏng vấn xin việc thì lại không dạy. Tôi có xem chương trình của Úc hiện hành. Họ dạy phỏng vấn và rất chú ý đến trả lời phỏng vấn xin việc. Chưa hết. Học sinh sau khi học bài này, tự đi xin việc làm thêm. Xin được việc rồi mới coi là hoàn thành bài học.

Quay trở lại với hai ví dụ mà bạn nêu ra: "Đàn ghita của Lorca" và "Người lái đò sông Đà". Đó chỉ là cảm nhận riêng của bạn thôi. Khó tiếp cận không có nghĩa là không thể tiếp cận. Và lại, gọi là có tí chút siêu thực, bài thơ của Thanh Thảo vẫn dễ tiếp nhận với sự hướng dẫn của thầy cô. Còn bài của Nguyễn Tuân, không phải là quá khó. Chúng ta là thi tốt nghiệp, thi Đại học, nhiều lần thi vào bài này. Chưa thấy ai kêu ca gì. Cái gọi là "chưa phù hợp với trình độ" cũng là nói cảm tính vì thấy "khó" thôi bạn ạ.

SV-NNM: Thưa ông! Hơn hai thập niên qua, Văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới có nhiều thành tựu lớn phần ảnh hưởng thực đời sống phức tạp đầy biến động suốt một giai đoạn dài sau chiến tranh đến nay. Nhưng, trong sách giáo khoa Ngữ văn trung học phổ thông đã vắng thiếu nhiều tác giả, tác phẩm quan trọng, mà nhà văn Lê Lưu, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh... là những ví dụ. Riêng cá nhân tôi, tôi thấy cái thiếu dễ thấy nhất là một bài Khái quát Văn học Việt Nam hiện đại từ năm 1975 đến nay. Bởi vì văn học có nhiều thành tựu nhưng không thể đưa hết tác giả, tác phẩm hay vào chương trình. Học sinh phổ thông trung học cần có cái nhìn tổng quan cần thiết về văn học sử giai đoạn này?

Ông có đề xuất tác giả, tác phẩm nào, hay vấn đề gì vào chương trình và sách Ngữ văn trung học phổ thông?

Phó giáo sư, nhà thơ Vũ Nho: Câu hỏi này người ta cũng đã nhiều lần nói đến. Bạn đặt lại như vậy cũng là cần thiết. Cứ coi 1975 là một cái mốc quan trọng của đất nước và xã hội. Nhưng tác

phẩm văn học sau 1975 có được bao nhiêu. Chỉ li ra, chúng ta có Ai đã đặt tên cho dòng sông của Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu, Một người Hà Nội của Nguyễn Khải, Mùa lá rụng trong vườn (đọc thêm) của Ma Văn Kháng với sách nâng cao. Sách không nâng cao chỉ học Chiếc thuyền ngoài xa và Ai đã đặt tên cho dòng sông? (viết 1981, in 1986), Chiếc thuyền ngoài xa (1986), Mùa lá rụng trong vườn (1985), đến nay đã 27, 28 năm. Một người Hà Nội (tác giả ghi ngày 19-1-1990) thì cũng đã 23 năm. Thơ chỉ duy nhất có một bài của Thanh Thảo mà trên chúng ta có nhắc thì cũng xuất hiện vào năm 1985.

Tôi đồng ý là cần phải chọn cả thơ, văn và lí luận phê bình văn học sau 1975 nhiều hơn và gần chúng ta hơn.

Việc đề xuất, chọn tác phẩm là thẩm quyền của tác giả biên soạn và hội đồng thẩm định do Bộ Giáo dục quyết định. Riêng cá nhân, tôi đề nghị một cách làm là dành thời lượng Thời sự văn học trong chương trình. Vì không thể mỗi năm thay đổi chương trình hay thay đổi sách, nên cơ quan chuyên môn của Bộ sẽ chọn tác phẩm được giải thưởng, tác phẩm được công chúng chú ý, hoặc nhà văn nước ngoài được giải Nobel để hướng dẫn học cho từng năm. Như thế văn học trong nhà trường mới không lạc hậu với thời sự văn học.

SV-NNM: Ông có bàn gì không về phần văn học nước ngoài? Đặc biệt là văn học Nga vốn có nhiều chữ, nhiều ý nghĩa ẩn dụ về tinh thần thời đại mà đôi khi quá tầm nhận thức của học sinh. Chẳng hạn truyện ngắn "Người trong bao" học ở tuần 27 - Ngữ văn lớp 11, một trích đoạn dài đặc những câu hội thoại, triết lí và ẩn dụ về "cái bao", về một xã hội nước Nga cách đây 2 thế kỷ, theo tôi vẫn còn là xa với với học sinh lớp 11. Hoặc bài điệu văn "Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác" tuần 30 - ngữ văn 11, vận dụng phong cách lý luận triết học, các khái niệm biện chứng rất khó nắm bắt ngay cả với sinh viên đại học chứ đừng nói là học sinh lớp 11...

Phó giáo sư, nhà thơ Vũ Nho: Tôi không muốn bàn về cả một mảng văn học nước ngoài. Nhưng có thể nói tóm tắt thế này: Trước đây, phần văn học nước ngoài chủ yếu là văn học Trung Quốc và văn học Nga. Bây giờ phần này được giới thiệu toàn diện hơn, phong phú hơn. Bên cạnh Trung Quốc, Nga, Pháp, chúng ta có giới thiệu văn học Anh, Ấn Độ, Nhật Bản, Đan Mạch, Hoa Kỳ...

Tác phẩm "Người trong bao" tuy khó, nhưng tác phẩm hay bao giờ cũng "khó". Nếu một tác phẩm mà đọc xong chả cần giảng giải, chả cần nghĩ ngợi gì, học sinh hiểu hết thì có lẽ nên xem lại có cần đưa vào sách không.

Đoạn trích "Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác" mà bạn kêu khó thì đúng là hơi khó, nhưng không phải là không hiểu được. Tôi e rằng bạn đem ý chủ quan của mình để nói thay các bạn học sinh bây giờ. Bài này có trong chương trình vì quan niệm tác phẩm văn học bây giờ khác ngày trước. Tác phẩm văn học gồm tác phẩm hư cấu (fiction) và không hư cấu (nonfiction). Văn nghị luận chính là thuộc loại không hư cấu. Bài này chỉ cần học



Vũ Nho.

sinh năm được đánh giá của Ăng ghen về cống hiến vĩ đại của Mác (Nhan đề đã nói rõ 3 cống hiến), và thấy được thao tác lập luận của tác giả. Các thao tác lập luận, học sinh được học trong phần Làm văn. Đây là chỗ cho các bạn ấy thực hành nhận biết.

SV-NNM: Thưa ông! Chủ trương của Bộ hiện nay là "Học gì thi nấy". Lâu lắm rồi, các tác phẩm văn học nước ngoài và các tác phẩm đọc thêm... đã không đưa vào các kì thi tốt nghiệp phổ thông, đại học, cao đẳng. Với lối nghĩ "học gì thi nấy" tồn tại ở một bộ phận không nhỏ học sinh, thì trừ những em thực sự có lòng đam mê văn chương, còn lại hầu hết các em không dành thời gian cho đoạn trích của các kiệt tác: "Ông già và biển cả", "Những người khốn khổ", "Romeo và Juliet", chúng có nguy cơ trở nên thừa thãi. Các tác phẩm đọc thêm trong nước như: "Hương sơn phong cảnh ca", "Vi hành", "Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức"... ở Ngữ văn lớp 11; "Mấy ý nghĩ về thơ", "Dọn về làng"... ở Ngữ văn lớp 12 cũng ít em đọc hoài. Vì có thi đâu mà học. Ông nghĩ như thế nào về vấn đề này?

Phó giáo sư, nhà thơ Vũ Nho: Đây là một câu hỏi thú vị và gai góc. Nhưng tôi có thể đưa ra câu trả lời vắn tắt.

Thứ nhất, nghe "học gì thi nấy" có vẻ rất chuẩn. Chỉ thi những gì được học thôi. Thi ra ngoài những thứ được học là đánh đổ học sinh. Nhưng học gì thi nấy sẽ bó buộc các nhà ra đề thi. Bạn nên nhớ rằng để tránh gánh nặng cho học sinh phải thi tốt nghiệp những 6 môn, chương trình thi hầu như chỉ gói gọn trong lớp 12 mà thôi. Kiệt tác Truyện Kiều học ở lớp 11 thì không có chuyện được đưa vào thi, do đó học sinh cũng sẽ "không đoái hoài". Và nhiều thứ khác đối với kì thi, có vẻ như "thừa thãi".

Nhưng quan niệm thực dụng như thế sẽ làm hại người học. Tôi có đọc bài trên mạng của nhà văn Phạm Thị Hoài chế năm nào cũng "Vợ chồng A Phủ" (Muôn thuở Vợ chồng A Phủ - Blog của Phạm Thị Hoài, 4 tháng 6 năm 2013). Không thi tốt nghiệp thì thi Đại học. Không thi Đại học khối C thì khối D. Không thi Đại học thì thi Cao Đẳng. Thi chương trình hầu như gói gọn trong lớp 12 cho nên mới như thế. Tuy quan niệm học gì thi nấy nhưng người ra đề cũng không dám ra đề ở chương trình lớp 10 và chương trình lớp 11 (mặc dù có học). Có học,

nhưng nếu các em không ôn, trượt nhiều, ai sẽ là người chịu trách nhiệm? Búa riu trước hết sẽ bổ xuống các vị ra đề. Chuyện ra đề thi cử chúng ta sẽ bàn vào dịp khác.

Bạn nói các tác phẩm văn học nước ngoài không thi tốt nghiệp Trung học phổ thông là không chính xác. Tôi còn lưu giữ các đề thi hàng năm. Thuộc của Lỗ Tấn, Ông già và biển cả của Hê-minh-uê, Số phận con người của Sô-lô-khốp đều có thi.

Nhưng đúng là tác phẩm đọc thêm thì không thi. Nếu bạn đi học, bạn có muốn thi tất cả các tác phẩm đã học từ lớp 10 đến lớp 12 hay không? Bạn có muốn thi cả các tác phẩm đã học từ lớp 6 đến lớp 9 nữa không? Bạn có muốn thi tất cả các tác phẩm đọc thêm? Tôi biết câu trả lời của bạn. Tôi cũng biết câu trả lời của các em học sinh, của tất cả các bậc phụ huynh.

Đừng nên nghĩ rằng đọc thêm, không thi, thi học sinh không đoái hoài. Những tác phẩm đó không thi, nhưng chúng hỗ trợ kiến thức, làm giàu có vốn liếng của người đi học, đi thi. Những người học "thực dụng" một cách thiển cận như thế, không thể nào có kết quả cao trong kì thi và cũng là những người khuyết thiếu về vốn văn hóa tối thiểu làm một công dân.

SV-NNM: Ngoài những vấn đề trên, cá nhân ông có kiến nghị gì với Bộ Giáo dục và đào tạo, trực tiếp là Hội đồng Biên soạn Chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông để nâng cao chất lượng dạy và học?

Phó giáo sư, nhà thơ Vũ Nho: Kiến nghị của tôi đã được in trong hai bài viết: "Đổi mới căn bản, toàn diện nhưng cần đột phá" (in ở Kỷ yếu Hội thảo "Đổi mới căn bản, toàn diện nền Giáo dục Việt Nam", Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam xuất bản, tháng 11/2011, trang 184) và "Một vài suy nghĩ về sách giáo khoa Ngữ văn sau năm 2015" (in ở Tạp chí Giáo dục, số 320, kì 2 tháng 10 năm 2013, trang 3). Chỉ xin nêu ra hai điều tóm tắt nổi bật:

Một là, trước đây ta đã chú ý bốn kĩ năng nghe, nói, đọc viết khi dạy tiếng Việt và Văn. Bây giờ cần chú ý kĩ năng thứ 5 là kĩ năng sáng tạo. Tức là kĩ năng vận dụng tổng hợp bốn kĩ năng kia. Điều này không phải tôi nghĩ ra, mà tôi đọc trong chương trình cải cách của Úc. Tôi cảm thấy họ làm đúng.

Hai là, thời đại hiện nay là thời đại của internet, thời đại mà học sinh có thể vào mạng để tìm các thông tin, tri thức. Vì vậy sách giáo khoa cũng cần phải có những thay đổi. Không nhất thiết mọi thứ đều phải đưa vào sách khiến cho nội dung rậm rạp, hình thức cồng kềnh. Sách có thể chỉ dẫn nguồn thông tin, học sinh sẽ truy cập để lấy xuống. Một số các câu hỏi, bài tập cũng có thể cung cấp qua mạng. Tôi được biết Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có chủ trương xây dựng ngân hàng câu hỏi. Thiết nghĩ, một số câu hỏi sẽ được chỉ dẫn để học sinh và giáo viên lấy từ ngân hàng câu hỏi đó. Một số văn bản đọc thêm cũng không cần đưa vào sách, mà đưa lên trang của cơ quan quản lí và chỉ đạo. Giáo viên và học sinh sẽ cập nhật khi học tập.

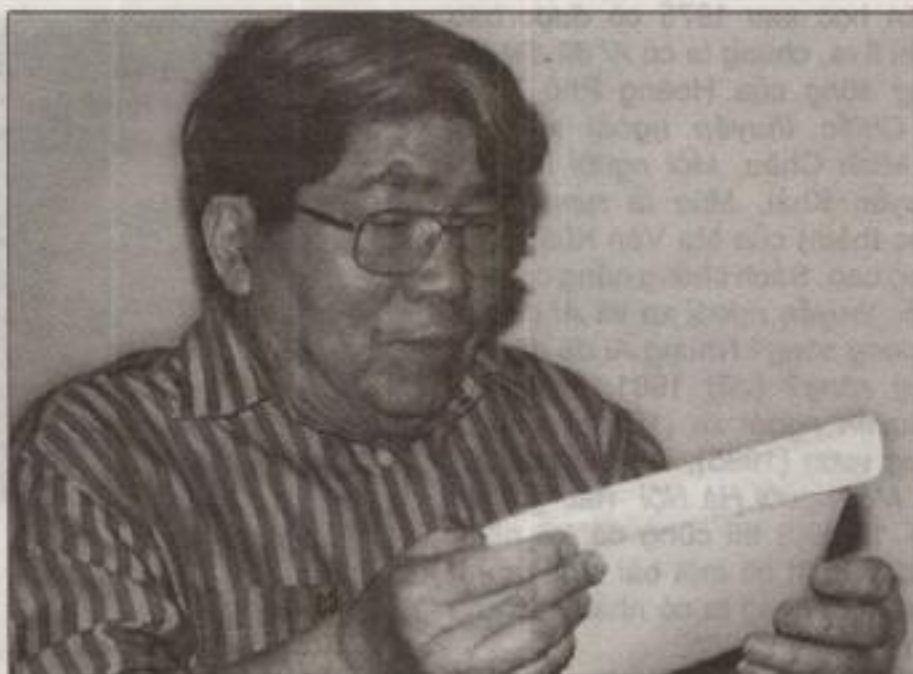
SV-NNM: Cảm ơn ông về cuộc trao đổi bổ ích này.

NGUYỄN NHẬT MINH (thực hiện)

KỶ NIỆM NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20-11

THẦY TÔI

LÊ THÀNH NGHỊ



GS. NGND. Hà Minh Đức

CUỐI mùa hè năm 1966, chúng tôi nhận được giấy báo vào Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Giấy báo có dấu son đỏ tươi và chữ ký của GS Nguyễn Như Kon Tum. Đây là thời điểm chiến tranh ác liệt, những sinh viên từ Vinh Linh, Quảng Bình, Hà Tĩnh hầu hết phải đi bộ hàng tháng trời mới đến được nơi tập kết. Nơi tập kết của chúng tôi là ga Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên, một nhà ga với những bức tường lở lói vết đạn, chông chơ những thay đường ray cong như vỏ ốc, loang lổ những hố bom sâu. Chỉ ở đó khoảng hơn một tiếng chờ những người đến chậm, chúng tôi, hơn tám chục con người được hướng dẫn đi thêm ba mươi cây số nữa về phía dãy núi Tam Đảo mờ xa, qua nông trường Quân Chu, đến thôn Tràng Dương, xã Kỳ Phú, huyện Đại Từ. Tuy khá mệt như ai cũng hăm hở vì sắp được bước đến cổng trường Đại học, sắp được bước lên giảng đường, sắp được gặp các thầy cô.

Rồi thôn Tràng Dương cũng hiện ra trước mặt khi hoàng hôn đã buông xuống. Một chút thất vọng vì không thấy cổng trường đâu, không thấy giảng đường đâu, không thấy thầy cô đâu. Chỉ thấy nhấp nhô những mái nhà lợp nứa, chen lẫn với những mái nhà dân, không có gì khác biệt giữa một khu dân cư trú phủ ven chân núi. Khoa Ngữ Văn Đại học Tổng hợp sơ tán ở đây. Lớp E1, năm thứ nhất là những ngôi nhà một nửa chìm sâu trong đất, có những giao thông hào tỏa ra bốn phía để chạy tránh bom.

Sau khi ổn định tổ chức, một đêm tối lớp tôi đốt đèn dầu, ngồi nghe hai vị Giáo sư, sau này chúng tôi biết đó là hai vị *trưởng lão* của Khoa, hai bậc *Đại sư phụ* đầu ngành, đến nói chuyện. GS Đinh Gia Khánh nói về văn học, GS Nguyễn Tài Cẩn nói về ngôn ngữ. Khi GS Đinh Gia Khánh nói xong, cả lớp vỗ tay hồi lâu không dứt rồi hồ hởi tranh nhau ghi tên mình học văn. Đến lượt GS Nguyễn Tài Cẩn nói về ngôn ngữ, lại vỗ tay rào rào và một số thay đổi quyết định, ghi tên mình vào lớp ngôn ngữ. Thấy Đinh Gia Khánh thông báo sẽ có những GS như Hoàng Xuân Nhị, Hoàng Như Mai, Lê Đình Ky, Nguyễn Lộc, Hoàng Hữu Yên, Hà Minh Đức, Phan Cự Đệ và các cô Đặng Thị Hạnh, Lê Hồng Sâm... lên lớp. Chúng tôi háo hức chờ đợi.

Rồi chúng tôi cũng được học với tất cả các thầy cô. Mỗi người một phong cách, mỗi người một giọng nói, để lại những ấn tượng không quên trong mỗi sinh viên. Thấy Hoàng Xuân Nhị mái đầu bạc trắng, chậm rãi mà tinh cảm, thấy Đinh Gia Khánh vội vã như thể phải tranh thủ truyền cho sinh viên thật nhiều kiến thức, thấy Lê Đình Ky thủ thỉ mà sâu lắng, thấy Nguyễn Lộc mượt mà trong sự sang trọng của những câu thơ *Truyện Kiều*, thấy Hoàng Hữu Yên nồng nhiệt, thấy Hoàng Như Mai đọc thơ hay như một nghệ sỹ, thấy Nguyễn Văn Khoa sôi nổi... Tất cả các thầy cô đều hết sức uyên bác và tận tình. Tận tình có lẽ vì biết lớp chúng tôi, có cái thiết thời riêng là phải đi sơ tán ngay từ năm thứ nhất. Những năm tháng vừa say mê, vừa tự hào, được học tập dưới sự chỉ bảo tận tình ấy, đã làm chúng tôi quên hết những ngày đi rừng mệt nhọc lấy củi, lấy nứa, lấy gỗ, quên hết những giây phút nhớ nhà, quên hết những ngày đối quay quắt khi lương thực chưa kịp bổ sung, vượt qua những mùa đông rét mướt ở Đại Từ.

Đến năm thứ hai, chúng tôi được học chuyên đề Lý luận văn học do thầy Hà Minh Đức giảng dạy. Sinh viên là những cô cậu trong ngoài hai mươi tuổi, thấy giáo chỉ độ ba mươi, mái đầu xanh, gương mặt đẹp và sang có một trí thức trẻ. Đó là những ngày rất đáng nhớ. Một môn học có vẻ khô khan, đầy những khái niệm, các

nguyên lý nhưng được trình bày rất mềm mại, uyển chuyển, với một giọng dẫn giải ấm và vang, lời cuốn và diễn cảm, trôi chảy và hấp dẫn. Cứ mỗi buổi sáng có tiết học Lý luận, chúng tôi lại ra cửa lớp đứng ngóng thầy. Từ chân núi, nhìn xuống, bóng thầy hiện lên phía dưới xa. Thấy chống chiếc gậy làm từ một đoạn cây giang, thứ cây rất sẵn có ở Tràng Dương, bước từng bước thận trọng qua những bờ ruộng khúc khuỷu, quanh co. Cái dáng đi khoan thai như một nhà hiền triết ấy, để lại trong chúng tôi biết bao ý nghĩ. Có vài bạn trong lớp, mà hình như không phải chỉ lớp tôi mà các lớp trước cũng vậy, bắt chước thầy cũng sắm cho mình một chiếc gậy như thế. Cửa đảng tôi, đường sá thôn Tràng Dương, qua những bờ ruộng sâu, vừa trơn trượt vừa quá đổi gập ghềnh, một chiếc gậy làm bằng tre thì ít mà phòng thân có khi lại cần, nên không ai cảm thấy chướng cả. Một cái *mode* của chúng tôi hồi đó. Thấy bước vào, xếp gậy cạnh bàn, ân cần chào và ra hiệu cho cả lớp ngồi xuống, rồi dẫn dụ chúng tôi vào thế giới của cái đẹp một mạch cho đến khi hết giờ. Với một tâm trạng hết sức thoải mái, cả thầy và trò hình như vừa trải qua những giây phút thăng hoa đầy phần khích sau mỗi giờ lên lớp. Đúng là *Học nhi bất yếm, hỷ nhi bất quyện* - Khổng Tử (Thầy với trò dạy và học không biết chán, không biết mệt). Những tiết học như vậy để lại trong chúng tôi những dư âm, những nghĩ ngợi rất lâu. Cũng có những bạn không bắt chước sắm cho mình một chiếc gậy, mà thầm mong một điều mà mãi sau này ai cũng biết là không bao giờ đạt đến, là sẽ có một ngày đẹp trời nào đó được như thầy!

Đến năm thứ tư, tôi nhận đề tài luận văn tốt nghiệp về những thành tựu của thơ Việt Nam hiện đại. Một đề tài rộng nên được giao cho ba sinh viên Bế Kiến Quốc, Nguyễn Văn Long và tôi thực hiện. Giáo sư Lê Đình Ky hướng dẫn. Hồi này giáo sư Lê Đình Ky đang có một cuốn sách làm xôn xao dư luận đó là cuốn *Đường vào thơ nổi tiếng*. Là một người cực kỳ kỹ tính, GS Lê Đình Ky hướng dẫn chúng tôi cách tiếp cận tư liệu, cách vận dụng phương pháp, lối phân tích, lối hành văn, sao cho đọc lên thấy được nhịp điệu của ngòi bút, lối bố cục của từng phần, sao cho khi cả ba phần của ba anh em chúng tôi gộp lại phải là một luận án hoàn chỉnh và bề thế. Ông không nói gì nhiều, chỉ thỉnh thoảng nhún gục chúng tôi nọp bài. Tôi nhớ lần cuối cùng khi đã đọc xong

bản thảo của chúng tôi, Giáo sư Lê Đình Ky nhìn ngắm tập luận án dày dặn, đầy mần nguyên. Cuộc bảo vệ luận án sau đó do thầy Hà Minh Đức làm phản biện. Thấy khen rất nhiều nhưng tôi không còn nhớ, chỉ có một điều làm tôi không quên cho đến hôm nay. Thấy nói, một công trình thật chứng thực về thơ Việt Nam hiện đại, quả là ba anh thợ đa năng một ông Gia Cát! Và ba anh em chúng tôi được Hội đồng cho điểm ưu tuyệt đối.

Thầy Hà Minh Đức nổi tiếng khá sớm. Mới hai mươi sáu tuổi thầy đã có công trình khoa học rất được chú ý *Nam Cao nhà văn hiện thực xuất sắc* được nhà xuất bản Văn hóa in năm 1961. Mấy năm sau ông có *Thơ ca Việt Nam, hình thức và thể loại*, viết chung với GS Bùi Văn Nguyên, rồi *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*. Ở khoa Ngữ Văn - Đại học Tổng hợp, nếu GS Phan Cự Đệ trình làng với một tác phẩm về thơ, cuốn *Phong trào thơ mới*, thì GS Hà Minh Đức khởi đầu bằng một tác phẩm nghiên cứu về văn xuôi, cuốn *Nam Cao*...vừa nhắc. Rồi ít lâu sau, hai người lại hoán chỗ cho nhau, GS Phan Cự Đệ chuyển sang lĩnh vực văn xuôi, với công trình khá đồ sộ *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* còn GS Hà Minh Đức chuyển sang nghiên cứu thơ. Có thể nói chỉ riêng hai tác giả Hà Minh Đức và Phan Cự Đệ, những vấn đề cơ bản của văn học Việt Nam hiện đại đã được đề cập mọi khía cạnh, đủ để thuyết phục những chuyên gia khó tính về lĩnh vực này, và gợi mở những chân trời khoa học khác. Suốt cuộc đời nghiên cứu, giảng dạy văn chương trên năm mươi năm, GS Hà Minh Đức đã cho in gần bốn chục tác phẩm. Thơ và thơ Hồ Chí Minh là hai lĩnh vực ông để nhiều tâm sức hơn cả. Có thể nhận thấy một tác phong khoa học nghiêm túc của một chuyên gia, nhưng cũng có thể nhận ra tiếng đập từ trái tim của một tâm hồn nghệ sỹ, yêu cái đẹp hòa nhập trong một con người ở Hà Minh Đức. Không phải ai và lúc nào cũng kết hợp được hai tố chất khoa học và nghệ thuật trong sự tuôn chảy dào dạt của một ngòi bút như vậy.

Không chỉ nghiên cứu, giảng dạy văn học, Hà Minh Đức còn là tác giả của những trang bút ký giàu chất hiện thực và những trang thơ giàu cảm xúc. Ai đó có thể ngạc nhiên khi ông cho in liên tục những tập bút ký và thơ (đã có bốn tập bút ký và bốn tập thơ của ông ra mắt bạn đọc), riêng tôi không ngạc nhiên mấy. Hàng chục năm giảng dạy về thơ và thể

loại ký văn học lẽ nào không để lại trong ông những khát vọng sáng tạo ở hai thể loại mà ông thích thú này? Trong văn học, sự sáng tạo luôn có sự kích thích, có sự lan tỏa, có sự tiếp biến... Mỹ học luôn luôn là sự vận động, sự sáng tạo của người này chấp cánh cho sự sáng tạo của người khác, trên cơ sở của những người khác. Bút ký của Hà Minh Đức được người đọc ghi nhận ở khả năng quan sát hiện thực, đặc biệt là cái tinh của người viết, nỗi niềm của người viết bày tỏ qua từng trang sách. Vết bút ký về thế giới xích lô, những bút ký về các đồng nghiệp như *Vị giáo sư và ẩn sỹ đường*, *Tản mạn đầu ô*, vừa sâu sắc vừa dí dỏm, vẫn còn nguyên vẹn trong trí nhớ người đọc. Thơ của Hà Minh Đức là sự khát khao bộc lộ con người tư tưởng, tình cảm và tâm hồn của người viết, mà ở những thể loại khác ông không có dịp bày tỏ. Đây là những giây phút của tâm trạng, thật riêng tư, như những bí mật của tâm hồn, chất chứa, ứ đầy, khát khao được giải bày, chia sẻ: một lời hẹn bị bỏ quên, một bóng giai nhân chợt hiện, một khoảnh khắc buồn nhớ con, nhớ mẹ, một chút thoáng mùa thu day dứt. *Tình yêu bước vào vòng đêm dưới/ Nhớ em ngày tháng đến thâu đêm/ Biển chiều trong cơn sóng lớn/ Tôi bên em, nghiêng một mạn thuyền*. Giờ thì đã tạm xa những trang lý luận, tạm xa những ngày lên lớp nóng nhiệt, ngòi bút của ông được phen len lỏi vào ngõ sâu thẳm của tâm hồn, dưới sự dẫn dắt bởi cái đẹp ngôn từ của những câu thơ!

Có thể nhận ra ba thời kỳ trong những hoạt động của Hà Minh Đức. Thời kỳ ông giảng dạy ở khoa Ngữ văn - Đại học Tổng hợp; thời kỳ ông tham gia sáng lập và làm chủ nhiệm Khoa Báo chí của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và thời kỳ ông về làm Viện trưởng Viện Văn học. Cả ba thời kỳ đều có những đóng góp, những dấu ấn không nhỏ của GS Hà Minh Đức. Thời kỳ ở Khoa Ngữ Văn - Đại học Tổng hợp, ông là một giảng viên trẻ đầy sự cuốn hút như ta đã biết. Năm 1990, ông được chỉ định sáng lập khoa Báo chí của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, và làm chủ nhiệm đơn vị hoàn toàn mới này khi trong tay không có một tài sản gì. Ông vừa làm tổ chức vừa tìm nhân sự, vừa lên chương trình, vừa soạn giáo án, vừa tham gia giảng dạy, đào tạo vừa tổ chức mạng lưới cộng tác viên. Quản lý một tập thể có bề dày truyền thống khó một, thì quản lý một tập thể mới hình thành khó mười. Vì tất cả đang là những khả năng. Mà khả năng thì có thể không trở thành hiện thực, nếu người cầm lái thiếu một bản lĩnh, thiếu một uy tín, thiếu một nhiệt tâm cần thiết. Khoa báo chí dần dần trưởng thành và dưới sự chỉ đạo của ông, một số công trình lịch sử báo chí tầm cỡ, công phu phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu rất có giá trị, đã kịp thời ra đời. Chẳng hạn, *Báo chí-Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, *Hồi ký báo chí*, *Báo chí với vấn đề dân số và kế hoạch hóa và gia đình*... Năm 1995 GS Hà Minh Đức được kiêm giữ chức Viện trưởng Viện văn học. Một mái nhà bình yên nhưng chứa đựng những *sóng ở đáy sông*, của những con người đầy cá tính, không dễ tiếp tục chèo lái con thuyền của những thế hệ tiền thân để lại, nếu không có một trí thức, một sự công tâm, một khả năng điều tiết sự bất biến và vạn biến trong một thời điểm đang ngổn ngang những quan niệm. GS Hà Minh Đức đã thường lấy nhu đạt cương, lấy lòng thành đối nhân xử thế, lấy chữ nhân chờ sự đồng thuận, lấy chữ trao thay cho chữ nhận. Ông tôn trọng những nhà nghiên cứu cao tuổi, ân cần với những cán bộ trẻ, hóm hỉnh vui đùa, làm tan nhiệt mỗi khi căng thẳng, xốc dậy khí thế mỗi lúc

trầm lắng, nhưng không bao giờ làm mất lòng ai. Những năm ở Viện Văn học, ông đã làm được nhiều việc rất đáng ghi nhận. Nhiều công trình có giá trị khoa học được hoạch định và thực hiện theo sáng kiến của ông. Ví dụ như *Lịch sử văn học Việt Nam mười thế kỷ* (10 tập, 16 quyển), bộ sách tham khảo về tác giả và tác phẩm, (40 cuốn)... Cơ quan ổn định, tâm trạng mọi người thoải mái vui vẻ, đời sống tinh thần được chú ý hơn, thu nhập khá hơn. Bấy nhiêu thôi cũng đã là một sự cố gắng của một tập thể do ông chịu trách nhiệm. Ngày ông nhận quyết định nghỉ hưu theo chế độ, có những nhân viên cơ quan đã thấm gát nước mắt khi phải xa ông. Đó là hạnh phúc không dễ đạt được của một đời người.

Ngày trước, khi thấy còn ở phố Hàng Ngang, thỉnh thoảng chúng tôi ghé thăm thấy. Đang từ phố chơi chạng vạng, bước vào một lối hẹp, mờ mịt khóa xe xong, phải đứng định thần hồi lâu rồi mới thấy hiện ra mờ mờ trước mặt những bậc cầu thang cũ kỹ. Nhà thầy ở tầng ba. Đường lên đến đó thật khó khăn, cầu thang bậc cao bậc thấp, thật khúc khuỷu, thật góc ngách, bất ngờ như trò ú tim: *Vào sâu hun hút sâu hun hút/ Lên cao, lên cao, lại rẽ ngang/ Càng đi càng tối như hũ nút/ Bỗng thấy nhà thầy sáng một gian*. Hình như mấy câu thơ hiện thực này là của hai đồng nghiệp của thầy, anh Lê Sơn và anh Tất Thắng đều ở Viện Văn học. Đúng là gian nan, lên đến nơi, chưa kịp chào chủ nhà là lại phải nghĩ ngay đến việc làm thế nào để xuống. Trên tầng ba đọc đáo này có hai phòng, hai vị GS ở cạnh nhau, mỗi người một tính cách, một lối sống. GS Bùi Văn Nguyên ẩn dật, nghiên cứu văn học cổ, GS Hà Minh Đức nhập thế, nghiên cứu văn học hiện đại, một đảng ăn ở tuấn toàng, khác khổ, một đảng quảng giao, sành điệu. Họ sống hòa thuận, quý trọng nhau và có những kỷ niệm đẹp về nhau, từng viết chung với nhau một cuốn sách.

Do công việc nên thỉnh thoảng được gặp ông trên những cuộc họp, tôi rất mừng thấy ông vẫn nhanh nhẹn, hoạt bát, tuy mỗi ngày mái đầu mỗi nhiều tóc bạc. Hỏi thăm sức khỏe của ông, bao giờ cũng nhận được một câu trả lời đã dằm. *Tám mươi đến nơi rồi lấy đâu ra khỏe nữa anh*. Tôi biết đấy là câu thăm dò của ông, xem phản ứng của người nghe như thế nào để nhận biết thực trạng bản thân mình. Chao ôi, không biết đã già đến đâu mà từ khoảng dăm năm trở lại đây, ông liên tục cho ra những cuốn sách đọc đáo, ghi lại những cuộc tiếp xúc thuở nào thuở nào giữa ông và các nhà văn như Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Xuân Diệu, Huy Cận, Anh Thơ... những trang ghi chép văn học đầy ắp không khí một thời quá vãng, cho thấy một khả năng làm việc, một cách chắt chiu những gì có ích cho văn chương... mà không phải ai cũng có ý thức như ông. Đọc những cuốn sách này của ông, tôi thấy mình thật đáng trách. Bao nhiêu năm sống cạnh những nhà văn tiếng tăm mà không có lấy những trang ghi chép cho ra hồn, để đến khi muốn viết về ai đó, chỉ còn lại những điều ai cũng biết, còn bao nhiêu thứ cứ như một đàn chim sè, biến đi đâu hết cả. Về mặt này ông xứng đáng là bậc thầy không chỉ riêng chúng tôi, mà là của tất cả những ai yêu văn chương, muốn làm văn chương nghệ thuật.

Một con người nhập cuộc, một khả năng nhập cuộc, một tinh thần dấn thân, một tấm lòng ưu ái, một phong thái khoa học, một tâm hồn nghệ sỹ... tất cả có trong một, tất cả đã làm nên một nhà giáo Nhân dân Hà Minh Đức. ■

BỘ SƯU TẬP CÓ MỘT KHÔNG HAI

BƯỚC vào căn nhà số 53 Đinh Tiên Hoàng (quận 1, Tp. Hồ Chí Minh), thấy thích thú vì cảm giác một ngôi nhà phố có cái sân được sử dụng đúng mục đích là... sân. Có nghĩa, nó là chỗ để trẻ con chơi đùa, người già hồng mắt, rồi là chỗ để xe cộ mỗi khi khách khứa tới thăm. Nếu ai đó từng trải qua tâm trạng lúng búng vừa đi bộ vừa tránh xe trên vỉa hè thành phố lớn hẳn sẽ đồng cảm và chia sẻ được nhiều với sự thích thú với cái sân rõ ràng đã trở nên quá xa xỉ chốn đô hội.

Bước qua bậc cửa, lại bắt gặp một sự "xa xỉ" khác của chủ nhân ngôi nhà. Ngay bên ngoài là một phòng khách với tủ sách trưng bày bộ sưu tập các văn bản *Đoạn trường tân thanh* (*Truyện Kiều*) của đại thi hào Nguyễn Du qua các thời kỳ từ cổ nhất tới hiện đại. Có thể nói, đây là bộ sưu tập có một không hai trong cả nước về mức độ đầy đủ và quý hiếm của nó. Một táng của giá sách được dành riêng cho các bản *Kiều* chữ Nôm, mà bản cổ nhất từ năm 1866 được tìm thấy ở Nghệ An. Kế đó

bày bản *Kiều* này. Ông đề nghị xin được chụp làm tư liệu thì người Pháp trả lời, theo quy định của thư viện, tài liệu ra đời cách 20 năm còn không được chụp, huống chi văn bản ông xin được chụp đã có tới 200 năm tuổi. Vậy là bất chấp mọi thuyết phục, nài nỉ của ông, nguyên tắc vẫn là nguyên tắc. Cứ tưởng thế là chịu, nhưng thật không ngờ, đã có một nữ cán bộ người Việt Nam tên là Hồng đang làm tại thư viện chứng kiến câu chuyện. Chính bà Hồng là người sau này đã có cách giúp ông chụp lại toàn bộ bản *Kiều* cổ in năm 1871 làm tư liệu và gửi về tận nơi cho ông mà không lấy bất cứ một đồng thù lao. Những cái "duyên văn tự" như thế sẽ không bao giờ phai nhạt trong lòng một trí thức năm nay sẽ bước sang tuổi 90. Và mỗi lần giờ lại từng trang tư liệu, kỷ ức lại ùa về ám áp trên từng con chữ.

Người xưa có câu "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu", với Nguyễn Quảng Tuân, ông thực sự thấm thía điều đó. Câu chuyện vừa mới diễn ra năm ngoài thời với một giáo sư trường đại học Havard của Mỹ tên là Beoint với cái tên Việt Nam là Lê Văn Nam gây ấn tượng rất mạnh với ông. Lần đó, vị giáo

NIỀM SAY MÊ VỚI CHỮ

DƯƠNG KIM THOA

là bản của Liễu Văn Đường in năm 1871, và còn nhiều bản khác nữa. Một táng dành để trưng bày tất cả những bản *Kiều* được in bằng chữ quốc ngữ đã được ấn hành trong quá khứ. Một táng khác là nơi lưu giữ các bản *Kiều* được in chữ quốc ngữ hiện nay. Rồi còn một táng nữa là nơi lưu giữ bản *Kiều* chép tay mà nhà nghiên cứu Nguyễn Quảng Tuân gọi đó là bản Kinh thời Tự Đức. Cả một bộ sưu tập văn bản *Truyện Kiều* - một gia tài rất lớn, cả về giá trị tinh thần lẫn vật chất, được đặt ngay cạnh cửa ra vào, không hề có khóa. Không phải chủ nhân không biết giá trị của tủ sách. Trái lại, ông quá biết và quá hiểu. Chính vì quá biết, quá hiểu mà khi giáo sư Balaban của Mỹ sang Việt Nam, tới thăm ông có đề nghị được mua lại tủ sách này với giá bất kỳ, tùy theo yêu cầu của chủ nhân thì Nguyễn Quảng Tuân vẫn chỉ cười cầm đũa và một mực từ chối. Từng là thành tra Bộ giáo dục của chính quyền Sài Gòn (trước 1975), Nguyễn Quảng Tuân cũng phải tham gia lớp học để thay đổi nhận thức tư tưởng sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Nhưng ngay cả trong những ngày ấy, niềm say mê với văn tự khối vuông vẫn không dứt bỏ ông. Trái lại, dường như nó còn là sức mạnh, là niềm tin để ông yên tâm trau dồi thêm sở học của mình.

Ngắm về cuộc đời mình, Nguyễn Quảng Tuân cho rằng, ông là người may mắn sinh ra được học hành, và rồi đời cũng cho ông cơ may được sử dụng sở học ấy. Vốn sinh ở Bắc Ninh, một cái nôi văn hóa, tinh thần hiếu học của đất Kinh Bắc đã thấm nhuần và nuôi dưỡng cậu học sinh Quảng Tuân từ thời thơ bé. Đến tuổi đi học, dù phải học ở trường của người Pháp, dù phải học tiếng Việt như một ngoại ngữ trong trường, dù chỉ được học vài giờ quốc văn và chữ Hán, nhưng vì sự say mê, yêu thích và với năng khiếu bẩm sinh, cậu học trò Nguyễn Quảng Tuân trở nên đắm đuối với những di sản văn hóa tinh thần quý báu mà thật khó tiếp cận của cha ông. Sau này, trở thành nhà giáo, vì đi dạy nên cần phải học, ông đã tích lũy, tìm học, nhặt nhạnh thêm kiến thức để bổ khuyết và làm phong phú thêm vốn liếng Hán học và chữ Nôm của mình. Từ đó, trong suốt gần 70 năm qua, vừa dạy, vừa học, vừa tích lũy, phát triển thêm những điều đã biết, ông trở thành nhà nghiên cứu văn bản, nghiên cứu văn học trung đại từ lúc nào không biết. Nhắc tới tên ông, người ta nghĩ ngay tới các công trình nghiên cứu, khảo cứu văn bản Hán, Nôm công phu, tỉ mỉ đầy tinh thần và trách nhiệm khoa học.

CÁI DUYÊN VĂN TỰ

Làm nghiên cứu, nhất là nghiên cứu văn bản cổ, yếu tố vô cùng quan trọng là văn bản, tài liệu. Ở Việt Nam, từ lâu đã và đang tồn tại tình trạng găm giữ tài liệu để gây dựng tên tuổi và thành tích khoa học một cách không minh bạch và sòng phẳng. Đi vào "ma trận" này, Nguyễn Quảng Tuân thừa nhận, ông có được những cái duyên bất ngờ, thú vị. Người làm nghiên cứu tư liệu cổ ai cũng hiểu, có những thứ không phải cứ có tiền là mua được. Ông chỉ kể về hai trường hợp mà tư liệu tự tìm đến ông đầy duyên nợ. Trường hợp thứ nhất là bản *Kiều* cổ nhất in năm 1866 do Sở VHNT tỉnh Nghệ An cung cấp. Lần đó, sau khi ở Nghệ An phát hiện ra bản *Kiều* cổ này, giới nghiên cứu ngoài Hà Nội đã vào làm việc với Sở VHNT của tỉnh và yêu cầu giữ riêng để ngoài đó nghiên cứu. Tuy nhiên, trong một lần vào công tác tại Tp. Hồ Chí Minh, ông giám đốc sở VHNT tỉnh nghệ An đã bị thuyết phục trước tinh thần làm việc say mê và nghiêm túc của Nguyễn Quảng Tuân. Ông này đã chụp tặng Nguyễn Quảng Tuân một bản tài liệu mới phát hiện, dù ông hiểu, việc làm đó đã xâm phạm vào lời hứa "găm riêng" tài liệu bí mật cho các giáo sư, tiến sỹ nghiên cứu ngoài Hà Nội. Lần thứ hai là với bản *Kiều* in năm 1871, bản in duy nhất còn lại tới nay đang được lưu giữ tại Pháp. Lần đó ghé thăm thư viện nước Pháp, ông thấy người ta trưng



Học giả Nguyễn Quảng Tuân

sư này ngấp nghé ngoài cửa nhà ông khá lâu rồi mới dám bấm chuông. Thoạt đầu, ông vô cùng kinh ngạc khi một người nước ngoài nhưng lại hỏi ông bằng tiếng Việt, "Xin lỗi cho tôi hỏi, đây có phải nhà giáo sư Nguyễn Quảng Tuân không?". Sau màn "chào hỏi", giao đãi, vào chuyện chính, ông mới biết cái cơ mà giáo sư Beoint lặn lội qua nửa bán cầu để tới gặp mình. Ông Beoint nói, sau khi đối chiếu hai công trình của hai người cùng nghiên cứu về sự phát triển của câu chuyện *Kim Vân Kiều truyện* của Trung Quốc, ông Beoint thấy có sự khác biệt rất rõ. Và như vậy, hoặc là ông Beoint sai, hoặc giáo sư Nguyễn Quảng Tuân sai. Lần này sang Việt Nam, giáo sư Beoint chỉ có mong muốn duy nhất, được gặp Nguyễn Quảng Tuân để tận mắt thấy những tư liệu văn bản gốc của tác phẩm này, và cũng để xác minh sự đúng sai lâu nay còn lẫn lộn.

Sau khi dẫn người bạn Mỹ tham quan tủ sách gia đình và tận mắt đọc những văn bản gốc của tư liệu *Truyện Kiều* và *Kim Vân Kiều truyện*, giáo sư Beoint chỉ nói có 4 chữ: "Thế là tôi sai", rồi cảm ơn Nguyễn Quảng Tuân, tặng ông công trình luận án tiến sỹ của mình và từ biệt. Với Nguyễn Quảng Tuân, chuyện đúng, sai trong nghiên cứu khoa học không phải vấn đề quá lớn, điều quan trọng, ông cảm phục thái độ và sự tận tâm, nghiêm túc tuyệt vời của người bạn Mỹ. Với ông, được gặp những trí thức say sưa như Beoint quả là một niềm hạnh phúc quá đỗi lớn lao, không gì sánh được.

Trong rất nhiều những lần trở về của mình, học giả Nguyễn Quảng Tuân vẫn canh cánh bên lòng niềm ước ao, giá như trường học bấy giờ dạy thêm cho trẻ vốn liếng chữ Hán. Học chữ Hán không phải để làm một ông đồ Nho, hay làm nhà nghiên cứu. Học chữ Hán, học từ Hán Việt chính là để người Việt hiểu hơn ngôn ngữ mẹ đẻ, hiểu hơn văn hóa cội nguồn của dân tộc, cha ông. Ông vẫn bảo, bây giờ người ta thường kêu phải giảm tải chương trình giáo dục, nên nói tới chuyện học chữ Hán ai cũng ngại. Nhưng sự thật, để hiểu được ngôn ngữ này, người ta cũng chỉ cần biết khoảng 2000 chữ cơ bản. Mà 2000 chữ đó, chia ra trong 7 năm học cấp 2 và cấp 3 thì mỗi ngày học sinh chỉ cần học bao nhiêu chữ? Chuyện đó vô cùng đơn giản mà hiệu quả lại rất lớn lao. Nói thì nói thế, chữ đâu phải người trí thức cao niên này không hiểu, chữ Hán chữ Nôm giờ đã là "tử ngữ", sao có thể đua tranh được với các "sinh ngữ" như Anh, Pháp, Trung... Cái sự đau đầu về chữ nghĩa ấy, một phần là vì những đăm chiêu riêng về con người, một phần là bởi trách nhiệm của cái nghề, cái nghiệp đã thấm sâu, đã thành máu thịt trong con người nhà giáo Nguyễn Quảng Tuân. ■

HỒI trẻ, tôi là một đứa con gái ngang ngạnh, cũng may mà trời phú cho tôi một nhan sắc nổi trội. Tôi học giỏi nhưng tính kiêu căng, hễ có bạn nào trội hơn thì lập tức bứt phá một cách điên cuồng, nhất là khi bạn đó là con trai. Cái cá tính ấy khiến tôi chẳng thể nhận ra sự cạnh khoẻ của bạn bè, tôi đâu biết rằng mình ích kỷ, tự phụ đến nỗi không bao giờ cảm thấy hài lòng.

Vào cấp ba, tôi vẫn mang theo niềm kiêu hãnh ấy. Thêm nữa đến tuổi dậy thì, nghe mọi người khen tôi xinh, mẹ tôi vui lắm. Bắt đầu tôi để ý đến ánh mắt của đám bạn trai. Bạn con trai gần cho tôi cái biệt danh "hoa khôi" càng làm cho tôi kênh kiệu thêm. Trong đám bạn gái, thân với tôi nhất là Phương, con một cán bộ lãnh đạo huyện. Phương hiền lành, đôi mắt khá thông minh, học giỏi, mọi cử chỉ đi đứng, quan hệ bạn bè đều tỏ vẻ dịu dàng dễ chịu. Ai cũng quý mến Phương, kể cả tôi. Năm lớp chín, một lần Phương nói:

- Huyền ơi, ước gì tớ xinh như cậu nhĩ.

Tôi nhìn nó thăm ghen tị:

- Mà tham thế thì trời ban bao nhiêu cho vừa.

- Tao nói thật đấy, nhiều bạn trai để ý đến mày lắm. Có thằng thì bảo mày đang yêu, nó nhìn mắt mày nó biết.

- Vớ vẩn, cái gì mà luyên thuyên vậy. Tao đang suy nghĩ, học xong cấp ba, hầu hết bạn con trai ra mặt trận, bọn mình thì mỗi đứa chọn một con đường tu nghiệp. Con trai lớp mình chẳng mấy đứa được mẹ, tao chỉ vạch vạch mấy nét bút chì là rõ từng đứa.

Tôi mỉm cười nhìn Phương:

- Ngoài học hành, hãy vớ tư cho thỏa.

- Mày lo xa hơn tao tưởng, "bà già" từ lúc nào vậy? Đến lượt Phương mát mẻ tôi.

Kết thúc những câu chuyện búa xua, chúng tôi cười thoải mái và thưởng cho nhau một trận cù nòn.

Giữa học kỳ năm lớp chín, thầy Mẫn chủ nhiệm lớp tôi sang chủ nhiệm lớp khác. Thầy Hải tốt nghiệp khoa toán trường Đại học Sư phạm Vinh về cơ quan Bộ công tác mấy năm thì được điều về trường nhận chủ nhiệm lớp tôi. Thấy hơn bọn chúng tôi tám chín tuổi, dáng người cao, gọn, khuôn mặt rất đàn ông với đôi mắt to sáng. Quê ở ngoại thành Hà Nội, là con liệt sĩ nên thầy được ưu tiên không phải đi bộ đội. Về nhận chủ nhiệm lớp tôi vào một ngày mưa, tay xách đôi dép cao su tuột quai, thầy phải bấm những ngón chân thường xuyên đi giày xuống nền lớp học. Căn nhà hầm sâu dưới mặt đất khoảng bảy tám mươi phân, tường đất đắp cao gần một mét, khung nhà bằng tre mái rơm khá dày để chống bom bi. Chẳng có ai đưa thầy đến, thầy tự giới thiệu mình về thầy thầy Mẫn. Thế rồi giờ học bắt đầu, thầy giờ sổ điểm lần tên học sinh để kiểm tra bài cũ, sau khi gọi lớp trưởng, thầy gọi đến tôi. Tôi đang chăm chú quan sát thầy thì giật mình, một thoáng bối rối, bước lên bảng giải một bài tập không được trôi chảy trước sự ngỡ ngàng của cả lớp. Dường như ai cũng thấy mình được nâng đỡ, lớp 9H như tiếp nhận được một luồng khí mới. Chỉ có tôi, tự nhiên tôi cảm thấy bị áp lực, sự trẻ nài trong học tập không thể nào giấu kín được.

Gần đây mấy bay Mĩ đánh phá trung tâm thị xã rất dữ dội. Không khí sẵn sàng nhập ngũ ở lớp tôi cũng rộn rạo hẳn lên. Độ này tôi hay nhận được thư bạn trai, những lời tán tỉnh nhạt nhẽo, nhưng lại có những lá thư bày tỏ chân thành đến mức không thể không nâng niu. Long hơn tôi một tuổi, hết năm học này là anh mười tám tuổi, chúng tôi đều gọi Long bằng anh. Cuối năm ấy chúng tôi tiễn Long lên đường, Tôi tặng Long một tấm ảnh đen trắng cỡ ba nhân bốn có ghi ở mặt sau: "Hẹn ngày trở về!".

Chúng tôi lên lớp mười, thầy Hải vẫn chủ nhiệm. Đầu học kỳ hai lực học của tôi bị sa sút, thầy Hải động viên tôi, thấy bảo hãy thả lỏng tinh thần, sắp xếp lại kế hoạch học tập cho hợp lý để tránh áp lực.

Một hôm tôi nghe tin thầy Hiệu trưởng gọi thầy Hải lên phòng giám hiệu để huấn thị. Nào là truy chụp cho thầy Hải mang tư tưởng tiểu tư sản, tiêm nhiễm phong cách ăn mặc cho một số học sinh không phù hợp với thời chiến, nào là có cảm tình với học sinh nữ, còn có cả cảm tình riêng v.v... Ông còn dọa dẫm gì đó làm thầy không kìm được:

- Tôi xin ghi nhận ý kiến của Hiệu trưởng để tự liên hệ về mình. Có điều, tôi xin hỏi Hiệu trưởng là quần áo học sinh may bằng vải phân phối, lấy đâu mà chưng diện. Tôi chỉ là người hướng dẫn các em may mặc cho đúng cách, vừa vặn, gọn gàng, khoẻ khoắn. Nhiều em còn mặc quần dài rút, tôi góp ý sửa thành quần phăng, có thể thì sao lại gọi là ăn chơi. Cá nhân tôi, tư trang mang về đây toàn là những bộ quần áo cũ. Hiệu trưởng có yêu cầu phải thay đổi cách ăn mặc thì tôi đào đâu ra phiếu vải bây giờ. Việc cảm tình với học sinh nữ thì chỉ đúng một nửa, vì rằng tôi cũng có cảm tình với cả học sinh nam.

Thầy Hiệu trưởng đuối lý, hạ giọng:

- Tôi nhắc nhở đồng chí rút kinh nghiệm. Đồng chí phải biết làm quen với hoàn cảnh thời chiến. Thiếu thốn, gian khổ thì phải như nhau chứ... Thầy Hải ngắt lời:

- Thưa Hiệu trưởng, dù trong hoàn cảnh nào thì cũng phải dạy cho học sinh của chúng ta nên người. Ngoài kiến thức văn hoá ra, chúng ta cần phải hiểu các em, cần phải trau dồi vốn sống cùng các em.

Ánh mắt thầy rực cháy, cương nghị:

- Điều tôi vừa nói đều là trách nhiệm chung của mỗi bậc thầy, của Hiệu trưởng, của tất cả những người đang làm nghề cao quý này.

Sau hôm đó chúng tôi nhận thấy thầy trầm tư, không khí của lớp 10H có phần lắng xuống. Những giờ toán, cả lớp vẫn chăm chú nghe giảng, thầy vẫn say sưa tận tình, thế nhưng có tiết hầu như chẳng vào đâu tôi được tí tí nào. Vào một tiết học như vậy, bất ngờ thầy gọi tôi lên bảng, tôi ấp úng, cả lớp lại ngạc nhiên. Thầy nhìn tôi với ánh mắt đầy vẻ trách móc pha lẫn sự chia sẻ cảm thông. Tôi đứng vịn vào mép bảng nghe thầy giảng lại cách giải một bài tập lượng giác. Sau buổi học, tôi đạp xe như bay trên con đường gồ ghề đầy ổ gà, chiếc xe đạp thiếu nhi Liên Xô tự nhiên chịu một cơn hờn giận cuồng phong.

Lại một hôm nhà trường nhận xét phong trào học tập lớp tôi sa sút. Vai trò thầy chủ nhiệm cần phải xem lại. Còn gì xảy ra với 10H nữa đây. Thầy Hải vẫn giữ vẻ bình

thản, có lẽ thầy không muốn chúng tôi phân tán tư tưởng.

Đúng vào những ngày ấy thì tôi nhận được thư của Long. Anh được huấn luyện pháo binh và được phân vào một đơn vị ở Quảng Bình. Thư viết vội vàng, mộc mạc, cuối thư Long gửi lời tôi thăm hỏi đến thầy hai Hải, Phương, cùng các bạn trong lớp. Nhưng mà làm sao tôi chuyển lời được, cái Phương mà biết thì nó đòi xem thư ngay, mà đây hẳn là một bức thư tình, nhất là tôi sợ thầy Hải biết chuyện, dù rằng tôi vẫn chưa mấy may yêu Long.

Đầu óc mông lung, tôi thương Long, với thầy Hải thì tôi vừa kính trọng vừa yêu thương, lại vừa giận hờn. Cảm giác một ngày nào đó phải xa thầy cứ choáng ngợp trong tôi. Hồi đó tôi đã có cảm nhận, với những người như thầy Hải, như Long thuộc mẫu đàn ông lý tưởng đối với nhiều phụ nữ, "người tình" trăm năm với một trong hai người đàn ông kia hẳn là sẽ rất hạnh phúc. Còn Phương, dù thế nào thì vẫn là một người bạn tốt của tôi, nó xinh xắn, hiền lành, lại rất thông minh. Tôi ghen tị với nó nhưng luôn cầu mong cho nó thuận buồm xuôi gió trong cuộc sống cũng như sự nghiệp. Tôi thầm cảm ơn sự hiện diện của thầy Hải. Thầy đã trở thành thần tượng trong tôi.

Tôi đã kịp soi lại chân dung của mình, định bụng chủ động một cuộc tâm sự với thầy Hải thì đột ngột nhận được tin thầy chuẩn bị nhập ngũ. Cả lớp bàng hoàng, thầy Hải cũng phải ra mặt trận ư? Sao bảo thầy là con liệt sĩ thì được miễn!

Trong lúc tôi đang tự dằn vặt thì giờ ra chơi Phương kéo tôi ra sau lớp:

- Mày biết lý do thầy Hải nhập ngũ không?

- Làm sao tao biết được. Mày nói nhanh lên.

- Thấy làm đơn tình nguyện đến ba lần. Người ta bảo thầy tha thiết để đạt nguyện vọng được trực tiếp ra mặt trận cầm súng bảo vệ Tổ quốc.

- Làm sao mày biết?

- Thấy Việt dạy văn nói với tao.

Lại một lần nữa tôi ghen tị. Nó sâu sắc đáng tin cậy. Người khác cũng có thể tâm sự những điều bí mật với nó. Nó đang được người khác hâm mộ, còn mình "nổi tiếng" có lẽ chỉ ở cái mẽ ngoài đáng được để mắt.

Ba tiếng keng, hiệu lệnh vào lớp. Không khí buổi học hôm đó trầm lắng. Có lẽ cả lớp mỗi đứa đều đang theo đuổi một ý nghĩ riêng. Cuối giờ Địa lý, tự nhiên thầy Dung nói với lớp:

- Chắc các cô, các cậu biết rồi, tuần sau là thầy chủ nhiệm đẹp trai sẽ lên đường nhập ngũ. Tuổi trẻ mà, lý tưởng là cầm súng. Hoài bão ước mơ là ở ngoài mặt trận. Như bọn tôi đã quá lứa lỡ thì, đành chung thủy với nghề bán cháo phở vậy.

Tôi cố lắng nghe thầy Dung nói, còn lắng nghe kỷ

hơn nghe giảng bài. Nó vừa như có ý cảnh báo mát mẻ, vừa như xô ra sù đồ kị từ trong lòng người.

Buổi học kết thúc, mấy đứa chúng tôi rủ nhau đến phòng thầy Hải vào buổi trưa. Phòng thầy ở cuối dãy nhà lá, hai bên là vách ngăn bằng giấy dầu. Chỉ còn mấy thầy trò chúng tôi, thầy Hải cười. Nụ cười ánh lên niềm kiêu hãnh của một "đấng mày râu" thực sự. Thầy lên tiếng:

- Chắc các em biết tuần sau thầy lên đường nhập ngũ, thầy rất nhớ các em. Những ngày về trường ta đối với thầy là những ngày hiểu rất nhiều về cuộc sống, về con người. Có nhiều điều nhẽ ra các em phải được tiếp thu. Có những điều ngoài sách vở mà những người làm thầy cần phải trau dồi cho các em thì không được phép.

Dừng lại, thoáng một nét ưu tư, thầy tiếp:

- Ước gì sớm hoà bình thầy lại được trở về với nghề, Thầy lại cười, nụ cười đầy ý vị, thầy nói tiếp: "Trai thời loạn, gái thời bình". Bây giờ đất nước đang còn chiến tranh, trai gái lần lượt lên đường, biết đâu một ngày nào đó thầy trò lại gặp nhau ở ngoài mặt trận.

Trưa hè chói chang, bầu trời hôm nay bỗng đẹp lạ thường. Tiếng ve ngân vang thành bè trầm bổng dội vào kỷ ức học trò.

- Thầy ơi, nghe thầy nói cứ như tiểu thuyết. Tôi phá tan khoảnh khắc yên lặng.

- Thầy ơi, thế chính thức ngày nào thầy đi, Phương

THẦY ƠI!

Truyện ngắn của ĐÌNH NGỌC LÂM

dè dặt hỏi.

- Thứ bảy tuần sau thầy đi, nhưng giờ thì chưa biết. Tập trung trước trên huyện, chắc giao quân vào ban đêm.

- Thế tại sao thầy là con liệt sĩ mà không được miễn? Một bạn trai hỏi.

- Lúc này hơn bao giờ hết thầy mới hiểu rõ ý nghĩa của cuộc sống. Cha thầy hy sinh năm 1968 ở mặt trận Đường Chín Nam Lào. Thầy có hai anh em, em gái thầy đang học ở Liên Xô. Thầy muốn tự khẳng định mình, không muốn vì được hưởng ưu đãi. Chắc hương hồn cha thầy sẽ vui khi biết con mình xung phong cầm súng. Chỉ thương mẹ ở nhà một mình, nhưng chắc bà hiểu con, bà chưa biết chuyện. Mẹ thầy là giáo viên văn cấp hai.

Phương về nhà tôi. Đêm hôm đó chúng tôi vạch kế hoạch cho dự định chia tay thầy Hải. Lan man một lúc chúng tôi ngủ lúc nào không biết.

Cuối buổi học hôm sau đã diễn ra buổi chia tay giữa thầy chủ nhiệm với lớp tôi. Mọi người yêu cầu tôi hát, tôi đã hát bài "Tự nguyện". Chưa bao giờ tôi hát cháy mình như thế.

Hôm sau thầy Hải về Hà Nội. Chúng tôi mong đợi từng khắc thời gian. Và rồi thầy trở lại trường trước khi lên huyện tập trung một ngày. Tối hôm ấy nhóm chúng tôi hơn chục đứa ở phòng thầy tối khuya, chuyện trò rôm rả. Việc nhập ngũ của Hải không còn là sự bất bình thường nữa mà sự "lên đường" của thầy trở thành niềm tự hào của lớp 10H.

Thấm thoát tôi đã là sinh viên năm thứ ba khoa văn Đại học Tổng hợp, Phương là sinh viên khoa toán Đại học Sư phạm Hà Nội. Năm đầu chúng tôi nhận được nhiều thư của thầy Hải, thầy xưng hô trong thư với tôi là "thầy" với "Huyền". Nghe cách xưng hô thì triu mến nhưng giọng văn nghiêm túc lắm. Một hôm tôi sang thăm Phương, tình cờ đọc được mấy dòng thư của thầy Hải viết cho Phương, mở đầu: "Phương. Em thân yêu!" Tôi ngỡ người ra, liếc nhanh xuống cuối thư "Tạm biệt. Hôn em!". Thì ra họ đã yêu nhau, cái tình yêu đã ủ mầm từ lúc nào mà tôi không hay biết. Thế là cái Phương bạn tôi bắt đầu được nhớ nhưng, được chờ đợi, được tha hồ khát vọng. Cho đến một lần Phương tự bộc bạch với tôi rằng khi chia tay, thầy Hải đã trao vội cho nó một bức thư vền vền mấy dòng: "Xin lỗi Phương, em thực sự đã trưởng thành. Tôi yêu em, nếu có thể được, hãy trả lời. Khi nào có hôm thư sẽ báo tin cho em và mong nhận được câu trả lời từ em. Bằng không, chắc tôi không dám nghĩ tới ngày gặp lại. Tạm biệt người tôi yêu!", ký tên "Trần Thế Hải".

Phương kể, nó đã khóc thắm mấy đêm. Nó thương

thấy Hải, nó thương tôi. Nó vẫn nghĩ thấy Hải dành tình cảm cho tôi nhiều hơn. Thật là bất ngờ đối với cả hai đứa. Đột nhiên tôi lại nhớ đến Long, chắc giờ này Long đang trực chiến bên một mâm pháo.

Tôi đã nhận lời yêu Long vào cuối năm đại học thứ hai. Tôi đã hiểu thế nào là tình yêu, tình yêu chấp nhận tất cả khi nó thực sự bùng cháy trong nhau, tình yêu là tự dâng hiến, nhưng cũng sẵn sàng chấp nhận cả hy sinh, mất mát.

Tôi và Phương ra trường mỗi đứa một nơi. Tôi trở thành nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học công tác ở Hà Nội. Phương trở thành cô giáo của trường cấp ba ở chính quê hương mình. Từ khi ra trường, lâu lắm chúng tôi không gặp nhau, thư từ cũng thưa dần.

Tin sét đánh giáng xuống tôi khá bất ngờ, sau khi đại thắng mùa xuân năm 1975, tôi nhận được một lá thư của đồng đội Long gửi ra, Long đã hy sinh trong chiến dịch Hồ Chí Minh trên đường tiến quân từ Tây Nguyên xuống Sài Gòn. Không khí sau ngày giải phóng cứ ngùn ngụt đất trời Thủ đô Hà Nội, nhưng tôi thì đau xé ruột xé gan, tôi khóc ròng rã một mình không một ai chia sẻ. Tôi quyết định về quê, đến nhà Long. Gia đình anh cũng nhận được một lá thư của đồng đội Long báo tin. Bố mẹ anh đã được anh kể rõ trong thư về tôi, bởi thế tôi được gần gũi và được cùng chia sẻ nỗi đau thương mất mát vô bờ bến cùng mọi người. Ghé qua nhà tôi thăm mẹ, chưa kịp hỏi thăm ba tôi thì tôi đã khóc: "Sao đời con lại như thế này hả mẹ ơi. Con không tin, con không tin là Long đã hy sinh. Mẹ tôi an ủi rất nhiều, rồi mẹ cũng khóc.

Tôi dự định một chuyến đi dài để nghiên cứu về đặc điểm văn học vùng cao. Đang chuẩn bị cho chuyến đi thì nhận được thư của thầy Hải và Phương, kèm theo thiệp mời cưới của hai người. Thấy Hải đã ra quân và trở về trường dạy học cùng với người yêu, nghe đâu thấy bị thương, sức ép bom đạn đã làm thầy yếu đi nhiều. Tôi đang lưỡng lự thì có yêu cầu nhóm công tác chúng tôi phải lên đường. Hồi ấy phương tiện đi Tây Bắc hết sức khó khăn nên tôi không thể lùi lại để đi một mình. Còn một tuần nữa thì đám cưới thầy Hải và Phương được tổ chức.

Đêm đó tôi ngồi viết thư cho thầy Hải và Phương, thư ngắn chỉ vắn vắn một trang giấy mà chứa đựng biết bao điều. Thông minh như Phương chắc là nó thấu hiểu nỗi lòng của tôi và cảm thông cho tôi, cuối thư tôi viết: "... Thấy ơi, em chúc thầy em đã từng mong đợi, em "cắm" thầy không được để Phương buồn nghe thấy!". Tôi viết thư cho em gái nhờ chuẩn bị tặng phẩm mừng đám cưới, việc đó đối với em gái tôi chẳng khó khăn gì vì em tôi làm việc ở ty Thương nghiệp cùng với ba tôi.

Hành trình Tây Bắc của tôi không ngờ lại là một hành trình định mệnh. Trong đoàn có một người tên là Minh, anh hơn tôi năm tuổi, tôi hai sáu, anh ba mốt, vóc người hơi nhỏ, khuôn mặt có vẻ điềm tĩnh đôi mắt kín đáo, tiềm ẩn những điều hệ trọng. Tôi coi Minh như một người anh trai, thế mà thái độ của Minh trước tôi thì buồn cười lắm. Tôi đã nhận thấy Minh là người đáng gần gũi, anh giỏi về chuyên môn, ba mươi tuổi Minh đã có những tác phẩm đáng nể.

Rong ruổi hơn hai tháng trời trên vùng Tây Bắc, ngày mai chúng tôi trở về Hà Nội. Chiều hôm đó Minh rủ tôi lên một mòm đồi. Ngồi nhìn khung cảnh nơi đây, người ta có thể mặc sức mà tưởng tượng, mà thả hồn bay bổng theo trời mây trùng điệp núi rừng. Chấn lảng mạn mặc sức mà tung hoành, nó có thể phá tung sự kìm kẹp của lý trí, nó có thể vượt qua mọi sự khuôn sáo, giáo điều, mọi lý thuyết đạo đức giả tạo của cuộc đời. Đang mải nghĩ thì Minh quàng tay lên vai tôi thủ thỉ:

- Huyền đã có người yêu chưa?
- Chưa! Tôi đã nói dối, nhưng không quan trọng. Tôi ngồi im, để mặc cánh tay Minh trên vai mình.

- Anh không tin,
Tôi quay người lại nhìn Minh bình thản:

- Anh Minh này, liệu anh có chấp nhận một người con gái ôm mỗi tình đầu để sống bên anh đến trọn đời không?

Minh trăn trăn nhìn tôi, một cái nhìn dày dặn kinh nghiệm:

- Người đó có thể là em? Anh nghĩ rằng với anh thì đầu phải là gì chứ. Em cứ ôm bao nhiêu mỗi tình trước đó thì anh cũng vẫn nâng niu, trân trọng, em có tin không?

Tôi bật khóc, khóc thành tiếng. Vòng

tay Minh ghi chặt lấy vai tôi, tôi hơi gồng lên cưỡng lại với một bản năng tự vệ yếu ớt.

Anh ấy đã hy sinh tháng tư năm bảy trăm rồi anh ạ.

Sự nhạy cảm đã làm cho Minh kịp dừng lại, anh nhìn vào mắt tôi, đặt hai bàn tay lên hai vai tôi: "Thông cảm cho anh". Sự tỉnh táo ấy đã chinh phục được tôi.

Một năm sau tôi và Minh làm đám cưới. Hai năm sau chúng tôi có một bé gái. Cái thời bao cấp, dân văn chương chúng tôi nuôi miệng còn chưa đủ. Năm 1981 bé Hương được hai tuổi tôi đưa bé về cho ông bà ngoại nuôi. Đột nhiên một tác phẩm của Minh bị công kích, xuy xét, bị cho là đi ngược lại quan điểm Chủ nghĩa xã hội. Một số đồng nghiệp đọc thì khen lắm, nhưng khi bị quy kết thì không một ai lên tiếng. Thế là chồng tôi bị "treo bút". Anh bỏ vào miền Nam nương tựa vào sự cứu mạng của đồng nghiệp, chờ đợi sự phán xét. Anh để lại cho tôi một lá thư và một tờ đơn ly hôn. Tôi đau đớn trong trầm lặng và thương anh, một con người ngay thẳng và tài năng. Có lẽ chỉ vì giàu giả tưởng mà nên nông nổi này. Tôi thường về thăm bé Hương, mẹ tôi bảo nó là bản sao của tôi nhưng đôi mắt thì giống mắt bố Minh.

Lâu lâu chồng tôi mới lại gửi một bức thư, sau vài dòng là anh ấy đã hỏi tôi giải quyết ly hôn xong chưa, cuối cùng thì gửi cho bé Hương một ngân nư hôn của người cha tội nghiệp. Quãng thời gian đó tôi hay về quê nhưng chẳng nghĩ đến việc thăm bạn bè, kể cả thầy Hải và Phương, chỉ nghe tin thầy Hải bệnh tật ốm đau luôn, mẹ thầy sang nước ngoài ở với con gái, em gái thầy lấy chồng ngoại quốc rồi định cư luôn ở bên ấy.

Phương thỉnh thoảng đến nhà thăm ba mẹ tôi, mẹ tôi kể: "Nó quý bé Hương lắm, đồ dùng, sách vở học tập của bé Hương hầu hết là do cô Phương mua, mặc dù ông bà ngoại chẳng để nó thiếu. Năm bé Hương thi được vào cấp ba, Phương xin cho nó vào lớp chuyên toán do Phương chủ nhiệm. Phương coi con tôi như con của nó, không bao giờ Phương động đến chuyện của chồng tôi". Tôi trầm trồ phục Phương, nhưng cũng thương nó. Suốt ba năm học thầy Hải đã ra sức kèm cặp cho cháu Hương. Thấy

luôn khen nó xinh và thông minh giống mẹ, nó vui lắm.

Cái năm cháu Hương chuẩn bị thi tốt nghiệp phổ thông trung học thì tôi nhận được thư của chồng tôi, anh báo tin là đã cùng chung sống với một người phụ nữ Việt kiều mới về nước, họ sống với nhau hoà thuận nhưng không giả thủ. Anh nói hãy tha thứ cho anh ấy và xin tôi hãy sớm làm xong thủ tục ly hôn thì anh ấy mới đăng ký kết hôn với người đàn bà kia được.

Tôi cảm tử đơn xin ly hôn ố vàng, mắt nhòa đi. Tôi định. Tôi đặt tờ đơn vào ngăn kéo, nơi nó đã nằm im chững chững những ngày tháng cô đơn âm thầm đau đớn của tôi.

Con gái tôi vào thẳng Đại học, cháu ở ký túc xá chứ không ở cùng mẹ. Bấy giờ con gái tôi cứ hai ba ngày đến với mẹ một lần, khi tôi đi vắng thì nó đến coi nhà. Mỗi khi tôi hỏi thăm nó về thầy Hải và Phương thì nó vui lắm, dường như nó chỉ mong có vậy.

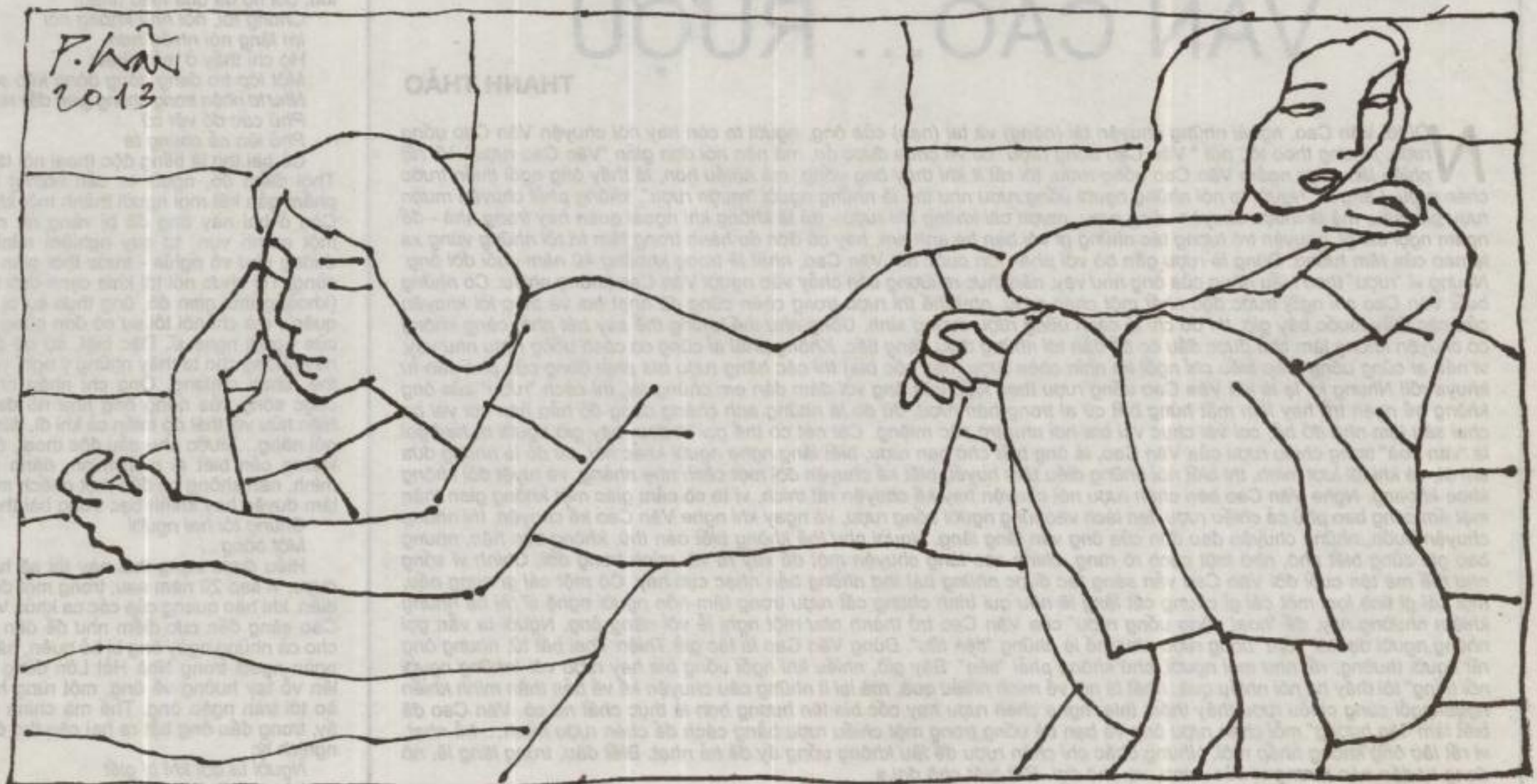
Năm thứ ba cái Hương được học bổng đi du học nước ngoài, nó đang làm thủ tục, tháng sau thì xuất ngoại. Gần đây nó cứ nhắc tôi sớm về thăm thầy Hải và cô Phương. Hai con của họ đều học xuất sắc, đang học cả trên Hà Nội, có lần chúng tìm đến thăm tôi mà không gặp, hai đứa viết giấy lùa qua khe cửa. Lòng tôi như lửa đốt, định bụng hai mẹ con sang tuần sẽ về thăm và nhận lỗi với thầy Hải và Phương, đang sắp xếp thì nghe tin thầy Hải bị trọng bệnh, đột ngột ra đi.

Tôi như sắp ngã quy xuống! Số phận sao hà khắc, sự đời sao lắm éo le. Một con người trong sáng, nhân hậu và cao trọng như thầy Hải đã phải sớm từ giã cõi trần?

Hai mẹ con tôi cùng mẹ con Phương đứng trước linh sàng người quá cố, nhìn tấm ảnh của thầy Hải tôi nghẹn ngào, ký ức ủa về, tôi đang đứng trước thần tượng của tôi, thầy giáo đáng kính của tôi. Và thầy "Hải" trong tôi là hình bóng một trái tim nhân hậu, thiêng liêng và cao thượng. Tôi muốn hét lên.

"Em đã từng đơn phương yêu thầy, yêu mãnh liệt hơn cả yêu một thần tượng, nhưng khổ nỗi thời ấy trên đời này lại có cả em, cả Phương. Trái tim thầy chỉ được phép hoà nhịp với một người. Thầy đã chọn Phương!" Tôi như gục xuống và miệng bật thành lời:

Thầy ơi! Hãy tha thứ cho "Huyền" thầy ơi!"



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

KỶ NIỆM 90 NĂM NGÀY SINH NHÀ THƠ, NHẠC SĨ VĂN CAO

THẤP THOÁNG VĂN CAO

VĂN LONG

HÌNH như tôi có chút duyên riêng với Văn Cao. Trong các chặng đời của mình, tôi đâu cũng gặp bóng dáng của ông.

Mùa thu năm 1980, tôi được chuyển về báo Độc Lập phụ trách trang Văn nghệ, thay cho nhà thơ Hoàng Tố Nguyên vừa rời đi không lâu. Vui chuyện, ông tổng biên tập Ngô Quân Miện bảo tôi:

- Ông Văn Cao, ông Nguyễn Đình Thi đều đã làm việc ở đây, trước chúng ta.

Phải thú thật một điểm tâm lý của tôi lúc ấy, là người sinh ra, lớn lên ở Hà Nội, sau 15 năm phiêu bạt các tỉnh, tôi thích thú trở lại Hà Nội, lại được làm công việc mình yêu thích: biên tập viên phân văn nghệ. Thông tin ông Ngô Quân Miện vừa nói càng tăng niềm vui cho tôi:

- Anh ạ, hẳn ông Văn Cao cũng làm công việc như tôi bây giờ?

Câu hỏi có tính "vơ vao" để thêm một lần hành diện mình là người kế tục cái ghế của Văn Cao. Nhưng ông tổng biên tập đã đổi gáo nước lạnh:

- Không! Lúc đó, trước Cách mạng tháng Tám, ông chỉ là người thợ in lítô (in thô sơ trên đá), không đụng gì đến bài vở cả. Cũng như ông Nguyễn Đình Thi, không văn, thơ, nhạc gì mà chỉ viết xả luận, tờ báo hoạt động bí mật mà!

A ra thế! Buổi đầu của tài năng, gặp buổi đầu của Cách mạng, gặp gì làm nấy, cũng là như việc Văn Cao đã trực tiếp xử bản một tên Việt gian. Nhưng người thợ in đá ấy đã làm một việc rung động cả lịch sử thông qua cái nghề rất thủ công của ông: Ông đã kỳ khu, tỉ mỉ để in rõ từng nốt nhạc trên phiến đá bài Tiến quân ca ông viết một cách hào sảng như sự thăng hoa của đời ông gặp sự thăng hoa của Cách mạng. Lúc làm cái việc tẻ mẩn ấy, ông đâu ngờ rằng có ngày bài hát của ông trở thành Quốc ca của nước Việt Nam độc lập! Con đại bàng Chúa sớ sinh trước khi biết các tầng trời, cũng chỉ là chú chim bé nhỏ! Phiến đá lịch sử ấy đã được đưa vào Bảo tàng Cách mạng!

Có lẽ không có nhạc sĩ viết quốc ca nào trên thế giới lại tự tay in lấy tác phẩm như ông...

Đầu chỉ thời gian trở lại Hà Nội tôi mới hay gặp ông, lúc thì ở 51 Trần Hưng Đạo,

lúc thì ở căn gác nhỏ phố Yết Kiêu, gò lưng vẽ bìa sách để kiếm sống, kiếm... rượu. Trước đó, vào năm 1962, tôi đã có một hạnh ngộ với ông:

Sau gần chục năm xuất hiện lẻ tẻ những bài thơ đáng báo, năm 1962, tôi được bác Khương Hữu Dụng, chị Anh Thơ, Nxb Văn học gọi đến, cho in riêng một tập thơ. Một cú sét đánh, bằng hoàng ngự ngắn đến hàng tuần. Tôi được in riêng sớm thế ư? trong khi bao bạn thơ của mình còn lặn lội! Tôi chỉ biết "vâng, dạ" rậm rập sửa chữa, làm theo điều các cụ bảo ban.

Chờ mãi, nóng ruột quá để đón đưa con đầu lòng của mình. Hạnh phúc quá lớn ngoài dự tưởng, như chiếc bình pha lê mỏng manh...

Rồi cuối cùng tôi cũng đón được tập Tia nắng vùa in xong trong trạng thái bồi hồi, mê mẩn. Đập vào mắt tôi ngay tức thì là cái bìa thơ: một khối hình chữ nhật màu nâu ở dưới và một khối hình chữ nhật màu vàng xếp đè lên một góc khối nâu. Mường tượng như hai ô cửa sổ, ô thứ hai tràn ngập nắng vàng.

Chị Anh Thơ bảo tôi:

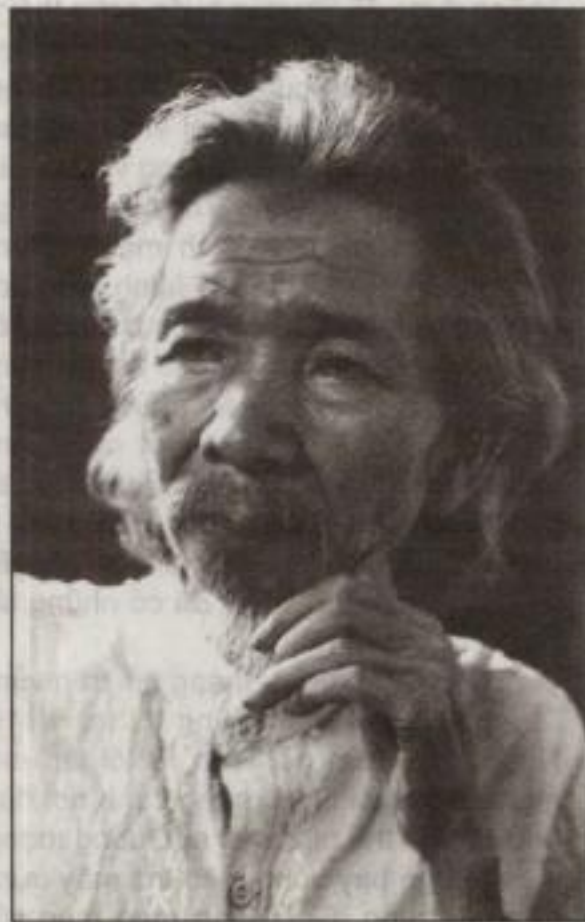
- Bìa Văn Cao đó! Các họa sĩ khác có người vẽ đẹp hơn, nhưng về bìa thơ mà cứ như bìa tiểu thuyết, bìa kịch... chỉ ông Văn Cao vẽ mới ra thơ!

Quả nhiên một thời gian dài, bìa thơ của các nhà thơ đều nhờ bàn tay đa tài, đa năng của Văn Cao! Thế là tôi thêm một lần sung sướng, mặc dù khi đó tôi chưa được gặp ông, chỉ thầm nghĩ: Ông này có đọc bản thảo của mình trước khi vẽ bìa không nhỉ?

Sau này khi gặp ông, tôi cảm ơn về bìa sách ông trình bày. Ông nhận xét: "Thơ cậu hay liên tưởng so sánh xưa và nay. Cả tập thơ có một chủ đề khẳng định cuộc sống mới thì dễ vẽ, nhưng đọc kỹ thì đơn điệu đó!"

Tôi búng tỉnh: Bài học lớn nhất về thơ lại không do các nhà biên tập dạy, mà do... họa sĩ vẽ bìa! Sau này, cả đời thơ, tôi gắng chống lại sự đơn điệu là nhờ ông, người không chỉ bao bọc tập thơ đầu của tôi mà còn chẩn bệnh cho nó...

Sau đó, tôi còn gặp bóng dáng ông ở nơi: Hải Phòng nhiều mây - nhiều nước Mênh mông bốn phía chân trời



Nhà thơ, nhạc sĩ Văn Cao.

Mười năm tôi ăn nằm với Hải Phòng thì trường ca Những người trên cửa biển của ông như kinh nhật tụng. Không phải tôi cố ý đọc nó, mà đến góc đất, góc trời nào trên đất Cảng Hải Phòng cũng thấy vang lên những câu thơ ông:

Cỏ mùa nọ bay ra biển
Chim yến từ biển bay về
Lòng sông đất bồi ngày càng nhỏ
Bướm trắng rụng đầy ngọn sù ven sông
Bài thơ Những người trên cửa biển của Văn Cao như một cây đại thụ tỏa bóng rợp xuống các nhà thơ Hải Phòng (thời chống Mỹ) khiến hầu như ai cũng ít nhiều hấp thu được bóng mát thơ ông. Nhưng những cây non không những không bị cớm mà còn thừa hưởng được tổ chất khoẻ khoắn, chân, mộc, làm nên cái chất tạm gọi là chất Hải Phòng (chất thơ, chất cần lao...)

Nhờ cái chất chân mộc không cần làm

dáng mà thơ ông không bao giờ cũ. Ông viết hơn nửa thế kỷ trước mà văn phong như của một nhà thơ hiện đại vừa viết xong. Tôi đã ví thơ ông mang vẻ đẹp tấm ngực trần người bốc vác, hay một vẻ đẹp lực sĩ Hercule. Nếu mặc áo thì sớm muộn gì chiếc áo cũng lổm mổm. Nhưng một vẻ đẹp cơ bắp con người do tạo hoá sinh ra thì có bao giờ cũ!

Lần đầu tôi đến Quy Nhơn, thành phố vừa qua một trận mưa, nắng hừng lên, trời biển phố xá sáng láng và ướt át, Nắng làm tươi lại rêu phong trên ngôi cổ tháp. Tôi đang bối rối nhìn nhóm một ý thơ thì bỗng văng bèn tại:

Từ trời xanh

Rơi

vài giọt tháp Chàm

(Quy Nhơn 3)

Văn Cao đã lượm được những viên ngọc vô giá của trời nước Quy Nhơn làm mờ nhòa đi những câu thơ về Quy Nhơn trước đó!

Về quan niệm nghệ thuật, dù thể hiện mình cách nào, thể loại nào ông vẫn là một khối thống nhất. Có lần tôi bắt chợt ông đang cau có trước đề nghị của một nhà biên tập nhạc của xưởng phim:

- Nếu chữa đoạn này đi thì còn gì là Văn Cao? Thơ tôi thế nào, họa tôi thế nào thì nhạc phải như vậy!

Quả là Thơ, Nhạc, Họa như 3 cửa sổ mở ra tiếp xúc với thế giới của một tâm hồn Văn Cao. Tôi mong có một luận án mỹ học của ai đó phân tích, chứng minh được sự thống nhất trong đa dạng của ông!

Ở Văn Cao có hai con người: con người của cộng đồng, ông đã nói hộ cộng đồng này những tình cảm yêu nước dạt dào. Cộng đồng này đã hát lên tiếng lòng của ông không chỉ những tráng ca, mà cả những ước mơ lãng mạn vượt khỏi cõi đời thường. Con người thứ hai của ông thì ít người biết. May thay, nhờ những bài thơ trong số tay ông để lại mà người ta thấy có những lúc Văn Cao cô đơn, cô độc đến nhường nào! Thí dụ bài thơ Đối bạn, ông để tặng Nguyễn viết năm 1967. Đó là năm những thành phố bị đảo lộn sinh hoạt vì tiếng còi báo động, tiếng bom của không quân Mỹ. Vậy mà tiếng bom lớn đến thế vẫn không động tới cái góc u tĩnh của tâm hồn ông. Qua tâm trạng bài thơ, ông như một đồ vật bị bỏ quên, cũ nát từng ngày. Ông và người bạn Nguyễn gặp nhau hàng ngày không phải để giao lưu, bởi họ đã quá hiểu nhau:

Chúng tôi, nói như không nói

Im lặng nói nhiều hơn

Họ chỉ thấy ở mắt nhau:

Một lớp tro đang dòng dòng kéo sợi

Như tơ nhện trong không gian đầy nước

Phủ các đồ vật cũ

Phủ lên cả chúng ta

Cả bài thơ là tiếng độc thoại nội tâm.

Thời điểm đó, người ta cần những tác phẩm gắn kết mọi người thành một khối. Còn ở bài này ông đã bị văng ra, như một mảnh vụn, tự suy nghiệm mình - dường như vô nghĩa - trước thời gian vô cùng! Tôi chưa nói tới khía cạnh thời thế (khoảng thời gian đó, ông thực sự bị bỏ quên), mà chỉ nói tới sự cô đơn cùng tột của người nghệ sĩ. Đặc biệt, sự cô đơn này không cho ta thấy những ý nghĩ yếm thế, chán chường. Ông chỉ nhận chân cuộc sống của riêng ông như nó đang hiện hữu với thái độ thiện cả khi đi, đứng, nói năng... Trước nhu cầu độc thoại, ông không cần biết ai nhìn mình, đánh giá mình, nên không có đến một nhếch mép làm duyên hay khinh bạc trong bài thơ:

Chúng tôi hai người

Một bóng...

Hiểu được trạng thái này thì sẽ hiểu được, vì sao 20 năm sau, trong một đêm diễn, khi hào quang của các ca khúc Văn Cao sáng đến cực điểm như để đền bù cho cả những ngày ông bị bỏ quên, hàng ngàn người trong Nhà Hát Lớn đứng cả lên vỗ tay hưởng về ông, một rừng hoa ào tới tràn ngập ông. Thế mà chính lúc ấy, trong đầu ông bật ra hai câu thơ đầy nghịch lý:

Người ta đôi khi bị giết

bằng những bó hoa!

(Những bó hoa)■

VĂN CAO... RƯỢU

THANH THẢO

NÓI tới Văn Cao, ngoài những chuyện tài (năng) và tai (nạn) của ông, người ta còn hay nói chuyện Văn Cao uống rượu. Nhưng theo tôi, nói "Văn Cao uống rượu" có vẻ chưa được ổn, mà nên nói đơn giản "Văn Cao rượu". Vì, rất nhiều lần được ngắm Văn Cao uống rượu, tôi rất ít khi thấy ông uống, mà nhiều hơn, là thấy ông ngồi thiền trước chén rượu. Lặng lẽ. Người ta nói những người uống rượu như thế là những người "mượn rượu", không phải chuyện mượn rượu giải sầu, mà là mượn chuyện uống rượu, mượn cái không khí rượu - dù là không khí ngoài quán hay trong nhà - để ngắm ngời cái gì, chuyện trò tương tác những gì với bạn bè anh em, hay cô đơn du hành trong tâm trí tới những vùng xa lạ nào của tâm tưởng. Đứng là rượu gắn bó với phần lớn cuộc đời Văn Cao, nhất là trong khoảng 40 năm cuối đời ông. Nhưng vì "rượu" theo kiểu riêng của ông như vậy, nên thực ra lượng cồn chảy vào người Văn Cao không nhiều. Có những buổi Văn Cao chỉ ngồi trước độc nhất một chén rượu, như thế thì rượu trong chén cũng đã nhạt hơi và theo lời khuyên của các thầy thuốc bây giờ, thì đó chỉ là cách uống rượu dưỡng sinh. Uống như thế không thể say bết nhè, càng không có chuyện không làm chủ được đầu óc để dẫn tới những điều đáng tiếc. Không phải ai cũng có cách uống rượu như vậy, vì nếu ai cũng uống theo kiểu chỉ ngồi im nhìn chén rượu (hay cốc bia) thì các hãng rượu bia phải đóng cửa phá sản từ khuya rồi! Nhưng kỳ lạ là khi Văn Cao uống rượu theo kiểu của ông với đám đàn em chúng tôi, thì cách "rượu" của ông không hề ngăn trở hay làm mất hứng bất cứ ai trong bàn rượu, dù đó là những anh chàng đang độ hảo hán coi vài ba chai sáu lăm như đổ bỏ, coi vài chục vai bia hơi như trò súc miệng. Cái nét có thể gọi là đẹp, bây giờ người ta hay gọi là "văn hoá" trong chiếu rượu của Văn Cao, là ông biết chờ bạn rượu, biết lắng nghe người khác nói, dù đó là những đứa em út, và khi tới lượt mình, thì biết nói những điều tâm huyết, biết kể chuyện đời một cách nhẹ nhàng, và tuyệt đối không khoe khoang. Nghe Văn Cao bên chén rượu nói chuyện hay kể chuyện rất thích, vì ta có cảm giác một không gian thân mật ấm cúng bao phủ cả chiếu rượu, len lách vào từng người uống rượu, và ngay khi nghe Văn Cao kể chuyện, thì những chuyện buồn, những chuyện đau đớn của ông vẫn lặng lảng. Người như thế không biết oán thù, không sân hận, nhưng bao giờ cũng biết nhớ, nhớ một cách rõ ràng, chính xác từng chuyện một đã xảy ra với mình trong đời. Chính vì sống như thế mà tận cuối đời Văn Cao vẫn sáng tác được những bài thơ những bản nhạc cực hay. Có một cái gì nung nấu, một cái gì tinh lọc, một cái gì chung cất lạng lẽ như qui trình chưng cất rượu trong tâm hồn người nghệ sĩ tài ba nhưng khiêm nhường này, để "hoạt động uống rượu" của Văn Cao trở thành như một nghi lễ với riêng ông. Người ta vẫn gọi những người đạt tới "tâm" uống rượu như thế là những "tiên tử". Đúng Văn Cao là tác giả Thiên Thai bất tử, nhưng ông rất người thường, rất như mọi người, chứ không phải "tiên". Bây giờ, nhiều khi ngồi uống bia hay rượu với "những người nổi tiếng" tôi thấy họ nói nhiều quá, nhất là nói về mình nhiều quá, mà lại ít những câu chuyện kể về bản thân mình khiến người ngồi cùng chiếu rượu thấy thấm thía, nghe chén rượu hay cốc bia lên hương hơn là thực chất nó có. Văn Cao đã biết làm "lên hương" mỗi chén rượu ông và bạn bè uống trong một chiếu rượu bằng cách để chén rượu mình... hạ nhạt, vì rất lâu ông không nhấp môi. Nhưng chắc chỉ chén rượu để lâu không uống ấy đã hạ nhạt. Biết đâu, trong lặng lẽ, nó đang tự dồn nén hương vị của mình, và chờ đợi. Rất biết chờ đợi.■



QUANG HOÀI

Hương như còn đâu đây

Người đi... Người đi thật?
Xa xăm... một phương trời
Đoà Mai vừa độ thắm
Hương sao vàng vội phai?

Đất Bắc sương lạnh gối
Người nường nắng phương Nam
Mỹ Khê... đêm cát ấm
Rối xa... xa ngút ngàn...

Biết là ở nơi ấy
Gam màu ủ trí âm
Chống chọi bệnh quái ác
Người nuốt đau âm thầm!

Người đi... Người đi thật?
Một phương... một phương Người
Còn những ngày duyên kiếp
Ai đêm dài cặm vơi?

Ơi Người, hỡi Than Thở
Sóng vỗ nhói lòng ta
Cam Ly thác trắng bọt
Réo tiếc một đời hoa!

Bao nhiêu là toan trảng
Ấp iu những cánh thơ
Đã theo Người vội vã
Để mình ta bơ vơ!

Ta lặng ngồi chong đêm
Gọi Người từ ký ức
Mai cánh về với đất
Hương như còn đâu đây...

Một chiều chưa tới hoàng hôn

Một chiều chưa tới hoàng hôn
Tôi ngồi
đợi
mảnh trời chôn
đáy hồ
Ước ao chớp loé đồng khô
Thoả thuê cóc nhái ran bờ ao chuôm!

Một chiều chưa tới hoàng hôn
Tôi ngồi
đợi
mảnh trăng tròn
đêm thu
Khát khao sấm dậy ao tù
Xua tan bụi sấm quét mù mờ hôm!

Một chiều chưa tới hoàng hôn
Tôi ngồi
đợi
mảnh gió nồm
gò tre
Còn đâu tiếng cuộc gọi hè
Còn đâu tiếng vạc bay về trong sương!

Một chiều chưa tới hoàng hôn
Đợi em...
Tôi đợi
Người chôn bão lòng!

HỒ THỊ NGỌC HOÀI

Mùa thu năm ngoái

Mùa thu năm ngoái mẹ về vườn cấy rau và trồng hoa
mẹ thương đất đai chỗ cần chỗ trồng mẹ thương
cả cỏ dại
và quay quắt về những ngày hoa trái đã đi qua

mùa thu năm ngoái mẹ về vườn cấy rau và trồng hoa
ngày đi chậm rãi
mẹ rủ nằm ru buồn

xóm giếng thương
người đàn bà nào cũng trăm thứ nặng
mẹ chẳng nhớ mình...

vườn nhiều rau và vườn nhiều hoa
cả hoa trái cũ...

Chuyện nơi công sở

Câu chuyện công sở
nào nguyên tắc
nào thời gian
vô ích và có ích
nào phân bì so sánh
nào nọ kia cao thấp trong cơ quan
nặng nề...

Mềm mòng và gọn rõ
từ lời nói đến khuôn mặt và mái tóc
nhiệm vụ xong
em khép cửa

còn lại nửa câu của em về riêng tư cùng lưng lưng
nước mắt

tôi hình như ưu tư
thấy phía trước của em mệnh mông hơn mong đợi
cũng nhiều hơn

đi qua những lúc buồn tủi
em cô đơn chời lại
phía trước nào cũng chấp chời hoa bay

tôi không thể không nói với em
nước mắt sắp rơi nơi cánh cửa chưa vội khép ngay
em buồn và đẹp...

TRẦN ANH TRANG

Thời gian

Cái gì tôi sẽ tới
Cái gì qua sẽ qua
Vết thương vừa nhỏ máu
Rối sẽ liền thịt da

Từ lộc non, lá biếc
Sẽ là cánh, là hoa
Rối thì lá sẽ tàn
Hoa âm thầm rụng hết

Sáng mới nâng trên tay
Chiều đã vàng xao xác
Vội vã một kiếp người
Chưa chi đâu đã bạc.

Xứ Lạng

Đã lâu không về thăm xứ Lạng
Nơi nàng Tô Thị đứng chờ trông
Trong đá trái tim đường vẫn đập
Dáng người nằm thẳng phủ rêu phong

Sông chảy dềnh dàng quanh thành phố
Mà Kỳ Cùng vỗ sóng không người
Cây xanh đã tỏa đời bờ đá
Bâng khuâng gió thổi thoảng hương hồi

Cửa Bắc, cửa Đông giờ rộng quá
Thành xưa lấp lánh bóng cờ sao
Tiếng ve đánh thức mùa ra quả
Hồng, mặt giòn tan, thắm vị đào

Núi mẹ ngàn năm thành chiến lũy
Sông sâu cuộn chảy ở trong lòng
Nâng chén rượu đầy in bóng núi
Xứ Lạng hòa trong mạch máu hồng.

LƯƠNG ĐÌNH DŨNG

6. Đêm...

Đêm
Len trong gió, có tiếng thở dài
Của một chùm hoa li ti..
Bỗng tuột mình sau chiếc lá...

Đêm. Nghe tiếng đàn buồn
Của một chàng trai..
Gỗ dài trên phím gỗ..

Đêm. Nghe tiếng thở buồn
Của một người ngày mai đi xa
Biết mình đi xa mãi..

Đêm. Nghe tiếng bật cười
Của một kẻ dở hơi
Đứng cười ngay giữa phố..

Đêm. Tôi nghe tiếng cuộc đời
Rơi mình trong hạt mưa
Lan dài trên ngõ vắng..

Đêm. Tôi nghe tiếng thở dài
Của em..
Sao mà nghe đắng chát...

Đêm. Vẫn bóng ai đang ngơ ngác
Vẫn đi tìm bóng ai..
Không còn tiếng thở dài
Chỉ còn bước chân, ướt nước..

Đêm. Tôi lắng tiếng cuộc đời...

Lấy chồng xa

Chiều buồn buồn rơi nhẹ
Nắng rực vàng mặt sông
Ngẩn ngơ cá đớp nước
Lâm tan đi bóng hồng
Ngày mai em theo chồng
Qua bên dòng sông ấy
Nước đi ngày trở lại
Nước có còn trong không..?

Em đi lấy chồng
Xuân chưa tròn mười tám
Mộng mơ bao ngày tháng
Nay bỗng thành mệnh mông..
Mẹ tiễn chị sang sông
Em tiễn chị sang sông
Thút thút ..đâu.. trong lòng

Mép sông..
Mãi chèo khua lờn bờ
Nước chảy trôi bóng hồng

Cha thì ngồi lặng lẽ
Lòng người đầy bão giông..



VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

VĨNH BIỆT MỘT NGƯỜI BẠN CỦA GIỚI VĂN NGHỆ VIỆT NAM

TRẦN ĐƯƠNG

Trong cả cuộc đời 82 năm, ông chưa một lần đặt chân tới Việt Nam. Đó là điều ông vô cùng tiếc nuối và ân hận. Song, ông rất tự hào được coi mình là một trong những nhà báo, nhà văn Đức sáng tác sớm nhất về Việt Nam. Hơn thế nữa, với ông, Việt Nam có sức mạnh kỳ lạ: một đất nước đã thay đổi cuộc đời ông!

NHÀ văn ấy tên là Erik Neutsch - một trong những tác giả tiêu biểu nhất của Cộng hòa Dân chủ Đức trước đây, được xếp ngang hàng với Hermann Kant, Erwin Strittmatter, Juri Brezan, Christa Wolf... Ông là tác giả của hàng chục tập truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản sân khấu và điện ảnh, song tác phẩm *Dấu tích của đá* đã trở thành biểu tượng cả cuộc đời sáng tác của ông; nói đến tiểu thuyết đặc sắc ấy là người ta nhớ đến ông, hệt như *Bầu trời chia cắt* là biểu tượng của Christa Wolf, *Ole Bienkopp* là của Erwin Strittmatter.

Được tin ông vừa qua đời ở thành phố Halle, nơi ông ra đời và trưởng thành trong sự nghiệp báo chí cũng như sáng tạo nghệ thuật, tôi cứ bàng hoàng, không tin đó là sự thật. Những kỷ niệm về ông dần dần hiện lên, bừng sáng trong trí nhớ. Tôi được gặp ông từ lâu lắm, quãng 1960, 1961 - khi tôi mới 17, 18 tuổi, đang học nghề ở thành phố Bitterfeld, thuộc tỉnh Halle. Đạo ấy ông là biên tập viên của tờ *Freiheit* (Tự do), tờ báo của tỉnh đảng bộ Halle. Là người đang tập tễnh viết báo, viết văn, tôi thực sự vui mừng được tiếp xúc với ông, nhà văn ở tuổi 30 đã nổi tiếng với tập truyện ngắn *Cuộc gặp gỡ lần thứ hai* và *Những câu chuyện xứ Bitterfeld*. Một gương mặt sáng láng, hiền hậu, mái tóc bóng bẩy cuộn sóng, có những sợi xõa ngang vầng trán. Ông đã giúp tôi sửa chữa các bài báo nhỏ để đăng lên tờ *Freiheit*. Đó là những dấu ấn đầu tiên trên con đường báo chí của tôi. Những ngày đầu gặp gỡ, ông còn kín đáo, nhưng dần dần, ông cho biết: ông rất yêu Việt Nam; Việt Nam là một tên gọi có sức vang đặc biệt trong cuộc đời ông. Và ông nói: ông đã tiếp xúc với thanh niên Việt Nam - trong đó có các nhà văn, nhà thơ như Nguyễn Đình Thi, Nông Quốc Chấn, khi ông mới 18 tuổi. Suốt cả thời gian dài, tôi cứ nghĩ ngợi mãi về điều ông nói, song chưa có dịp hỏi ông thật kỹ lưỡng. May sao, năm 1966, tức năm năm sau, đọc cuốn *Việt Nam trong giờ phút này*, tôi đã tìm thấy một đoạn hồi ức của ông:

"Người ta cứ nghĩ rằng, Việt Nam ở xa lắm - ít nhất thì cũng xa như tin tức báo chí hàng ngày và không gần hơn những tấm ảnh truyền hình.

Tôi nhớ lại, một lần nào đó, không rõ là bao giờ, tôi có viết một tiểu phẩm, và chỉ riêng một cái tên VIỆT NAM cũng đủ làm tôi nhớ đến một sự quyết định - quyết định đã thay đổi đời tôi, đã thay đổi một cuộc đời vào lúc đang có thể thay đổi được, bởi vì tôi vừa tròn 18 tuổi. Việt Nam - 1949- bấy giờ đương là cuộc khủng bố đẫm máu của các chính quyền đế quốc chống lại một dân tộc yêu chuộng tự do, đương là cuộc đấu tranh anh hùng vì tự do của một dân tộc chống ách thống trị của ngoại xâm.

Việt Nam năm 1949. Tôi gia nhập Đảng^(). Và tôi biết chắc rằng các cuộc tranh luận về Việt Nam đã ảnh hưởng đến quyết định lúc bấy giờ của tôi.*

*Tôi biết rõ điều đó, bởi vì, những ngày này, Việt Nam 1966, tôi cũng đã tìm lại được tiểu phẩm tôi viết hồi bấy giờ. Suốt ngày và đêm, tôi mãi mê viết vở kịch *Cuộc chiến tranh bắn thủ* nói về một làng quê Việt Nam bên sông Mê Kông và về Hoàng cung của Bảo Đại. Chắc chắn rằng, đánh giá theo cách nhìn ngày nay, vở kịch ấy không có một chút giá trị gì về tính kịch cũng như về tính nghệ thuật nói chung. Vậy mà tôi gởi ghem nó một cách*



Nhà văn Đức Erik Neutsch (1931 - 2013)

cẩn thận, và với tất cả cảm giác tốt đẹp của mình, tôi đã đáp tàu về Berlin đang những ngày Đại hội liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới (1951) và tôi trao món quà của mình cho đoàn đại biểu Việt Nam.

Đối với tôi, cho đến hôm nay, đó là một ngày không thể quên được, nhất là mỗi khi đọc tin về Việt Nam, xem những hình ảnh về Việt Nam..."

Như vậy, vở kịch *Cuộc chiến tranh bắn thủ* ông viết, cũng như cuộc tiếp xúc với các bạn Việt Nam của ông, diễn ra vào thời kỳ nhân dân ta đang chiến đấu chống thực dân Pháp, còn "hồi ức" trong cuốn *Việt Nam trong giờ phút này* được viết khi giặc Mỹ đang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt ở miền Bắc nước ta. Thật ra, không chỉ có vậy. Là thành viên của Tiểu ban Đoàn kết thuộc Hội nhà văn Cộng hòa Dân chủ Đức, Erik Neutsch thường xuyên có mặt trong những cuộc mít tinh, biểu tình, các cuộc hội thảo nhằm biểu thị tình đoàn kết ủng hộ Việt Nam do các tổ chức báo chí và văn học để xướng tại Halle cũng như ở Berlin. Và ở đó, ông nói về Việt Nam với những tình cảm sâu nặng, thiết tha. Ông tự hào nói rằng: *"Việt Nam đã thay đổi đời tôi, kể từ năm 18 tuổi"*. Ngoài vở kịch sáng tác năm xưa, ông còn viết một số bút ký, truyện ngắn khác về Việt Nam, nổi bật nhất là *Những đứa con đã mất của chị Thủy Đan*, được thực hiện trên cơ sở câu chuyện của một nữ du kích ở miền Nam Việt Nam.

Trong gần 10 năm làm phóng viên thường trú của Thông tấn xã Việt Nam tại Đức, tôi được gặp và trò chuyện nhiều lần với ông, lại có lúc nhận những bức thư và thiệp mừng năm mới của ông gửi từ Halle. Tôi nhớ cái đêm cùng ông tham dự cuộc tọa đàm của giới báo chí dưới chủ đề Việt Nam được tổ chức ở trụ sở Hội nhà báo thành phố Halle, sát bên dòng sông Saale. Nhưng kỷ niệm đặc biệt sâu sắc là chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa ông và nhà văn Nguyễn Đình Thi, nhà thơ Hoàng Trung Thông trong và sau thời gian tiến hành Đại hội nhà văn Cộng hòa Dân chủ Đức vào mùa thu 1973. Thoạt đầu, Erik Neutsch và Nguyễn Đình Thi không nhận ra nhau - nhưng rồi, hai ông đã ôm chầm lấy nhau, reo lên vui sướng khi tôi nói về sự kiện Neutsch trao cho Nguyễn Đình Thi vở kịch năm 1951. Vâng, 22 năm rồi còn gì! Nguyễn Đình Thi già đi nhiều, qua bao năm tháng chiến tranh. Neutsch cũng không còn là chàng trai 20 tuổi! Nhưng, họ giống nhau là đã có những thành tựu nghệ thuật đồ sộ trên lĩnh vực văn chương và sân khấu. Như một kẻ "môi giới" giữa hai ông, tôi kể cho Neutsch về tác phẩm văn xuôi, kịch và thơ của ông Thi. Còn ông Thi thì say sưa nghe tôi nói về sự nghiệp của Neutsch - những tác phẩm mà dường như người Đức nào cũng biết. Họ có một tình bạn thực sự, tuy bị đứt đoạn vì xa cách đã lâu. Giờ đây, họ càng quý trọng nhau, như một số bạn văn khác của hai nước mà tôi chứng kiến: Huy Cận với H.Preissler, Tế Hanh với Paul Wiens, Hoàng Trung

Thông với Bruno Apitz... Nguyễn Đình Thi yêu cầu tôi giới thiệu kỹ tác phẩm của Herurann Kant, Chủ tịch vừa được bầu tại Đại hội, và của Erik Neutsch - mà như ông nói là *"người bạn lâu nhất"* của ông ở Đức. Cái năm hai ông gặp lại nhau, cũng là năm Neutsch được mùa lớn: công bố tiểu thuyết *Trên đường tìm về Gatt* và tập truyện ngắn *Ba ngày trong cuộc đời ta*, cũng có tiếng vang như tập truyện ngắn *Những người khác và tôi* xuất bản trước đó ba năm (1970). Ông còn là tác giả viết cho trẻ em (tập *Olaf và con chim vàng*- 1972) và một số kịch bản cho sân khấu, điện ảnh như: *Dấu tích của đá* (1966), *Khích lệ* (1969), *Chân dung một họa sĩ* (1973)... Nói đến Erik Neutsch, người ta không thể không nhắc tới bộ tiểu thuyết (3 tập) *Hòa bình ở phương Đông*.

Song, như đã kể, *Dấu tích của đá*, bộ tiểu thuyết viết năm ngoài 30 tuổi (1964) mới là tác phẩm được nói đến nhiều nhất của ông. Tôi có nói vui với Nguyễn Đình Thi: *Dấu tích của đá* cùng lứa tuổi với *Vỡ bờ* của anh ra đời đầu những năm 60, nhưng *Vỡ bờ* nói về xã hội Việt Nam trước cách mạng Tháng Tám 1945, còn *Dấu tích của đá* phân ảnh những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất Đức.

Với tác phẩm này, Erik Neutsch là nhà văn đầu tiên ở Cộng hòa Dân chủ Đức đề cập *thế giới nội tâm* của nhân vật trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới; nổi bật là sự giằng xé trong tư tưởng con người trước hai con đường, cái mới chưa thắng thế, nhiều phen bị tàn dư tư tưởng cũ ngăn cản bước tiến. Điều đó không chỉ gặp ở lớp trí thức như tiến sĩ Bellmann, giám đốc xí nghiệp trẻ tuổi, mà cả ở tổ trưởng tổ thợ nề Balla, người công nhân Urawczyk... Tiêu biểu cho hệ tư tưởng mới là Bí thư đảng ủy Werner Horrath, một nhân vật trung tâm, thể hiện tâm tư tưởng mới, tỏa sáng toàn bộ thế giới nhân vật của bộ tiểu thuyết, trong những mối quan hệ chằng chịt, những dằn vặt của từng cá nhân trong lao động, trong ý thức làm chủ cuộc sống mới, làm chủ bản thân mình. Cũng là lần đầu tiên, những câu chuyện tình yêu - như giữa bí thư đảng ủy và cô kỹ sư Katrin Klee được miêu tả sinh động, trên cơ sở cùng chung quan điểm về lao động, về xã hội.

Cũng là lần đầu tiên, với tiểu thuyết *Dấu tích của đá*, Erik Neutsch mở ra những không gian rất rộng. Nếu ở *Ole Bienkopp*, Erwin Strittmatter chỉ kể chuyện trong một làng nhỏ, thì nhân vật của Neutsch hoạt động ở nhiều làng quê, nhiều thị trấn, cả ở Ban lãnh đạo thành ủy, ở các bộ và Hội đồng nhà nước; không gian mở đến tận hải cảng Rostock, thậm chí đến Moskva, Irkutsk và Bratsk (Liên Xô)! Tất cả các quan hệ, các không gian được phản ánh đều nhằm ca ngợi sự phát triển tất yếu của lịch sử, nhằm xây dựng và khẳng định thế giới tâm hồn tốt đẹp, trong sáng của những con người làm chủ vận mệnh mình.

Nguyễn Đình Thi cho rằng, một tiểu thuyết như thế rất đáng dịch và giới thiệu ở Việt Nam. Tiếc rằng, cho đến hôm nay, nó vẫn chưa được dịch ra tiếng Việt, trong khi *Bầu trời chia cắt* của Christa Wolf và *Ole Bienkopp* của Erwin Strittmatter đã hiện diện và được bạn đọc Việt Nam đón chào từ mấy chục năm rồi.

Tuy nhiên, việc chưa làm rồi sẽ làm. Erik Neutsch đã vĩnh biệt chúng ta, song hình ảnh ông, tấm lòng ông, sự nghiệp ông vẫn sống mãi trong trái tim các bạn văn nghệ sĩ Việt Nam. Trong những năm gian khổ nhất, ông đã từng sống cho Việt Nam, đã từng *"được Việt Nam thay đổi cuộc đời"*. Thay đổi theo hướng đúng đắn nhất, với cả niềm tin mãnh liệt vào chính nghĩa, đúng như lời một nhân vật của ông đã nói: *"Các bạn ơi, hãy tin tưởng! Hãy siết chặt đội ngũ, tổ chức lại và chiến đấu cho ngày mai!"*■

(*) Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức (một chính đảng cộng sản)

TỪ NGỮ CHỦ ĐẠO CỦA NHÀ VĂN

BRAD LEITHAUSER* (Mỹ)

TRONG các tác phẩm của Shakespeare, từ "sweet" (ngọt ngào) xuất hiện 840 lần. Nếu bạn chấp nhận cả những biến thể của từ này, như là "out - sweeten'd" (quá đối ngọt ngào), "true - sweet" (thật sự ngọt ngào), "sweetheart" (người yêu), con số này sẽ tăng lên đến 1.000. Trên thực tế, với những ai yêu thích thơ sonnet, đây không phải là con số khiến người ta phải bất ngờ. Các nhà thơ tiếng Anh dùng từ "sweet" trong tất cả các hình thức, khoảng khắc của tình cảm. Đó có thể là sự yêu thương, dễ dàng, cũng có thể là một lời trách cứ hoặc là một nỗi đau đớn, thống khổ hay một sự đồng cảm nào đó. Điều đặc biệt ở Shakespeare là ông đã tạo nên một hệ thống phong phú các ý nghĩa của một từ vựng là "sweet", biến nó thành một từ ngữ thực sự "có đường".

Điều này là tương tự đối với từ "flower" (hoa) và "flowers" (những bông hoa) trong thơ của EE Cummings. Người ta đã đếm được trên 100 lần những từ ngữ này xuất hiện trong những bài thơ mùa xuân của Cummings. Và khi thực hiện một khảo sát trong thơ AE Housman, các từ ngữ như "lad" (cậu bé) và "lads" (những cậu bé), xuất hiện nhiều hơn so với các từ như "beauty" (đẹp) hay "life" (cuộc sống), thậm chí là nhiều hơn cả so với các từ như "love" (tình yêu) hay "death" (cái chết). Đối với nhà thơ Housman, "lad" có lẽ là từ ngữ được sử dụng nhiều nhất trong các tác phẩm của ông. Nó thể hiện tất cả những cảm xúc sâu sắc nhất của Housman, bao gồm cả niềm đam mê, sự ham muốn, từ bỏ, lẫn sự ghen tỵ và lòng biết ơn.

Mỗi nhà thơ, nhà văn đều có những từ ngữ chủ đạo của riêng họ. Những từ ngữ này có thể dần dần ăn sâu vào trí óc của bạn khi bạn bước vào thế giới của một nhà văn mới. Càng đọc nhiều về họ bao nhiêu bạn càng có nhiều khả năng nắm bắt được dòng cảm xúc của họ nhiều bấy nhiêu. Những từ ngữ chủ đạo của mỗi dòng cảm xúc có hiệu lực tạo nên những dòng mới, thể hiện những biến động và thay đổi trong mỗi hỗn văn chương. Tất nhiên, với những tác giả lớn, việc xác định từ ngữ chủ đạo khá dễ dàng, vì nó được định hình khá sớm, được thúc đẩy và sử dụng với tần suất cao nhất, bạn chỉ cần một phép tham chiếu ngôn ngữ học là có thể thấy được một cách rõ ràng. Bạn cũng có thể khám phá từ điển cá nhân của các tác giả nếu bạn quan tâm.

Đôi khi tôi tự hỏi, liệu có thể suy luận về một nhà thơ chỉ dựa vào một bảng thống kê tần suất từ vựng học trong các tác phẩm của nhà thơ ấy không? Nếu như có một số lượng từ hợp lý, việc này có lẽ có thể được. Bạn có thể đưa ra ý tưởng rằng Housman là một người đồng tính khi thấy ông ấy sử dụng quá nhiều những từ "lad" và "lads" hay "man" trong thơ của ông ấy. Nếu đếm 3 từ vựng này trong thơ của Housman, ta có được 200 lần. Ngược lại, những từ như "woman" (người phụ nữ), "women" (phụ nữ), "girl" (cô gái) và "girls" (những cô gái) chỉ xuất hiện có 20 lần. Hoặc giả bạn cũng có thể đặt ra một giả định về sự cách ly với đời

sống bình thường của hai nhà thơ lớn là Wordsworth và Byron khi bạn đếm xong số lượng các từ "tranquil" (yên tĩnh) và "tranquility" (an bình), "tranquilizing" (tĩnh tại) trong các tác phẩm của họ. Những từ ngữ này xuất hiện hơn 50 lần trong thơ của Wordsworth và khoảng 12 lần trong thơ Byron. Liệu con số thống kê này có đang cho thấy sự ra đời của một nhà thơ chiêm niệm không?

Một bảng tham chiếu ngôn ngữ học cũng giống như là một biểu đồ của bầu trời đêm với các vì sao là sự phân bố từ vựng vậy. Nó cho ta thấy được tâm trí của một nhà văn. Ngay cả khi chúng ta chưa bao giờ đọc Milton thì chúng ta vẫn có khả năng giả định một cái gì đó rộng lớn dựa vào biểu đồ ngôn ngữ này. Chúng ta cũng có thể giả định về một cái gì đó xa hơn hoặc gần hơn, thường xuyên hay bất thường.

Trong suy nghĩ của riêng tôi, từ chủ đạo là một đứa con ngoại vi, chỉ thỉnh thoảng mới phản ánh các chủ đề sâu sắc nhất của một tác giả. Chúng khá thất thường và phụ thuộc hoàn toàn vào người viết. Nếu như tác giả của nó không chào đón nó một cách nồng nhiệt hay đặt chúng thường xuyên trong những tác phẩm của mình, việc chúng ta dựa vào con số thống kê là không thỏa đáng. Từ chủ đạo cũng giống như một con mèo hoang vậy, Anne Tyler thường sử dụng các từ như "lambent" (chập chờn) và "crescent" (trăng lưỡi liềm), John Cheever thích từ "inestimable" (vô giá), H. G. Wellshay dùng từ "incontinently" (ngay tức khắc) và Thackeray thì yêu mến từ "artless" (chất phác). Mỗi chú mèo hoang này lại đặt ra một thách thức nho nhỏ đối với các nhà phê bình. Điều gì đang ẩn giấu phía sau những âm tiết đặc biệt này? Tại sao những "con mèo hoang" như thế lại được tác giả nâng niu và trân trọng?

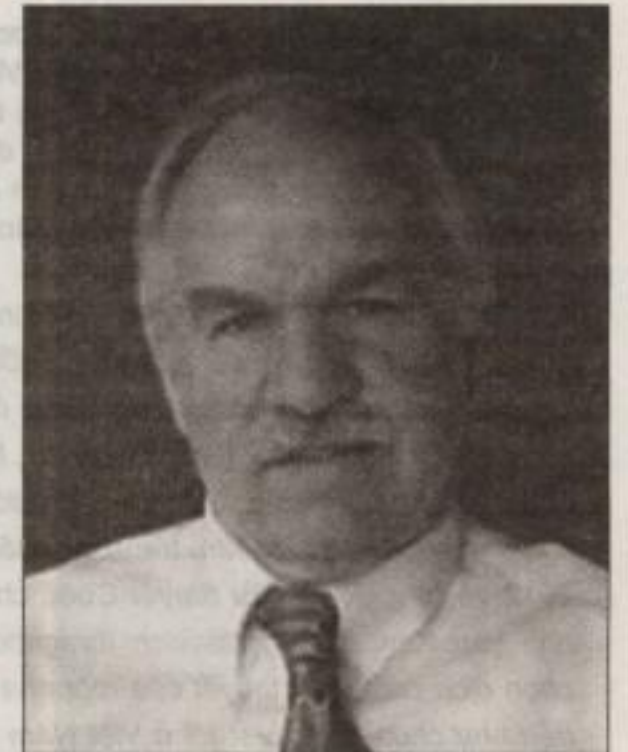
Tôi là giảng viên dạy cách thức viết tiểu thuyết cho sinh viên và tôi phát hiện ra rằng, sinh viên của tôi thường không biết gì về từ chủ đạo của họ. Họ thường giết mình, bối rối, vội vàng khi tôi đề cập việc tham chiếu ngôn ngữ học và thúc giục tôi giúp họ tìm ra từ chủ đạo của họ. Theo thời gian, tôi tự mình tập hợp một danh sách về những từ mà tôi sử dụng quá nhiều và phải theo dõi thường xuyên. Tôi đặc biệt dễ bị cuốn hút bởi các từ như "heart" (trái tim) và các từ liên quan đến nó như "heartening" (sự phấn khởi), "wholehearted" (tận tâm), "good-hearted" (tốt bụng) hoặc là các từ đối nghịch với nó như "disheartening" (đau lòng), "heart - sore" (đau khổ), "heartbroken" (đau buồn). Với tôi, những từ ngữ này là một

tim kiếm thường xuyên và sự thay thế cần thiết trước khi nộp bất cứ đề xuất nào.

Có một cảm giác rất lạ, rất đặc biệt, giống như là ta đã phạm tội khi mà bạn có ý nghĩ sử dụng từ chủ đạo của một tác giả nào đó cho riêng mình. Bất cứ khi nào tôi chạm tới từ "impenetrable" (bất khả xâm phạm), nó đều khiến tôi nhớ về Joseph Conrad, dù tôi đã tự an ủi là tôi chỉ đang chia sẻ một bí mật với ông ấy thôi. Tôi nghi ngờ rằng, đối với Joseph Conrad, "impenetrable" là một từ chủ đạo, được nhà thơ này yêu thích hơn bất cứ từ chủ đạo nào khác. Nó giống như là được xếp vào diện đặc quyền vậy. Tôi tin rằng, "impenetrable" là cảm giác chủ đạo trong *Trái tim của bóng tối* (Heart of Darkness), nơi có một khu rừng bất khả xâm phạm, không thể vượt qua và một bóng tối không có cách nào xuyên thủng được. Tương tự như với *Trái tim của bóng tối*, từ "impenetrable" (bất khả xâm phạm) cũng được sử dụng trong rất nhiều tác phẩm khác của Joseph Conrad, như: *Một mình trên hoang đảo* (An Outcast of the Islands), *Chúa tể Jim* (Lord Jim), *Tác nhân bí ẩn* (The Secret Agent),...

Ban đầu, từ ngữ của Conrad không có nhiều tiếng vang, nó chỉ là một va chạm nhỏ hoặc là một phản xạ lưỡi biếng nào đó. Song, qua thời gian, nó trở thành cốt lõi cho các tác phẩm của ông, thể hiện một sự nghiêm túc, sung mãn, chắc chắn và chân thành. Conrad đẩy sáng tác vào một lối đi mà ông không thể bước vào. Thế giới thách thức ông, chế nhạo ông. Những tán lá của rừng nhiệt đới, những tàn tích của một thành phố cổ, những rung động không thể thốt lên lời, những tín hiệu không thể nắm bắt của một mặt trăng xa xôi đang tràn trên mặt biển,... tất cả đều không thể nắm bắt được, không thể vượt qua, là "bất khả xâm phạm". Vì vậy, có thể thấy rằng, các nhà văn, bằng một cách nào đó, đã thành lập nên một nhóm từ chủ đạo và liên tục gõ nó vào cánh cửa vững chắc, vào chốn thiêng liêng thuộc về cuộc sống.

Ngược lại với Conrad, Updike thích các từ như "lambent" (chập chờn) và "lambency" (chói sáng). Nó giống như là một ý thức tôn tạo vậy. Tôi nghi ngờ rằng, Conrad sẽ rất "sốc" khi biết rằng ông đã sử dụng quá nhiều từ "impenetrable" trong tiểu thuyết của mình. Với Conrad, "impenetrable" không chỉ là một từ ngữ yêu thích mà là một khái niệm được yêu thích. Chúng ta có thể thấy trong các tác phẩm của Conrad một tập hợp phong phú các từ ngữ trong trường nghĩa của "impenetrable" như: "inaccessible" (không thể truy cập), "unfathomable" (không thể thăm dò) và "insoluble" (không thể hòa nhập).



Bertrand Russell cũng từng yêu cầu lập danh sách 20 từ ngữ chủ đạo của ông. Ông tỏ ra rất vui vẻ trong khi thực hiện công việc này. Một số từ ngữ được sử dụng với tần suất cao được đếm ra là "golden" (vàng), "wind" (gió), "alabaster" (thạch cao), "astrolabe" (thiên kế), "sub-lunary" (thế gian), "alembic" (cất rượu), "begrimed" (lấm lốc), "diapason" (âm điệu),... Thật khó để tìm ra đâu là từ chủ đạo nhất của nhà văn này với quá nhiều những từ được yêu thích ở các lĩnh vực khác nhau. Theo như tôi thấy, bản tham chiếu ngôn ngữ học đồ sộ của Russell là không thực tế. Vì thế mà nó không nói lên được việc nhà văn này quản lý như thế nào đối với các từ ngữ chủ đạo của ông trong các bài luận, tiểu thuyết hay hồi ký.

Nếu xét danh sách 20 từ chủ đạo của tôi thì từ "level" (mức độ) là một trong số đó. Tôi yêu thích nó vì nó phù hợp để thể hiện cái nét riêng của tôi. Có từ nào lại bình đẳng hơn so với từ "level" chăng? Nó không chỉ đơn thuần là một số nguyên tố. Trên tất cả, nó là một sự song phương đối xứng và tôi cảm thấy rằng, tôi sẽ có một khởi đầu tốt đẹp khi tôi lên chèn "level" vào đoạn đầu tiên của bài viết này.

Những từ chủ đạo, trong một góc nhìn nào đó, là một món quà cho các nhà văn phá bỏ gánh nặng của sự cô đơn. Đối với hầu hết các tác giả, việc sử dụng các từ chủ đạo là một hoạt động đơn độc, một tín hiệu riêng tư, một thông điệp cá nhân. Các nhà văn sử dụng những từ chủ đạo và các từ ngữ được yêu thích này vào những gì họ muốn chia sẻ một cách hữu ích nhất.■

VŨ THỊ HUỆ
Theo Newyorker.com

* Sinh ngày 27 tháng 2 năm 1953, tại Detroit, Michigan, là một nhà thơ, nhà văn, tiểu thuyết gia và giáo sư văn học. Hiện tại, ông đang là giảng viên tại trường Đại học Johns Hopkins.

TRÒ CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

VỚI THỦ THÁCH MANG TÊN “CUỘC CHIẾN ĐI QUA”

Cuộc chiến đi qua - tác phẩm được đọc nhiều nhất ở Nga, được Tổng thống V. Putin trao Giải thưởng Quốc gia về văn học nghệ thuật - sẽ đến với độc giả Việt Nam. Đây là một trong bốn đầu sách được xem như món quà văn hóa của Tổng thống Nga trong chuyến thăm chính thức Việt Nam vào ngày 12/11/2013 vừa qua.

Người dịch tác phẩm tiểu thuyết đồ sộ này là nhà văn - dịch giả Đào Minh Hiệp. Có nhiều điều thú vị chung quanh việc dịch giả đang sống tại Phú Yên bắt gặp “Cuộc chiến đi qua” của một nhà văn Chechnya hầu như chưa được biết tới ở Việt Nam. Nhân sự việc này, Văn nghệ đã có cuộc trò chuyện với ông...



SAU khi tạo được dấu ấn trong lĩnh vực văn học dịch với các tác phẩm nổi tiếng: Đức Mẹ mặc áo choàng lông, Sếu đầu mùa, Khát vọng đổi đời, Thảm tử buồn, Những ngọn cỏ trắng, Không nên khóc..., ông lại làm giới văn nghệ ngỡ ngàng bằng cuộc triển lãm tranh cá nhân vào đầu năm 2012 và bây giờ là tiểu thuyết Cuộc chiến đi qua của nhà văn Kanta Khamzatovich Ibragimov. Vì sao ông chọn dịch cuốn tiểu thuyết của một nhà văn Chechnya hầu như chưa được biết tới ở Việt Nam và chưa có tác phẩm nào được dịch sang tiếng Việt?

- Mọi chuyện bắt đầu từ cú điện thoại của nhà thơ - dịch giả Thủy Toàn vào đầu năm 2012, thông báo cho

tôi biết về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ quảng bá văn học Việt Nam và văn học Nga thuộc Hội Nhà văn Việt Nam và rất cần các bản dịch văn học Nga đương đại để đưa vào chương trình hỗ trợ xuất bản của Chính phủ Nga. Tuy nhiên phải là tác giả và tác phẩm mới, thực sự có giá trị. Suốt nhiều tuần “lặn lội” trên mạng, tôi phát hiện một cái tên chưa một lần xuất hiện trên văn đàn thời kỳ Xô viết nhưng đang làm xôn xao dư luận bạn đọc Nga. Tìm hiểu kỹ hơn về tác giả, tôi lại càng tò mò. Kanta Ibragimov là giáo sư - tiến sĩ kinh tế, đã từng có một cuộc sống sung túc và một công việc ổn định ở Moskva. Ông từng làm Phó tổng cục trưởng Tổng cục Thuế Liên bang Nga. Nhưng sau những cuộc chiến nổ ra ở

Chechnya, ông đã từ bỏ tất cả, đưa gia đình trở về thành phố Grozny quê hương, đồng thời trở về với quá khứ của dân tộc bằng các tác phẩm văn học vì những lý do mà theo như lời ông nói là “để không bao giờ được quên những năm tháng đau thương và lập lại những sai lầm khủng khiếp đó”. Vậy là tôi lại phải mất nhiều tuần nữa để đọc một số tác phẩm của Ibragimov với hàng ngàn trang sách, cuối cùng mới chọn được tác phẩm mình ưng ý nhất - tiểu thuyết Cuộc chiến đi qua dày 700 trang. Đề xuất của tôi được Quỹ Hỗ trợ quảng bá văn học Việt - Nga và Chính phủ Nga nhất trí đưa vào kế hoạch hỗ trợ xuất bản năm 2013.

* Theo dịch giả Thủy Toàn, người đã đọc bản dịch, Cuộc chiến đi qua là một bức tranh lịch sử vô cùng chân thực và xúc động - phần lịch sử còn chưa được biết tới của Chechnya, ngoài hai từ “chiến tranh” và “ly khai”. Điều gì thu hút và ám ảnh ông nhất trong quá trình dịch tiểu thuyết Cuộc chiến đi qua?

- Quả thật trước khi dịch tác phẩm này, tôi chỉ biết Chechnya là một nước cộng hòa tự trị trong Liên bang Nga, rồi sau khi Liên Xô tan rã đã nổ ra các phong trào ly khai bùng phát thành các cuộc chiến tranh khốc liệt. Nhưng đó chỉ là những thông tin khô khan trên các phương tiện thông tin đại chúng. Còn trong tác phẩm Cuộc chiến đi qua của Ibragimov, toàn bộ lịch sử vùng đất Bắc Kavkaz, kể từ khi chính quyền Xô viết được thành lập tại đây vào năm 1924 và tan vỡ hoàn toàn vào năm 1995 đã được tác giả Kanta Ibragimov tái hiện thông qua hình tượng nhân vật chính lấy từ nguyên mẫu cuộc đời đầy thăng trầm và sóng gió của ông nội tác giả. Tác phẩm có sức bao quát rộng lớn và thông qua đó, người đọc có thể cảm nhận một cách đầy đủ và chân xác về bản anh hùng ca cùng những tấn bi kịch tại Chechnya và các vùng đất khác nhau trên lãnh thổ rộng lớn của Liên bang Xô viết trước đây. Nhưng dù có những biến động dữ dội đến đâu thì điều quan trọng còn lại trên mảnh đất này vẫn là niềm tin vào sức mạnh bất diệt của dân tộc, vào một cuộc sống tốt đẹp hơn đang mở ra cho tất cả mọi thành phần cư dân đang sinh sống tại đây. Những điều đó, bạn đọc Việt Nam chưa có dịp biết đến qua các tác phẩm văn học Xô viết trước kia. Chính nhờ những giá trị nghệ thuật và nhân văn sâu sắc mà khi ra đời tác phẩm này đã gây tiếng vang lớn, được đọc nhiều nhất không chỉ ở Chechnya mà ở cả Liên bang Nga. Ba năm sau, tác phẩm đã được đích thân Tổng thống Nga V. Putin trao Giải thưởng Quốc gia về văn học - nghệ thuật năm 2003. Và vào ngày 12/11/2013, trong chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống Nga V. Putin sẽ có một món quà văn hóa là 4 đầu sách văn học Nga dịch sang tiếng Việt do Chính phủ Nga hỗ trợ xuất bản, trong đó có tiểu thuyết Cuộc chiến đi qua.

* Sau quãng thời gian làm công tác quản lý văn học, nghệ thuật, ông nghỉ hưu và dành thời gian cho hội họa. Trở lại với công việc dịch thuật, ông có vất vả không khi dịch quyển tiểu thuyết dày 700 trang in và được cho là rất gai góc của nhà văn Kanta Ibragimov?

- Thực ra, lúc đầu tôi có hơi phân vân giữa hai tác phẩm của Ibragimov là tiểu thuyết Cuộc chiến đi qua



Kanta Khamzatovich Ibragimov sinh ngày 9/7/1960 tại thành phố Grozny, nước Cộng hòa tự trị Chechnya - Ingushetia thuộc Liên bang Nga (nay tách ra thành Cộng hòa Chechnya và Cộng hòa Ingushetia), trong một gia đình trí thức có cha là tiến sĩ hóa học. Sau khi tốt nghiệp Khoa Kinh tế Đại học Tổng hợp quốc gia Chechnya-Ingushetia năm 1982, Ibragimov về làm việc ở nông trang rồi gia nhập quân đội. Đến năm 1983 hết hạn nghĩa vụ, ông lại quay về nông trang làm việc. Sau khi bảo vệ luận văn phó tiến sĩ năm 1990, Ibragimov làm việc ở văn phòng Hội đồng Bộ trưởng Cộng hòa Chechnya-Ingushetia, rồi làm phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu khoa học ứng dụng thành phố Grozny. Năm 1995, ông lên Moskva làm luận án tiến sĩ và bảo vệ thành công luận án trước thời hạn. Từ 1996 đến nay, ông làm việc ở Khoa Kinh tế Đại học Tổng hợp quốc gia Chechnya, Thứ trưởng Bộ Thuế Liên bang Nga từ 1999 đến năm 2000, hiện là Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học thành phố Grozny, Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hòa Chechnya.

Có một điều khá lý thú là cho đến trước năm 38 tuổi, Ibragimov chưa một lần xuất hiện trên văn đàn mà chỉ làm công việc chuyên môn thuần túy và chỉ công bố các bài báo, công trình khoa học, sách chuyên khảo, sách giáo khoa về kinh tế (gần 30 công trình và đầu sách). Tác phẩm văn học đầu tay của ông chính là cuốn tiểu thuyết đồ sộ 700 trang Cuộc chiến đi qua. Sau khi ra đời vào năm 1999,

ngay lập tức tác phẩm đã gây tiếng vang lớn, còn tác giả trở nên nổi tiếng và được đọc nhiều nhất không chỉ ở Chechnya mà cả Liên bang Nga.

Theo nhận xét của các nhà phê bình văn học Nga, sự thành công của Cuộc chiến đi qua là nhờ vốn hiểu biết phong phú và khách quan của tác giả về lịch sử miền đất quê hương ông, hòa quyện một cách hữu cơ với những sáng tạo nghệ thuật độc đáo. Chính vì vậy mà tác phẩm đã đạt đến một sự hấp dẫn đối với đông đảo bạn đọc có văn hóa mà không cần phải nhờ đến một thủ pháp dân chủ giả tạo nào. Có thể, lời bộc bạch của chính tác giả trong bài trả lời phỏng vấn trên Cánh đồng Nga sẽ làm sáng tỏ thêm nhận xét này: “Tôi bắt đầu cầm bút viết văn lúc 37 tuổi, và viết tiểu thuyết ngay. Chỉ có điều xin đừng nghĩ, tôi chỉ đơn giản ngồi vào bàn là dễ dàng viết xong. Để làm được điều đó, tôi đã phải lặn lội khắp nơi để lấy tư liệu và học hỏi cho đến tận bây giờ. Tôi không được học ngành Ngữ văn và dĩ nhiên là còn nhiều lỗ hổng kiến thức, nhưng mặt khác, tôi nghĩ mình cũng có thể mạnh là tôi không bị ràng buộc bởi bất cứ khuôn khổ, công thức hay phương pháp sáng tác nào cả, và điều đó không chỉ tồn tại trong văn học mà còn ở tất cả mọi lĩnh vực”.

Tiếp theo tác phẩm đầu tay, Ibragimov liên tục cho ra mắt nhiều tác phẩm khác và cũng được bạn đọc đánh giá cao, như Kavkaz già nua (2001), Thấy giáo lịch sử (2003), Thế giới trẻ em (2005), Truyện cổ phương Đông (2007), Ngôi nhà hỗn tạp (2009), Aurora (2012)... Kanta Ibragimov được kết nạp vào Hội Nhà văn Cộng hòa Chechnya và Hội Nhà văn Liên bang Nga, rồi được bầu làm Chủ tịch Hội Nhà văn Cộng hòa Chechnya và Chủ tịch Chi hội nhà văn Nga tại Chechnya. Hiện tại, Ibragimov vẫn tiếp tục làm công tác khoa học và văn sáng tác văn học. Và như lời ông nói: “Công việc nghiên cứu khoa học và giảng dạy là để nuôi sống tôi cùng gia đình với năm đứa con, còn văn chương là để nuôi dưỡng tâm hồn”.

Dịch giả ĐÀO MINH HIỆP

CHUYỆN VĂN - CHUYỆN ĐỜI

NGƯỜI THẦY MẪU MỰC

ĐẶNG THỊ THU HIỀN

Sắp đến dịp đại lễ 20/11 năm nay, thấy trò Khoa Ngữ văn chúng tôi lại tung bùng chuẩn bị một mùa "lễ hội" với nhiều hoạt động ý nghĩa, trong đó có Lễ trao giải thưởng Huỳnh Lý cho sinh viên tốt nghiệp xuất sắc nhất hàng năm.

Mang tâm thế của một "người học trò tự nhận" vì chưa một lần được dự thính bài giảng của Thầy (xin mạn phép hương hồn cố GS. Huỳnh Lý!), tôi tìm đọc các tư liệu về cố GS. - NGND Huỳnh Lý ngổ hầu giải tỏa phần nào nỗi niềm bồi hồi xúc động "rất trẻ con" của mình. Tôi đã đi từ hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Hóa ra Thầy không chỉ là một nhà nghiên cứu, phê bình, dịch thuật văn học tài ba và một Nhà giáo mẫu mực (như trước nay tôi vẫn... tưởng) mà Thầy còn được gọi bằng một danh xưng hết sức trang trọng là "nhà văn Huỳnh Lý".

Cố GS. - NGND Huỳnh Lý sinh ngày 5 - 6 - 1914 tại Hội An, Đà Nẵng (trước đây là tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng*). Từ nhỏ, Thầy đã được lĩnh hội hai nền học vấn: Hán văn (từ gia đình) và Pháp văn (tại trường Quy Nhơn, trường Bưởi). Thầy cũng đã đỗ cả Tú tài bản xứ và Tú tài Pháp khi mới hơn 20 tuổi (năm 1936). Trong suốt cuộc đời, Thầy đã làm rất nhiều công việc, đảm nhiệm nhiều vai trò khác nhau, nhưng có lẽ gần bó nhiều nhất vẫn là với ngành Giáo dục.

Trong tiểu sử về Thầy, có lẽ phần dài nhất chính là danh mục các công trình khoa học và thành tích trong công tác sư phạm; còn phần ngắn nhất nhưng lại đáng khâm phục nhất lại chính là phần ghi quá trình được đào tạo. Phần này, có thể chỉ tóm gọn lại trong một cụm từ: *Tự học là chính*. Đơn giản là vậy mà ẩn chứa biết bao gian khổ, khó khăn cùng ý chí phấn đấu không ngừng nghỉ của cả một "thế hệ

vàng" của ngành sư phạm cùng thời với Thầy (như GS. Hoàng Như Mai, GS. Lê Trí Viễn, GS. Lê Đình Kỵ...). Có những chuyện mà thế hệ trẻ chúng tôi ngày nay nghe như cổ tích, như truyện thần kỳ, phi thường vậy! Thần kỳ hơn nữa là chỉ bằng thái độ "tự giác" như vậy, Thầy cùng đồng nghiệp đương thời đã để lại cho đời những công trình khoa học đồ sộ mà giá trị của chúng đã được ghi nhận và trường tồn mãi mãi về sau.

Trong những tư liệu về Thầy, hầu như tôi chỉ đọc được những nhận định, đánh giá về sự nghiệp giáo dục và làm khoa học của Thầy. Điều này làm nảy sinh tò mò của đứa học trò nhỏ về đời sống gia đình Thầy, về vai trò làm chồng, làm cha của Thầy. Tò mò ấy đã thôi thúc tôi tìm cách liên hệ với người con út của Thầy - cũng là người con duy nhất trong gia đình hiện đang sinh sống tại Hà Nội - chú Huỳnh Phan Bách. Qua lời kể của chú Bách, tôi được biết thêm đôi điều về đời sống gia đình Thầy và càng thêm kính nể Thầy với tư cách một người chồng, người cha với tình yêu thương gia đình giản dị mà hết sức sâu sắc.

Sự giản dị nhưng rất tinh tế của Thầy - người cha nhà giáo - thể hiện ngay trong cách rèn thói quen tự lập cho các con: không áp đặt, không gượng ép chuyện học hành, nghề nghiệp. Người con gái Huỳnh Phan Thanh Yên của Thầy cũng từng viết về ba mình: "Điều con khắc sâu là ba luôn thương yêu, rèn luyện chúng con vững bước trên đường đời. Ba không bao giờ dùng uy thế của mình để lo chỗ đứng cho các con. Ba luôn yêu cầu các con phải tự vươn lên không ngừng, không được ngại khó, ngại khổ...".

Theo lời chú Bách, phần vì là con út, phần vì cá tính có phần hơi ngang tàng,



GS. NGND Huỳnh Lý

nên từ nhỏ chú vẫn được ba mẹ và các anh chị chiều chuộng. Tuổi thơ của chú Bách gắn liền với những kỷ niệm vui vẻ tình thân thiết giữa ba và các "chú". Lớn lên, ba không ép chú Bách phải theo nghề sư phạm của ba (mặc dù khi đó đã có 3 anh chị đi trước nối nghiệp nhà) mà để chú tự lựa chọn nghề xây dựng. Đối với chú, ấn tượng về ba Huỳnh Lý là tình hóm hỉnh, nói năng nhẹ nhàng và có lúc hơi "nóng" (như bản tính của người xứ Quảng - theo lời chú Bách). Nhưng chính sự nhẹ nhàng và giản dị trong cách ứng xử với con cái ấy về sau đã cho các con một ý thức tự lập, tự giác trong mọi việc chứ không dựa vào "cái bóng" của cha - điều mà không phải "người cha nổi tiếng" nào cũng làm được. Phương pháp sư phạm của Thầy dường như cũng được áp dụng một cách hết sức linh hoạt trong gia đình. Tôi nhận thấy trên gương mặt và trong

giọng kể của chú Bách có nét gì đó rất giống Thầy - cũng hiền hoà, cởi mở và giản dị, nhẹ nhàng như vậy!

Trong Phòng truyền thống của Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội có một khoảng không gian hết sức trang trọng - nơi chúng tôi treo những bức ảnh chân dung của các Giáo sư đã từng công tác tại Khoa. Trước nay, những cán bộ trẻ như chúng tôi rất kính cẩn nhưng có phần hơi xa cách mỗi khi đứng trước các tấm chân dung của các Thầy. Có lẽ bởi khoảng cách về thời gian, về tri tuệ, về bề dày kinh nghiệm và cả về sự nghiệp nghiên cứu, học thuật là quá lớn khiến chúng tôi chỉ dám "kính nhi viễn chí" và ngưỡng vọng là chính. Không hiểu sao, khi viết bài này, tôi có cảm tưởng khác lạ: Dường như các Thầy, bên cạnh những công trình khoa học đồ sộ, những bài giảng văn sâu sắc, những bài học đạo đức nghề nghiệp, còn có cả những tình cảm hết sức dung dị, đời thường. Điều đó khiến cho hình ảnh của các Thầy trong chúng tôi trở nên thân thiết, gần gũi hơn. Thế hệ học trò kế cận của cố GS. - NGND Huỳnh Lý hiện người còn, người mất. Khoa Ngữ văn vừa đau buồn đưa tiễn GS. Phan Trọng Luận đi về cõi vĩnh hằng. Nhìn các GS. - những đồng nghiệp cao niên đi đưa tiễn nhau, chúng tôi không khỏi giật mình, chạnh nghĩ: Các thầy cô là những cây cầu nối kết tri thức từ quá khứ, và đến lượt thế hệ chúng tôi lại tiếp nối công việc cao cả của các thầy rồi truyền lại cho các nhà giáo tương lai. Vậy chúng nào chúng tôi còn cơ hội, chúng tôi xin được tiếp xúc, học hỏi các Thầy nhiều hơn nữa, cả những bài học làm nghề và làm người. ■

* Hiện nay ở cả Quảng Nam và Đà Nẵng đều có con đường mang tên Huỳnh Lý.

dày 700 trang, đã đoạt Giải thưởng Quốc gia Liên bang Nga và tiểu thuyết *Thế giới trẻ em* dày 350 trang, được đề cử Giải Nobel văn học năm 2010. Nhưng sau khi cân nhắc kỹ lưỡng và trao đổi với ban lãnh đạo Quỹ Hỗ trợ quảng bá văn học Việt - Nga, tôi quyết định phải "đương đầu" với thử thách này. Mọi sự kiện, tình tiết diễn ra trong tác phẩm được thể hiện trên cái nền bản sắc văn hóa vô cùng độc đáo của vùng đất Kavkaz và những sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đã làm rung chuyển cả thế giới trong gần một thế kỷ. Vì tác phẩm có sức bao quát rộng lớn nên có nhiều sự kiện, nhiều lĩnh vực tôi không am hiểu, với các phong tục tập quán và hàng trăm thành ngữ, tục ngữ cổ của vùng đất Kavkaz... Nếu không đam mê và kiên trì, và cũng xin nói thật, nếu không có các công cụ tìm kiếm trên Internet, cũng khó mà hoàn thành bản dịch đúng tiến độ. Suốt nửa năm tôi đã phải gác lại mọi công việc yêu thích khác để dành trọn thời gian cho bản dịch. Có một thuận lợi là trước khi bắt tay vào công việc, tôi đã liên lạc được với tác giả qua email, và luôn nhận được sự động viên, khuyến khích của ông.

* Cuộc chiến đi qua là một trong những tác phẩm do

Quỹ Hỗ trợ quảng bá văn học Việt - Nga tài trợ xuất bản. Ông nhìn nhận như thế nào về vai trò của Quỹ này ở hai nước Việt - Nga?

- Sau khi nhận được bản thảo *Cuộc chiến đi qua*, anh Thúy Toàn, Giám đốc Quỹ đã biên tập, hiệu đính rất kỹ. Sau đó, trong một chuyến công tác của dịch giả Thúy Toàn ở Nga, nhà văn Ibragimov đã không quản đường xá xa xôi, sẵn lòng bay từ Grozny tới Moskva trong một ngày tuyết rơi trắng trời, để bàn bạc về việc chuyển ngữ và xuất bản tác phẩm sang tiếng Việt. Trong cuộc gặp này, nhà văn Ibragimov đã quyết định tặng Quỹ bản quyền 1.000 cuốn bản tiếng Việt.

Theo tôi, việc hình thành Quỹ Hỗ trợ quảng bá văn học Việt - Nga là một điều rất đáng mừng không chỉ cho các dịch giả tiếng Nga mà quan trọng hơn là cho các bạn đọc quan tâm và yêu mến nước Nga. Quỹ sẽ là chiếc cầu nối vô cùng chắc chắn để giới thiệu văn học Nga - Việt với bạn đọc ở cả hai nước. Tôi tin là từ sự khởi đầu tốt đẹp này, sẽ có nhiều tác phẩm văn học Nga, nhất là văn học Nga đương đại sẽ được dịch và xuất bản bằng tiếng Việt.

* Bên cạnh việc dịch sách, ông còn viết truyện ngắn,

bút ký và vẽ tranh. Cảm giác khi dịch xong một tiểu thuyết dày cộm có gì khác với cảm giác khi vẽ xong một bức tranh hay viết xong một truyện ngắn? Sau Cuộc chiến đi qua, ông sẽ giới thiệu với độc giả Việt Nam tác phẩm của nhà văn nào?

- Dịch xong *Cuộc chiến đi qua*, tôi có cảm giác như "người nông dân vừa cày xong mảnh ruộng", rất muốn "ngả mình trên liếp cỏ ngủ ngon lành". Mảnh ruộng ấy lớn quá, tôi phải tốn khá nhiều công sức so với một bức sơn dầu hay cái truyện ngắn, định xả hơi vài tháng cho đã. Nhưng mới thiêu thiêu được một lát, tôi lại bị cái ông nhà văn Chechnya ấy "đánh thức" bằng cuốn tiểu thuyết *Thế giới trẻ em*. Trả lời báo *Văn Học* của Nga, nhà văn Ibragimov chia sẻ: "*Thế giới trẻ em* là lời sám hối đối với những lỗi lầm của bản thân và những lỗi lầm cùng những tấn bi kịch của cả dân tộc, vì vậy nó là một trong số ba tác phẩm mà tôi ưng ý nhất". Một tác phẩm chứa đựng bao điều kỳ thú như vậy lại cuốn tôi ngồi trước bàn phím. Đến giờ, *Thế giới trẻ em* cũng đã dịch xong, dự kiến sẽ được xuất bản vào cuối năm nay.

* Xin cảm ơn ông về cuộc trò chuyện thú vị này! ■

PHƯƠNG TRÀ thực hiện

CÓ MỘT, CHỈ MỘT MAIA KASHEL NHƯ THẾ

Truyện ký của LÊ NGỌC MINH

KHOẢNG vào giữa năm 1982, do một nhà văn giới thiệu, tôi được đến khách sạn Ucraina bên bờ sông Moscva để đưa nhà văn Tô Hoài đi tìm mua một chiếc kính lúp theo sở thích của ông. Lúc trở về thì thấy nhà văn, dịch giả Liên Xô Marian Tkashov đã đợi sẵn Tô Hoài ở sảnh khách sạn. Hai nhà văn lớn chào hỏi nhau rất văn nghệ:

- Chào bác Để mền, khỏe không bác? Lâu nay bác phiếu lưu những đâu? Tô Hoài:

- Cám ơn! Rất khỏe! Văn "May thuê viết mướn kiếm ăn lần hồi" ấy thôi. Còn anh?

Marian:

- Không tồi! Phải sống cho tử tế để bà mẹ ở quê khỏi lo "Mũi dao Phấn Lan cầm pháp tìm con" (một câu thơ trong bài *Thư gửi mẹ* nổi tiếng của thi hào Nga X. Exenhin).

Tiếp theo là hai ông nói chuyện về việc nhà văn Tô Hoài đi hội nghị nhà văn Á Phi ở Tashkent về qua Moscva.

Lúc hai ông chia tay, nhà văn Marian Tkashov cho tôi ngồi chung ô tô của ông về ký túc xá. Tôi quá bất ngờ và cảm động vì may mắn được ngồi ô tô của một nhà văn nổi tiếng, nổi tiếng Việt chuẩn như người Hà Nội. Song, trên xe tôi mới biết mình bị ông *lợi dụng*. Ông đang chọn dịch một tác phẩm của nhà văn Ngô Tất Tố và muốn tranh thủ xem giới trẻ Việt Nam thích tác phẩm nào nhất của nhà văn nổi tiếng này. Không cần phải nghĩ ngợi, tôi đáp luôn, tác phẩm *Tắt đèn*. Marian lặng đi giây lâu và ông nói: "Tôi thích *Lều chông* hơn. Thi cử khó khăn nhiều khế như thế mà vẫn có người đỗ đạt trở thành hiền nhân quân tử được thì người Việt Nam các bạn quá siêu. Chứ cái khổ của chị Dậu thì nông dân nước Nga thời Turghenhev, thời Tsekhev còn khổ hơn nhiều." Tôi nói câu xu phụ ngưỡng mộ con mắt tinh đời của Marian và hỏi ông đã dịch được bao nhiêu quyển sách của tác giả Việt Nam. "Ám!" - Ông đáp gọn. Tôi nói: "Chắc ông là người dịch nhiều sách của Việt Nam nhất?". Ông lắc đầu bảo: "Quán quân thuộc về Maia Kashel. Chị ấy đã dịch được 11 tập sách về văn học Việt Nam hiện đại. Dịch từ tiếng Việt sang tiếng Nga và cả tiếng Ucraina nữa, mà chủ yếu là dịch thơ mới đáng kể". Đường như nhận ra về mặt bản khoản chưa mấy tin của tôi, Marian cho tôi số điện thoại của bà Maia Kashel và địa chỉ là căn hộ số 120, chung cư 45, đại lộ Karl Marx thành phố Dnepropetrovsk, nước Cộng hòa Ucraina.

2. Về đến ký túc xá tôi không lên phòng ngay mà đi thẳng ra trạm bưu điện đặt dây nói cho Maia Kashel. Đạo đó ở Liên Xô gọi phân từ thành phố này sang thành phố khác, từ nước cộng hòa này sang nước cộng hòa khác đều phải đặt dây nói tại bưu điện, nhận phiếu ngồi chờ đến khi thông máy thì mới giao dịch được.

Khoảng 20 phút sau khi nhận tích kẻ đặt dây nói, tôi được *thông máy*. Tôi nói bằng tiếng Việt: "Thưa chị Maia Kashel, em là sinh viên Việt Nam học trường Điện ảnh Moscva, vì ngưỡng mộ chị, em gọi phôn để tỏ lòng kính trọng và được làm quen".

Tiếng đầu dây nói bên kia trong trẻo như tiếng con gái: "Anh bạn ơi, mình đọc được tiếng Việt thôi chứ không nói được tiếng Việt đâu. Ta nói chuyện bằng tiếng

Nga đi".

Tôi đáp "vâng" và nói lại bằng tiếng Nga câu vừa nói. Tôi còn nói rõ họ tên mình và việc tôi biết số điện thoại của Maia là do từ nhà văn, dịch giả Marian Tkashov.

Maia Kashel rất vui, bà nói với tôi, M.Tkashov là một người tài năng và tốt bụng. Ông đã giúp đỡ bà rất nhiều trong việc học tiếng Việt, gửi sách tiếng Việt cho bà và tư vấn cho bà chọn dịch các tác giả đang nổi tiếng ở Việt Nam.

Nói vậy rồi Maria bảo tôi: "Em để chị chuyển mấy gọi lại, chị muốn hỏi em một vài điều. Chị hỏi hơi dài, tốn kém cho em. Em đang là sinh viên không có nhiều tiền đâu". Tôi đáp: "Không sao đâu chị Maia. Hè vừa rồi, em đi cây ở *stroj otriag* (đội xây dựng) cũng đang rủng rỉnh lắm". Maia cười và khen tôi dùng từ cây rất hợp với văn cảnh sinh viên đi lao động kiếm tiền ở các đội xây dựng rất vất vả nhọc nhằn. Maia vào chuyện luôn. Bà kể, bà đang dịch một tập thơ của các nhà thơ Việt Nam thời chống Mỹ. Bà bị *tắc* trong bài *Làng sơ tán* của nhà thơ Văn Đắc vì chuyện từ ngữ. Bà nói, bà rất thích bà *Làng sơ tán* nhưng từ *sơ tán* và từ *tân cư* khác nhau như thế nào? Trong từ điển Việt - Nga, hai từ này đều có danh từ là *écvakiátxia* và động từ là *écvakyirovat*. Vậy trong tiếng Việt, hai từ đó khác nhau thế nào? Khi nào dùng *tân cư*, khi nào dùng *sơ tán*. Tôi trả lời Maia, theo cách hiểu của tôi, *tân cư* là cuộc di chuyển lớn để tránh tai họa còn *sơ tán* cũng là sự di chuyển trong chiến tranh nhưng khi thì di chuyển lớn, khi thì là những di chuyển mang tính cấp tốc để tránh tai họa. Ví dụ *tân cư* dân về nông thôn để tránh máy bay địch đánh phá ở thành phố, còn *sơ tán* thì có thể sơ tán thương binh ra khỏi một trọng điểm, sơ tán bệnh nhân ra khỏi trạm cấp cứu trong khoảng khắc để tránh bom đạn... Từ *tân cư* dùng nhiều trong kháng chiến chống Pháp còn từ *sơ tán* dùng nhiều thời chống Mỹ. Thời chống Mỹ, người ta dùng từ *sơ tán* là chính. Từ *sơ tán* dùng cho mọi đối tượng được di chuyển, ví dụ sơ tán máy móc ra khỏi công xưởng. Còn *tân cư*, chủ yếu là cho người.

Maia hiểu ra, bà nói, bà sẽ cho chủ thích để người đọc tiếng Nga và tiếng Ucraina hiểu rõ điều tôi vừa nói. Tôi phải vội thưa lại rằng, đó chỉ là cách hiểu của riêng tôi thôi, chị nên tham khảo thêm các biên tập viên tiếng Việt ở một số tòa báo lớn ở Moscva. Maia đồng ý và bà hỏi thêm về từ *băng* ở câu thơ *Cây mơ phải băng* trong bài *Làng sơ tán*, *cơ phải băng* và *búng* đồng nghĩa với nhau không. Tôi thưa, chúng là hai từ đồng nghĩa nhưng dùng từ *băng* hay hơn vì *băng* là việc *búng* hết sức cẩn thận, trông cẩn thận, chăm chút từng ly từng tý và hy vọng trông chờ từng ly từng tý. Tôi còn cao hứng mở rộng thêm là ở vùng quê của tác giả bài *Làng sơ tán* dân tình hay nói trại ra, ví dụ đây thừng thành *đầy thắng*, *búng* thành *băng*, *thúng* thành *thắng*. Một đứa trẻ được nuôi nấng với tình cảm đặc biệt người ta gọi là *thắng* đứa trẻ chứ không phải đơn giản chỉ là nuôi nó.

Maia hỏi, tôi có quen với tác giả này không? Tôi thưa, tôi là học trò của tác giả. Tác giả là nhà giáo, vợ thầy cũng là nhà giáo, tôi học thầy môn văn và học cô môn địa. Quê tôi cách quê thầy có 5 cây

số, nếu tính theo đường chim bay thì còn gần hơn. Những ngày đông biển, ở quê tôi vẫn nghe được tiếng sóng ầm ầm mà người địa phương gọi là *rung kều*. Khi nghe tiếng *rung kều* là dân quê tôi không bao giờ xuống vùng biển đi mua cá nữa. Vì biển động thì làm gì có cá.

Nghe tôi nói dài dòng bát ngát như vậy, Maia lại nhắc tôi về sự tốn tiền điện thoại. Rồi bà bắt ngữ kết luận, bà rất thích bài *Làng sơ tán*. Nó là một trong những bài thơ hay nhất trong số 118 bài thơ bà đã chọn và đang dịch. Một dân tộc biết bảo tồn mình để đánh giặc như vậy thì giặc nào đến đều bị đánh thua cả thôi. Nói rồi, Maia đọc lên thành lời bằng tiếng Nga một đoạn trong bài *Làng sơ tán*: "*Một túp lều con / Sơ tán / Nhiều túp lều con / Thành làng sơ tán / Giặc thả bom ngang / Ta xây làng dọc / Giặc thả bom dọc / Ta dựng làng ngang*". Đọc đến đây bà dừng và nói thêm-Đã vội vàng sơ tán như vậy mà còn nhớ bồng theo cây mơ để trồng thì dân *Làng sơ tán* còn là người của hy vọng, của tương lai nữa."

Maia vui vẻ cảm ơn cuộc gặp gỡ bổ ích mà tôi đã bất ngờ mang đến cho bà. Bà còn nói thêm, bà luôn muốn có những cuộc trò chuyện với những người Việt Nam như tôi. Bà bảo, hãy liên hệ với anh Andrei Popov, một chuyên gia tiếng Việt đang làm việc tại Hội Hữu nghị Xô Việt. Anh Andrei có chế độ sử dụng điện thoại liên thông đặc biệt. Tôi có thể đến đó nói chuyện điện thoại với bà được. Nói vậy rồi bà Maia đọc cho tôi nghe số điện thoại của anh Andrei Popov.

3. Khi gặp Andrei Popov, tôi nhận ra anh là người có chút quen biết cũ. Đó là khi chúng tôi đang học dự bị tiếng Nga tại trường Lomonoxov, phố Krzhyzhanovskyy thì Andrei đến thực tập tiếng Việt. Hôm đó, khi anh dịch câu: Khi 17 tuổi Mác đã *phải lòng* Gienny thì khiến cả lớp cười ầm lên. Andrei không hề mất bình tĩnh. Anh nói, anh đã dịch đúng. Dùng động từ *phải lòng* mới nói hết được tình cảm của chàng trai 17 tuổi này. Andrei lại bằng viết lên đó động từ *yêu* và động từ *phải lòng* bằng tiếng Nga rồi anh giải thích về cấu trúc ngôn ngữ của hai từ này.

Ấn tượng đó khiến tôi nhớ mãi về sự nghiêm túc với chữ nghĩa của một người nước ngoài học tiếng Việt. Tôi nói với Andrei, tôi đến xin gặp anh là do bà Maia Kashel giới thiệu. Andrei thốt lên: "Maia Kashel là một phụ nữ tuyệt vời, một dịch giả chói sáng". Rồi Andrei đọc cho tôi nghe mấy câu thơ về loài hoa Linh lan, một thứ hoa mọc rất tập tiếng vào mùa hè, có hương thơm dịu dịu:

Mùa hè về

Quanh những gốc cây bạch dương

Những chiếc chuông nhỏ mọc ra

Thơm hơn cả mùi của cánh đồng hoa

Những quả chuông nhỏ, Andrei lại bằng chuông nhỏ

Không rung lên những âm thanh ngân nga

Nhưng chúng được cả thiên nhiên nghe thấy

Ấy là mùi náo nức của hoa.

Đọc rồi, Andrei nói đó là bài thơ của Maia Kashel làm khi mới lên 9 tuổi. Chúng được in thành một tập 120 bài. Gia tài này cùng với quỹ sách dịch hơn 10 cuốn và ba cuốn tản văn đã đưa Maia trở thành hội viên hội Nhà văn Ucraina, hội viên hội Dịch thuật Liên Xô. Sau đó

Andrei kể cho tôi nghe, Maia bị chứng liệt hai chân khi chưa đầy 10 tuổi. Không chịu đầu hàng số phận, Maia vẫn kiên trì đến trường. Vào đầu những năm 1960, chị đã tốt nghiệp khoa Ngữ văn trường đại học tổng hợp thành phố Dnepropetrovsk. Hồi đó ở Việt Nam đang có cuộc chiến tranh chống Mỹ, các phương tiện thông tin Xô viết đưa rất nhiều hình ảnh về đất nước Việt Nam đau thương và anh dũng. Maia ngồi xe lăn tham gia các cuộc mít tinh của nhân dân thành phố ủng hộ Việt Nam. Thế rồi Maia nảy ra ý tưởng sẽ học tiếng Việt để dịch các tác phẩm văn học Việt Nam ra tiếng Nga và tiếng Ucraina.

Học tiếng Việt đối với Maia là một công việc cực kỳ khó khăn, vì Maia bị tàn tật. Người thân thiết nhất chỉ có mỗi bà mẹ Natalia Kashel, vốn là một công nhân thợ giặt, trình độ văn hoá mới chỉ học chưa hết trung học phổ thông, lại phải lao động thêm ngoài giờ để nuôi nấng và thuốc thang cho cô con gái ốm đau bệnh tật kinh niên. Khó khăn nhưng không hề nản, Maia đã viết thư cho Hội Hữu nghị Xô - Việt, khoa Ngoại ngữ trường đại học tổng hợp Lomonoxov, ban Tiếng Việt đài Tiếng nói Moscva... Maia đã nhận được sự giúp đỡ chí tình. Riêng Andrei Popov đã đánh máy toàn bộ hơn 30 ngàn mục từ cuốn từ điển Việt - Nga gửi cho Maia Kashel. Mỗi khi ở hiệu sách Hữu nghị có sách mới từ Việt Nam gửi sang bán, Andrei đều chọn mua cho Maia những quyển sách đang có tiếng vang.

Tập thơ dịch đầu tay của Maia được xuất bản có nhan đề giản dị là *Việt Nam chiến đấu*. Tập thơ tập hợp dịch những bài thơ tiêu biểu của nhiều thế hệ nhà thơ Việt Nam thời hiện đại. Mở đầu bằng bài *Nghe tiếng gáo gạo* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (trong tập này có 17 bài thơ của Bác Hồ) và kết thúc bằng bài *Hạt gạo làng ta* của nhà thơ Trần Đăng Khoa lúc ấy đang còn ở lứa tuổi thiếu nhi.

Kể đến đó, Andrei lấy đủ 11 tập sách dịch và các tập sách sáng tác của Maia ra cho tôi xem và anh nhận xét, Maia không những dịch được nhiều đầu sách mà còn là dịch giả Xô viết tiếp cận được nhiều tác giả Việt Nam nhất. Andrei khẳng định: "Tôi nói, Maia Kashel là một phụ nữ tuyệt vời, một dịch giả chói sáng hoàn toàn không quá lời một tý nào đâu". Anh bấm số máy, nói chuyện với Maia, kể với bà rằng, tôi đang có mặt tại văn phòng của anh rồi anh đưa máy cho tôi nói chuyện với Maia. Câu đầu tiên sau khi chào bà, tôi nhắc lại câu của Andrei, Maia là một dịch giả chói sáng, bà vội chối và hỏi tôi về một số từ tiếng có chữ đầu là *đ* và *gi*.

4. Một hôm, sau khi xem xong bộ phim tài liệu *Chúng tôi ở BAM* nói về sự tham gia lao động của sinh viên nước ngoài trên đại công trường đường sắt Baican - Amur của đạo diễn Trần Văn Thủy, anh bạn cùng lớp, người nước cộng hòa Armenia tên là Agadzhanian đến tìm tôi. Agadzhanian là một chàng trai gốc Do Thái có tướng mạo gần giống như nhà bác học lỗi lạc Anhtan nên tôi quen gọi anh bằng cái tên thân mật Adam. Adam cùng đi với một sinh viên đạo diễn người Nga. Người sinh viên đạo diễn này bảo, anh biết tôi vừa đi đội xây dựng hồi hè về, anh muốn tôi có một trả lời phỏng vấn về sinh viên nước ngoài đi làm thêm kiếm sống ở Liên Xô. Anh đã

xem bộ phim *Chúng tôi ở BAM* của đạo diễn Trần Văn Thủy và thích. Người sinh viên đạo diễn này tự giới thiệu là Boris Nhekratxov, cùng họ với nhà thơ Nga nổi tiếng Nhecratxov và là học trò của nhà đạo diễn cũng rất nổi tiếng, nghệ sỹ nhân dân Liên Xô X.Bondartsúc.

Tôi kể với Adam và Boris về bà Maia Kashel, người phụ nữ tàn tật đã vì yêu Việt Nam mà tự học tiếng Việt dịch được 11 tập sách của Việt Nam ra tiếng Nga và tiếng Ucraina. Nghe xong, Boris bắt ngay. Anh huỷ luôn ý định làm bộ phim tài liệu sinh viên nước ngoài mưu sinh tại Liên Xô mà bàn với Adam và tôi làm bộ phim về Maia Kashel. Với tư duy nhạy cảm của một người làm phim tài liệu, Boris phác thảo ra một đề cương trong đó các nhân vật được thiết kế để quay và phỏng vấn là Maia Kashel, thân mẫu của bà, nhà văn dịch giả M.Tkashov, chuyên gia tiếng việt Andrei Popov, một độc giả người Nga, một độc giả người Ucraina và đương nhiên là có cả tôi, độc giả Việt Nam. Theo Boris và Adam, tôi còn là người *phát hiện* ra Maia Kashel nữa.

Kinh phí để làm phim ngoài số tiền nhà trường tài trợ cho bài tập tốt nghiệp của Boris, anh còn bán đi cái áo khoác da hổ Xibiri gia truyền được hơn 1000 rup. Adam mới *bán* được một kịch bản phim ngắn cho xưởng phim Gorky được hơn 2000 rup, tiền đi đội xây dựng hồi hè của tôi cũng còn đến 300 rup. Khi thống kê tài chính xong, Boris thốt lên: "Quá đủ!"

Kịch bản được gấp rút hoàn thành, thấy X.Bondartsuc của Boris phê vào góc trang 1 *Rất tốt!* Nhưng ngay sau đó gặp trục trặc về chuyện giấy thông hành. Thành phố Dnepropetrovsk là thành phố công nghiệp quân sự, nó nằm trong danh sách 16 thành phố cấm (zakrytyi gorod) mà người nước ngoài không được phép tới. Vì vậy, nhóm làm phim có thể đến Dnepropetrovsk nhưng sẽ không có tôi tham gia vì tôi không có quốc tịch Xô Viết.

Chúng tôi đem việc này đến báo cáo ông N. Glushenkô là trưởng khoa Quốc tế của trường Điện ảnh Moscva. Nghe nói ông là trung tá của KGB chuyển sang làm quan chức dân sự. Ông Glushenkô là người luôn chu đáo với sinh viên nước ngoài và đối với sinh viên Việt Nam, thì ông còn dành cho một chế độ quan tâm đặc biệt hơn. Tôi còn nhớ hồi trường đón nhóm 5 cựu sinh viên Việt Nam trở lại trường công tác một tháng, ông đã ra tận ga xe lửa đón, đến tận khách sạn Bai Can lo chỗ ở cho từng người. Đối với đám sinh viên trẻ chúng tôi, ông nhớ mặt nhớ tên từng đứa, gặp chúng tôi bao giờ ông cũng hỏi thăm công việc, sức khỏe. Có người bảo đó là *chiến thuật* của KGB nhưng tôi nghĩ bản chất ông là người tốt bụng nhân hậu. Điều này cho mãi đến năm 2007, tôi và đạo diễn Lê Đức Tiến sang công tác tại cục Điện ảnh Liên bang Nga lại được chứng nghiệm một lần nữa. Ông Glushenkô lúc đó đã 75 tuổi, ông vẫn được mời làm cố vấn cho cục Điện ảnh Liên bang Nga và khi gặp tôi và anh Lê Đức Tiến ông vẫn nhận ra, vẫn cái ôm vai, bắt tay áp áp chân tình như 25 năm trước, khi chúng tôi còn là sinh viên của trường Điện ảnh Moscva.

Ông Glushenkô, sau khi nghe chúng tôi trình bày, liền lắc đầu và đưa một bàn tay chặt nghiêng vào cổ, nói: "Không có cách nào giải quyết được đâu! Các bạn phải hiểu nơi đó là thành phố ... cấm! Thành phố cấm!". Nói xong, ông lại đưa bàn tay còn lại lên cùng với bàn tay kia cửa ngược nhau vào cổ ông.

Tất!

Ba chúng tôi ra ngoài, đi vào một góc căng tin ngồi uống nước giải khát Cờvas và nghĩ mếu. Bỗng mắt chàng Adam Do Thái sáng rực lên như mắt Anhtanhtim ra một phát minh khoa học mới. Adam ghé tai nói nhỏ với chúng tôi rồi cả ba đều cùng một lúc giơ ngón tay cái lên biểu thị sự đặc chí. Ông Glushenkô bắt ngờ tìm đến. Ông phê bình chúng tôi là vội nản chí. Ông vừa nghĩ ra được giải pháp. Ông sẽ cấp giấy giới thiệu đi đường cho chúng tôi là trường cử sinh

viên đạo diễn Boris Nhekratxov cùng tập thể nhóm làm phim đến Dnepropetrovsk quay phim tốt nghiệp. Tôi, người nước ngoài sẽ là thành viên trong nhóm đó nhưng không có tên cụ thể. Nếu công an sở tại hỏi giấy tờ của từng người thì nhóm làm phim và tôi phải ứng phó cho khéo.

Chúng tôi rất mừng vì tấm lòng của ông Glushenkô. Adam – Anhtanhtim có trình bày với ông cái mẹo mà chúng tôi đang rất đặc chí là Adam sẽ kiếm cho tôi một chiếc mũ của dân Armenia thường đội. Tôi chỉ cần đội cái mũ ấy, để thêm tỷ rìa mép là thành công dân Xô viết xứ Armenia thứ thiệt rồi.

Ông Glushenkô nói *chiến lược* đã ổn rồi. *Chiến thuật* thì tùy chúng tôi ứng biến với điều kiện là không được làm ảnh hưởng đến danh sự của trường và luật pháp Xô viết. Ông còn dặn thêm, công an tỉnh lễ họ mẫn cán hơn ở Moskva nhiều. Phải rất cẩn thận.

5. Nhóm làm phim của chúng tôi đi Kiev rồi dự tính từ Kiev mua vé tàu đi về Dnepropetrovsk. Anh bạn Hoàng Long của tôi ở Kiev phát hiện ra trong Bảo tàng văn học Ucraina có gian trưng bày về nhà thơ, dịch giả Maia Kashel. Thế là chúng tôi có thêm một cảnh quay phát sinh khá lý tưởng. Ở đó, có các tác phẩm của Maia, có cả những trang bản thảo viết tay được sửa chữa bằng bút đỏ, bút chì, lại có cả một số tặng vật của các nhà văn Việt Nam. Trong gian phòng còn trưng bày nhiều bức ảnh, ký họa của Maia qua một số thời kỳ.

Adam – Anhtanhtim vô cùng phấn khởi. Anh cho rằng, chúng tôi là những người hào hiệp đi làm phim về một người hào hiệp nổi tiếng như Maia thì sẽ luôn gặp may mắn, sẽ may mắn thành công cho đến lúc kết thúc công việc.

Adam đã nói đúng, khi chúng tôi đến Dnepropetrovsk, chung cư 45 đại lộ Karl Marcx, căn hộ 120 của Maia Kashel thì diễn ra cuộc đón tiếp vô cùng trọng thị. Cụ bà Natalia Kashel, thân mẫu của

Maia làm rất nhiều loại bánh, trong đó có chiếc bánh mì đen to như cái lồng bàn, bên trên rắc phơn phốt màu bột trắng và bát muối nhỏ để cạnh, thứ chỉ dành để đón nguyên thủ quốc gia. Bạn bè của Maia kéo đến rất đông. Căn hộ số 120 ở tầng 1 thông ra cái sân sau rộng rãi toàn trồng loại hoa tử đinh hương đang mùa rộ hoa. Bàn ghế được kê. Bạn bè của Maia mời chúng tôi ăn bánh mì đen và kể nhiều chuyện về Maia. Họ rất tự hào, coi Maia như công dân viết hoa của thành phố quê hương họ, nơi có con sông Dnehev chảy qua, con sông đã gắn liền với văn nghiệp của Gogol vĩ đại. Ông nhà thơ Pampilov, chủ nhiệm câu lạc bộ thơ của thành phố Dnepropetrovsk đọc thơ dịch của Maia và cảm ơn bà là một sứ giả văn hóa tuyệt vời đã giúp ông và các thi hữu khác có điều kiện được đọc các bài thơ từ đất nước Việt Nam xa xôi. Đến lúc được mời trả lời phỏng vấn về Maia, ông nói ngắn gọn: "Một cô bé bị liệt từ năm 8,9 tuổi mà học tới đại học, trở thành nhà thơ, trở thành nhà dịch giả của hơn 10 đầu sách thì ở Ucraina chúng tôi chỉ có một, trên thế giới không biết có ai nữa không? Cảm ơn Maia đã làm vang cho thành phố Dnepropetrovsk của chúng tôi".

Quay xong các cảnh ở căn hộ số 120 của Maia Kashel, chúng tôi đến hiệu sách trung tâm thành phố để quay cảnh sách của Maia bày bán ở đó và dự định, cũng ở đó, chúng tôi sẽ quay trả lời phỏng vấn của một độc giả của thành phố Dnepropetrovsk.

Nhưng lúc đến đây, nhà quay phim đang quay những cận cảnh sách của Maia được trưng bày bán trong hiệu sách thì chúng tôi bị công an hỏi giấy tờ. Cái giấy giới thiệu do ông trưởng khoa Quốc tế Glushenko cấp chưa đủ để các nhà chức trách địa phương tin tưởng. Người công an, tuổi trung niên, yêu cầu chúng tôi xuất trình giấy tờ tùy thân. Tôi chỉ có mỗi cái thẻ sinh viên mang quốc tịch Việt

Nam nên cả nhóm bị giữ lại.

Adam và Boris năn nỉ nhà chức trách trình bày công việc chúng tôi đang làm là đầy nghĩa cử, là những sứ giả hết lòng tôn vinh văn hoá và tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Mặc! Họ vẫn cứ mời bốn chúng tôi vào đồn. Tôi bước đi trong lo âu. Chỉ còn một năm nữa là tôi thi tốt nghiệp. Sự cố này rất nghiêm trọng, tôi đã vi phạm luật pháp Liên Xô... Có thể... Tôi không dám nghĩ đến nữa.

Chúng tôi vào đồn, người công an đưa ra mấy bộ tài liệu nào là *Đạo luật chính của Liên bang Xô viết*, nào là *Quy chế đối với thành phố cấm*... yêu cầu chúng tôi đọc.

Đang khi ấy thì có một chiếc tắc xi đỗ trước cổng đồn. Bước ra xe là ông nhà thơ Pampilov và cụ bà Natalia Kashel. Ông nhà thơ nhanh chóng cùng người lái tắc xi lấy ra ở cốp sau xe chiếc xe đẩy. Họ đỡ bà Maia từ xe ra, đặt lên ghế và khênh bà vào đồn.

Qua cách trình bày của bà Maia, chúng tôi hiểu rằng các cô nhân viên hiệu sách trung tâm đã gọi điện thoại cho bà để bà đến *giải cứu* cho chúng tôi. Sự có mặt của bà Maia cùng thân mẫu và nhà thơ Pampilov, chúng tôi được các vị cảnh sát *khoan hồng* ngay. Cảnh quay ở nhà sách trung tâm được tiếp tục. Độc giả thấy Maia có mặt, họ xúm lại xin chữ ký. Chúng tôi lại có thêm một cảnh quay thú vị ngoài kế hoạch. Đạo diễn bỏ luôn cả cảnh quay phỏng vấn độc giả vì theo anh hàng chục người chen chúc xin chữ ký của Maia còn bằng mấy những điều một người nói ra thành lời.

Rồi Maia làm cho *phan* của bà bị bất ngờ khi bà gọi tôi lại, giới thiệu tôi đến từ Việt Nam là học trò của một trong những nhà thơ được dịch trong hai tập sách *Thơ ở nơi chiến tuyến* và *Biên niên sử của những dòng viết bằng máu*. Bà giở bài *Làng sơ tàn* ra và diễn cảm đọc. Đám *phan* độc giả lặng đi lắng nghe. Kết thúc bài thơ bà nói với họ câu bà đã nói qua điện thoại với tôi hôm trước: "Một dân tộc biết bảo tồn mình như vậy để đánh giặc thì giặc nào đến mà chẳng bị đánh thua".

Các *phan* của bà Maia vây lấy tôi xin chữ ký bên cạnh chữ ký của dịch giả, tôi vội từ chối. Bà Maia nói: "Đây là thành phố cấm, anh là người nước ngoài duy nhất đến được đây đây – hơn nữa – bà Maia giờ hai tập thơ *Thơ ở nơi chiến tuyến* và *Biên niên sử của những dòng viết bằng máu* lên, nhắc lại, hơn nữa, anh lại đến từ một đất nước của những nhà thơ viết nên các tác phẩm này. Anh nên chiếu ý muốn của các bạn đọc".

Tôi ngượng ngùng rồi rủ cả Adam và Boris ký tên vào bên dưới chữ ký của thi sĩ, dịch giả Maia Kashel.

6. Bộ phim *Có một, chỉ một Maia Kashel như thế!* được hoàn thành khá nhanh. Hôm Boris Nhecratxov bảo vệ tốt nghiệp, nhà văn M.Tkashov, anh A. Popov cũng đến xem phim. Chúng tôi có làm giấy mời mời bà Maia và thân mẫu Natalia Kashel của bà về Moscva dự nhưng dịp đó bà đang đi điều dưỡng ở Sotri, thành phố nghỉ mát nổi tiếng ở Biển Đen. Tôi có thu băng radio cassette không khí hôm Boris bảo vệ tốt nghiệp gửi cho bà. Bà nhận được và viết thiệp cảm ơn mấy anh em chúng tôi (vào đầu những năm 1980 chưa có video cassette nên không có hình ảnh phim để gửi cho bà. Thật tiếc!) Khi tôi về nước, bà có nhờ tôi tìm mua cho bà cuốn *Từ điển Việt – Nga*. Hồi đó ở ta luôn luôn có hàng chục vạn người học tiếng Nga, cuốn sách trên lại xuất bản từ năm 1961 nên không thể nào lùng đâu ra được. Mãi đến năm 1985, một bác bán sách cũ ở phố Bà Triệu đã giúp tìm được cho tôi cuốn sách hiếm đó. Tôi gửi nhà biên kịch Lavsin khi ông sang Việt Nam làm phim *Tọa độ chết*. Cuốn từ điển chưa đến được với nhà thơ, dịch giả Maia Kashel thì Hoàng Long, bạn tôi sống ở Kiev báo tin ngày 28/6/1985, nhà thơ dịch giả Maia Kashel đã từ trần đột ngột ở tuổi 50. Đài Truyền hình Kiev đã cáo phó trọng thị về sự mất mát này như báo tin buồn một yếu nhân của nước cộng hòa qua đời.■



Minh họa của TRẦN NGỌC QUỲ

TÁC PHẨM VÀ DỮ LUẬN

HIỆN THỰC VÀ NHÂN LÀNH

(Độc "Người đàn bà đến vào giờ Ngọ", tập truyện, Đàm Quỳnh Ngọc, Nxb Hội Nhà văn, 2013)

Đàm Quỳnh Ngọc đã có những truyện ngắn để lại dấu ấn trong lòng bạn đọc Nghệ An, và là một trong số rất ít những nhà văn nữ của Nghệ An được nhiều người biết đến. Chị đã nhận được nhiều giải thưởng, như Giải Nhì cuộc thi truyện ngắn của Tạp chí Văn nghệ Quân đội 1995-1997, Giải thưởng VHNT Hồ Xuân Hương lần I, II, v.v...

VỚI một giọng kể chậm rãi, thủ thỉ, Đàm Quỳnh Ngọc tái hiện hiện thực chúng ta đang chứng kiến, trải nghiệm và nhận xét. Bức tranh hiện thực ấy sinh động từ cảnh làng quê đổi mới, cảnh phố phường nhộn nhịp, náo loạn, với các hạng người mà cơ chế thị trường đã len lỏi và phân chia, dù thành thị hay nông thôn biến chất, đầy những mảnh đời kiêu tiến, trên những bậc thang danh lợi. Mỗi câu chuyện đều đem đến suy nghĩ về con người, số phận, cuộc đời, bài học về đạo lý nhân sinh. Tính nhân văn rất rõ.

Trong truyện "Người đàn bà đến vào giờ Ngọ", hậu quả chiến tranh kéo dài, từ người bố, người mẹ đến hai đứa con đều có nỗi khổ riêng, dai dẳng, không nói ra được. Những người phụ nữ đã phải gánh vác việc nhà, phải vò vớ chờ chồng, phải hy sinh những đặc quyền của tuổi xuân, và rồi đã cam lòng tự "xoay xở" theo nhu cầu bản năng. Có người được tha thứ, nhưng người đàn bà này không được thông cảm và tha thứ: chồng cô quyết bỏ đi dù họ đã có với nhau một đứa con trai. Cả gia đình họ âm thầm chịu đựng đau đớn, mà bên ngoài không ai biết. Tiếng nói nhân đạo của tác phẩm cất lên ở đó.

Ở truyện "Thương lắm chị tôi" là nỗi đau âm thầm của người phụ nữ nông trường, một lứa tuổi trẻ đời công sự, máu và nước mắt, xây nên công trình "Sức trẻ, ước mơ và tình yêu", và bây giờ nông trường phải giải tán. Đặt ra và chưa giải quyết được gì, chuyện này cũng góp một tiếng nói cảnh báo: "Khi quyết định một vấn đề phải hết sức thận trọng, bởi có những việc không bao giờ làm lại được nữa".

Đó là hai truyện buồn về một thời đã qua, còn 15 truyện ngắn và một truyện vừa khác đều nói về hiện tại. Có một cõi sống phức tạp, đầy bon chen, cạm bẫy, những con quỷ biến hình giấu mặt trong nhiều người, nhiều cảnh, khó lòng nhận ra. Cõi sống này bị "mặt trái của nền kinh tế thị trường" phá hoại. Những ông giám đốc chỉ biết vợ vét, sắp xếp cho con cái những chức vụ béo bở, lo cho ngày về hưu của mình, như ông Tích (*Người ở thành phố*), ông Thâm (*Tranh chức*), hay các vị cán bộ đủ loại đi học tại chức (*Cửa trước, cửa sau*); hay những ông chủ doanh nghiệp đánh bóng tên tuổi nhờ những bài báo mà họ mua cả bài và tác giả. Đi với những người có chức, có quyền và có tiền là những kẻ đang cố ngoi lên bằng mọi thủ đoạn. Có những thầy giáo, giáo sư, cũng vì tiền, vì sắc mà bất chấp đạo lý... như nhận xét của cô Lai trong "Người ở thành phố".

Ngoài ra còn những kẻ ăn theo, đâm thuê chém mướn, những người trong "nhóm loài chim biết hót" (*Hoa râm bụt*, *Người đàn bà thời A công*), như ông Hạng Cò, nhờ tài ăn nói, ra thành phố làm "cò". Lại có người phải bán cả danh dự, nhân phẩm, tình yêu để đổi lấy cái bánh mì cho vào dạ dày đã mấy ngày lép kẹp đến hoa cả mắt, đỏ mồm hôi (*Hoa râm bụt*, *Người ở thành phố*).

Bên cạnh những người học hành hần hoi, muốn kiếm việc làm dù nhỏ mọn ít ỏi cũng không được, thì có những "con nai" biến chất như Lan, Lưu. Ở nông thôn chẳng có chỗ cho họ, vì cảnh "gia đình trị".



vì lam lũ học hành mà không đủ trang trải cuộc sống. Họ ra thành phố, trả giá cho tham vọng muốn no đủ, sang trọng, "bản lĩnh gòn cho quý" như Kiều Oanh (*Người ở thành phố*).

Còn ở nông thôn, cơ chế thị trường tràn đến, bộ mặt nông thôn có đổi thay, đường làng rộng ra, đồ bê tông, xe máy phóng vù vù, người ta đua nhau mở cửa hàng dịch vụ,... nhưng hồn cốt làng quê không còn, người già trở nên cô đơn, người trẻ trở về thấy xa lạ, lạc lõng. Cán bộ xã, xóm làm việc theo kiểu "gia đình trị". Bây giờ không còn cảnh bạn bè, họ hàng qua lại thân tình, ấm cúng. Lại hề gặp người thân quen ở thành phố về là ve vãn mượn tiền... Mảng hiện thực ấy được Đàm Quỳnh Ngọc phơi bày từ nhiều phía, khi từ góc nhìn người trong cuộc, khi là người quan sát, khi thì trần thuật lại lời kể, với lời bình sắc sảo, đúc kết triết lý.

Đàm Quỳnh Ngọc cũng cho thấy những mảng sáng, an ủi, động viên, tin tưởng. Đó là những con người không chạy theo tiền tài, danh lợi, như người con gái trong *Em và*

hắn. Một cô gái trong trắng, đẹp người, đẹp nết, được nhiều người ước ao, nhưng em lại yêu một tên tội phạm buồn hàng quốc cấm đang bị truy nã. Tình yêu trong sáng đã cảm hóa được người tội lỗi, "oán không diệt được oán, chỉ có tình thương mới diệt được oán thù". Cô giáo tiểu học trong *Một chuyện tình* đã dám từ chối lời cầu hôn của một "đại gia" ít tuổi, đẹp trai, chưa vợ, con trai của một vị quan đầu ngành ở tỉnh. Hay cô Mận trong *Bạn gái*, vốn là hoa khôi của lớp, bằng lòng với cuộc sống đối mặt khó khăn hàng ngày, tự tin vật lộn với sạp hàng đẩy bụi trong chợ tỉnh, "bằng lòng vui vẻ" với nỗi nước tâm do người chồng quạt than đồ lửa, bát canh cá trầu từ hai đứa con ngoan, rửa bát, nhặt rau. Niềm hạnh phúc thật đơn giản và đối lập với nhiều cảm dỗ vật chất làm thay đổi bản chất con người.

Đó cũng là Tâm trong "Con gái của bạn tôi", nhỏ bé nhưng đầy nghị lực, tranh luận lại ý kiến của bố: "những gì bố viết ra là có thực, đây rẫy trong cuộc sống, nhưng những hiện thực ấy mang tính tạm thời, cơ hội của một số người, cũng có thể là cả một tầng lớp cơ hội ăn theo, nói leo"; cô gái đi thanh niên xung phong, trực tiếp với bùn đất, để viết ra những điều có ích, để thoát cái cảnh "ăn theo, nói leo". Đó cũng là những người có lương tâm và trách nhiệm như ông Lâm, bà Thúc, và cả Thúy Minh trong *Người ở thành phố* đã không thay đổi, không biến chất trước sự cám dỗ của đồng tiền. Ngay cả ông Hải giám đốc, ma mãnh và tội lỗi, cuối cùng vẫn nhận ra: "Nếu không có tình cảm quê hương từ những ngày thơ ấu thì tôi biết lấy gì làm nền tảng để phát triển và tồn tại"... Xét ra, những tiêu cực trong xã hội "là có thực, đây rẫy trong cuộc sống thường ngày nhưng hiện thực ấy mang tính tạm thời" như lời của Tâm trong *Con gái của bạn tôi*. Những phẩm chất và hành động đẹp đẽ của các nhân vật trong *Em và hắn*, *Một chuyện tình*, *Con gái của bạn tôi*, *Người ở thành phố*, *Bạn gái*,... mới là những đốm sáng

NGUYỄN THANH TÙNG

đặc biệt trong quảng sáng của bức tranh hiện thực ấy. Giá trị hiện thực và nhân đạo của tập truyện cũng là ở đó.

Các tuyến nhân vật không đối lập, họ đều thuộc một gia đình nào đó, hay trong một công ty, cùng cảnh ngộ, nhiều khi rất thân tình. Mâu thuẫn giữa họ không đến đỉnh điểm, nhưng họ khác nhau về quan điểm, tình cảnh, suy nghĩ và hành động. Từ những mâu thuẫn đó, truyện rút ra những bài học, hay triết lý về nhân sinh. Có khi vai kể nói ra, hoặc từ miệng các nhân vật: "oán không diệt được oán, chỉ có tình thương mới diệt được oán thù" (*Em và hắn*); "Bằng lòng với những gì mình có" (*Bạn gái*); "Tình nết con người do cuộc đời, môi trường và hoàn cảnh tạo ra" (*Con người ở thành phố*); Món nợ gì rồi cũng trả được, duy chỉ tình nghĩa thì không bao giờ và không được phép quên (*Người ở thành phố*)...

Tuy nhiên, tác giả chưa dám mạnh tay để cập tề nạn ở những cấp bậc nghiêm trọng hơn như chạy chức, chạy quyền, tham ô móc ngoặc, những tệ nạn ma túy, mại dâm trắng trợn mà xã hội đang lên án. Cốt truyện có khi còn đơn giản, thiếu điều kiện để nhân vật bộc lộ tính cách, như trong *Một chút đời thường*, *Một chuyện tình*, *Bạn gái*, *Ông Hạng Cò*... Trong "Một chuyện tình", nhân vật cô giáo quá đơn giản: đứng trước cám dỗ của tiền và cuộc sống vật chất thừa thãi, bên kia là tình cảm của học sinh và phụ huynh, nhân vật hẳn phải đấu tranh, suy tính nhiều hơn nữa, mới đi đến sự dứt khoát như chuyện kể. Trong truyện *Bạn gái*, nhân vật có vẻ quá vô tư trong sáng, quá đơn giản, không phải tính cách của người có học...

Đàm Quỳnh Ngọc đã là một cây bút có phong cách, những sáng tác của chị đã là cái vốn quý góp vào làng văn xuôi Nghệ. Tin rằng chị sẽ tiến xa hơn, khi vượt qua được những hạn chế mà chính chị cũng đã từng ý thức.

TẶNG BẰNG KHEN CHO DỊCH GIẢ "TUYỂN CHỌN TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM"

HÀN HOA

NGÀY 8-11-2013, tại Trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam, đã long trọng diễn ra buổi lễ ra mắt tập truyện ngắn *Đương đại Việt Nam* (tuyển chọn) do dịch giả Điển Tiểu Hoa cùng các cộng sự tuyển chọn và xuất bản tại Trung Quốc.

Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đã trao bằng khen của HNVN cho dịch giả người Trung Quốc Điển Tiểu Hoa trong buổi lễ tôn vinh trang trọng, giản dị, ấm cúng ngày 8-11-2013 tại trụ sở HNVN, cũng là buổi ra mắt tập "Tuyển chọn Truyện ngắn đương đại Việt Nam" do bà Điển Tiểu Hoa chủ biên dịch thuật và xuất bản ở Trung Quốc.

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều bày tỏ, HNV đánh giá cao tình cảm và đóng góp của bà Điển Tiểu Hoa cho việc tăng cường mối quan hệ văn hóa giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Trung Quốc thông qua nỗ lực tuyển chọn, tổ chức dịch và xuất bản tập truyện ngắn này. Phó Chủ tịch HNV nhấn mạnh việc tuyển tập truyện dịch này đóng vai trò quan trọng làm thay đổi sự nhìn nhận của rất nhiều người đọc ở Trung Quốc về văn học Việt Nam hiện đại, bởi trong năm mươi năm qua mới chỉ có một số rất ít tác phẩm văn học Việt Nam, mà đều là những tác phẩm văn học cổ vũ chiến đấu trong chiến tranh giải phóng, được dịch và xuất bản ở Trung Quốc. Ông cũng cho biết, việc làm thay đổi quan niệm của các giới văn học và bạn đọc nước ngoài về văn học Việt Nam là một mục tiêu quan trọng mà HNVN nhắm tới; HNV sẽ xúc tiến các tập tuyển chọn đa dạng và có tính đại diện cao hơn, không chỉ cho mối liên hệ mới, mà tập sách của dịch giả Điển Tiểu Hoa mở ra ở Trung Quốc, mà

sắp tới còn cho mối quan hệ với các nền văn học Á-rập.

Bà Điển Tiểu Hoa hiện là một cộng tác viên nghiên cứu ở Viện Hàn lâm KHXH Trung Quốc. Bà tốt nghiệp trường Đại học Bắc Kinh năm 1977 ngành tiếng Việt, và chuyên nghiên cứu về văn học Việt Nam. Bà từng công tác nhiều năm tại Lãnh sự quán Trung Quốc ở Tp.Hồ Chí Minh. Bà Điển cho hay, giới nghiên cứu văn học Trung Quốc rất chú ý tập tuyển chọn truyện ngắn Việt Nam đương đại do bà chủ biên. Một vài truyện trong số này được đăng trên Tạp chí Văn học Thế giới, tờ tạp chí uy tín của Trung Quốc. Nhiều sinh viên đã gọi điện hỏi mua tập truyện này. Và vừa mới đây bà được mời dự lễ kỷ niệm 60 năm Tạp chí Văn học Thế giới, vì một truyện ngắn do bà dịch trong tập sách này đã được đưa vào tổng tập văn học do Tạp chí này biên soạn, xuất bản (truyện được chọn là *Hai người đàn bà Xóm Trại* của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều).

Thành công ban đầu của cuốn sách này rất đáng chú ý, bà Điển cho biết, vì trong dịp hội thảo 60 năm Tạp chí Văn học Thế giới vừa rồi, nhiều người làm xuất bản đã chủ động tìm gặp bà, nói rằng họ muốn xuất bản các tác phẩm hiện đại của Việt Nam; một nữ văn sĩ Trung Quốc nổi tiếng - bà Phương Phương - cũng tìm gặp bà Điển để bàn việc tổ chức một hội thảo về cuốn sách và văn học đương đại Việt Nam; đại diện Nhân dân xuất bản xã cũng trao đổi với bà về triển vọng sẽ tái bản và in đẹp hơn, có minh họa, hấp dẫn người đọc hơn. Bà Điển tin tưởng rằng, việc xuất bản văn học Việt Nam ở Trung Quốc tới đây sẽ không còn khó khăn như bà đã gặp khi tổ chức dịch và xuất bản tập truyện ngắn này nữa.

DIỄN ĐÀN LÝ LUẬN - PHÊ BÌNH VĂN HỌC

Trong bài viết: "Từ Lý Bạch đến Hồ Chí Minh, những bản dịch thơ Đường cần chỉnh lại" tác giả Lê Tiến Thúc (báo Văn nghệ số 43, ngày 26-10-2013) đã phê phán những bản dịch 5 bài thơ được chọn đưa vào giảng dạy của cố dịch giả Nam Trân (bút danh Tương Như), và đề nghị 5 bản dịch thay thế của mình.

Chúng tôi xin trao đổi đôi điều với ông Lê Tiến Thúc.

Để làm tốt việc dịch Đường thi, trước tiên dịch giả phải am tường Hán ngữ, phải có vốn hiểu biết chính xác, sâu rộng về thơ Đường, về văn hóa Trung Hoa. Phải có tâm hồn thơ đồng điệu, tài hoa. Và đương nhiên phải giỏi tiếng Việt. Khi đọc câu thứ ba, ngay ở đầu bài viết của ông Lê: "Tiên thi Lý Bạch, Thánh thi Đỗ Phủ, Thánh thi Bạch Cư Dị, ba nhà thơ tiêu biểu nhất dòng thơ này", chúng tôi đã rất ngạc nhiên: *Làm gì*

Khi tự đưa ra 5 bản dịch thơ, ông đã căn cứ vào những bản dịch nghĩa nào? Ông có đọc được nguyên bản Lý Bạch và "Ngục trung nhật ký" hay không?

Đọc bài viết của ông, tôi cứ ngỡ ngỡ, bởi phần dịch nghĩa cơ bản là sao chép từ cụ Nam Trân và phần dịch thơ cũng lại vậy. Ông chỉ thêm bớt một hai chữ. Đáng buồn cái sự thêm vào của ông thì ngây ngô, thô thiển, làm hỏng bản dịch tài hoa, uyên bác và rất có hồn của cụ Nam Trân. Điều này dễ đối chứng.

Nếu ông Thúc là một dịch giả tầm cỡ, thì chỉ ít lâu nay ông cũng công bố đôi ba tập thơ dịch. Ít hơn thì cũng có 10-15 bài thơ dịch từ Đường thi. Ở bản dịch của mình, người dịch phải đưa ra văn bản mới, mới cả cách dịch, cả câu chữ, không phải lấy lại của người trước.

Ông Thúc hoàn toàn không hiểu *Hương Lô* là *lò hương*, vì thế ông đưa ra từ *chiếu* thay cho từ *rọi* của cụ Nam Trân. Nhưng phải là *rọi* thì mới biểu đạt được ý mặt trời lên, ánh sáng như thấp lửa vào ngọn núi hình nén

ghép với câu cuối có đêm là thành thời gian nghệ thuật? Không biết ông thụ giáo thi pháp ở trường nào vậy? Sông Ngân Hà xuất hiện ở đây là trong tiềm thức của thi nhân. Và lại, cứ nói Ngân Hà là ban đêm sao? Lỗi bình thơ sáo rỗng này, nửa thế kỷ trước, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng phê phán kịch liệt.

Cả 5 bản dịch của ông đều không đạt, không tin, cũng chẳng nhẽ. Chẳng hạn bản dịch bài *Đi đường*. Ai lại dịch thơ: "*Qua đây núi này còn đây nọ*" Thô và vụng quã! Hay ở bài *Chiếu tối*, Nam Trân dịch *cô vẫn là chòm mây* (đám mây nhỏ bé, rất hay. Sao ông dịch lại là *quăng mây*? Khi nói quăng, người ta liên tưởng đến một hình tròn hoặc gần tròn, sao lại là một đám mây nhỏ, cô đơn trôi?

Ông lại giảng "*mạn mạn là dài và rộng*"? Trong khi *Mạn mạn* nghĩa đen là *chầm chậm*. Vì thế người Trung Quốc mới chào nhau lúc chia tay là: *Mạn tẩu* (đi thong thả).

VỀ ĐỀ NGHỊ CHỈNH LẠI MỘT SỐ BẢN DỊCH THƠ ĐƯỜNG

TRẦN ĐĂNG THAO

có Thánh thi Đỗ Phủ? Chẳng không có Thánh thi Bạch Cư Dị? Chỉ có thi Tiên Lý Bạch và thi Thánh Đỗ Phủ mà thôi. Thật ra thơ Đường có chiều dài lịch sử gần 300 năm (không phải như ông viết: "suốt hơn 300 năm") (618-907), hiện được biết có 3276 nhà thơ với 52.035 bài thơ còn lưu lại. "Thần thi" thì không có, nhưng có thi Phật Vương Duy nữa.

Để bài thơ của Lý Bạch rất rõ ràng là: *Vọng Lư sơn bộc bố*, thế mà chỉ vài dòng sau, ông Thúc đã viết: "Trước Lý Bạch đã có nhiều người làm thơ về *Lô Sơn* nhưng khi bài thơ của Lý Bạch ra đời thì các bài thơ kia biến mất! Từ khi có bài thơ này những người đến thăm *Lô sơn* không ai dám để thơ nữa". Đoạn ngắn chỉ có hai câu này mà mắc liền tiếp ba lỗi cơ bản sau đây:

Nhầm lẫn *Lư sơn* với *Lô sơn*, *Lô sơn* với *Hương Lô phong*. (*Hương Lô cũng không phải là Lô sơn*.)

Không có giai thoại người Trung Quốc khẳng định về sự biến mất của các bài thơ về *Lư sơn*. Ông đã nhầm với giai thoại về bài thơ Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu.

Diễn đạt rườm rà, tối nghĩa, vô nghĩa; thí dụ một câu trong bài của ông Thúc: "Cũng dễ hiểu, vì Bác xuất thân là một nhà Nho! Hơn nữa những bài thơ đó là một dạng nhật ký". Nếu câu đầu còn có thể hiểu lảng máng ý tứ của người viết, dù nó chưa chính xác, thì câu sau: "*Hơn nữa những bài thơ đó là một dạng nhật ký*", không sao hiểu người viết định nói gì? Là nhà Nho thì phải viết nhật ký ư? Hay làm thơ Đường thì phải thơ nhật ký, mới là siêu, là đỉnh?

Hắn tự tin mình là "dân văn", ông lớn tiếng chất vấn: "Điều tôi muốn bàn ở đây là tại sao nhiều học giả biết Tương Như dịch *Vọng Lư Sơn bộc bố* chưa đúng mà vẫn chấp nhận?" Ông phủ nhận các bản dịch Lý Bạch, đồng thời phủ nhận luôn các bản dịch "Nhật ký trong tù" của cụ Nam Trân: "Ai cũng cảm nhận được bài thơ của Bác rất hay, còn bản dịch thì... rất dở?".

Hãy xem ông Thúc dịch thế nào.

Sau khi khẳng định các bản dịch của cụ Nam Trân rất dở, ông Lê Tiến Thúc lần lượt công bố năm "thi phẩm" dịch của mình. Tôi xin được hỏi ông:

hương, từ xa nhìn lại như có ngọn lửa tía (màu tím đỏ) ẩn hiện. Như vậy câu thơ mới có hồn. Điều này chứng tỏ ông Thúc chưa đọc nổi nguyên bản chữ Hán bài thơ của Lý Bạch.

Ông chê Nam Trân dịch sai từ, thiếu ý, sót nghĩa; đến khi ông dịch, thì cố sống cố chết bám lấy từ "quải" (treo) để đưa ra câu thơ: "*Thác treo thẳng đứng trước sông này*", và cho rằng thế là tuyệt bút. Thưa ông, dòng thác chảy ào ạt sống động chứ có phải tằm gỗ bất động đâu mà đứng chết cứng như vậy? Ở câu thứ hai này, ông dịch vậy, xin hỏi hai từ "dao khan" (nghĩa là nhìn xa) ông vất đi đâu? Còn ở câu thứ ba, ông dịch là: "*Vút bay từ độ ba ngàn thước*" thì hai chữ "*trực há*" (lao thẳng xuống) ông đã dịch chưa?

Cụ Nam Trân dùng từ *trước*, ngầm có hàm ý của *treo* rồi. Ông dịch là *vút bay* thì còn đâu sức mạnh triều dâng, thác lũ. *Vút bay* chẳng phải là từ chỉ một vật chuyển động với tốc độ lớn, mà thường là bay lên?

Còn ở câu cuối, ông đã lấy gần hết câu của cụ Nam Trân, chỉ thay một từ *tưởng* bằng từ *ngỡ* rồi tự cho là cao thủ? Cụ Nam Trân dịch từ *lạc* (rơi, rụng) một cách rất sáng tạo là *tuột* trong câu: "*Tưởng giãi ngân hà tuột khỏi mây*". Đây là đóng góp của riêng cụ, ở Việt Nam chưa có ai dịch từ này như vậy. Ông bẻ nguyên câu thơ có cái từ *tuột* của cụ vào bản dịch của mình.

Dở hơn, ông lại viết thêm đôi dòng giảng bình vô nghĩa, sáo rỗng: "Lý Bạch dứt dòng sông ra đem treo trước mặt, hay là thác nước cảm nhận được cái nhìn của Lý Bạch để tự tách mình ra treo trước mặt Tiên thi? Xét về thời gian nghệ thuật, Lý Bạch thành vị thần xoay chuyển càn khôn. Câu đầu là ban ngày (nhật). Câu cuối là ban đêm (Ngân Hà), Lý Bạch như thoát xác, lên kéo dải Ngân Hà xuống". Nhưng Lý Bạch đã nói rõ, ông *đứng từ xa* (vọng, dao khan) nhìn ngắm, miêu tả, cảm xúc. Làm gì có chuyện hết sông đến thác dứt mình ra hỗn loạn như vậy?

Còn "thời gian nghệ thuật", theo ông Lê Tiến Thúc, do câu đầu là ban ngày (nhật), câu cuối là ban đêm (Ngân Hà). Giản đơn như vậy ư? Cứ đầu câu có ngày,

Ông Lê có nói đến niêm, luật thơ Đường. Xét ra, thì ông không hiểu gì. Thơ Lý Bạch vẫn chân đều là vần bằng cả (yên - xuyên - thiên và quang - sương - hương). Thế mà ông đối tuốt sang vần trắc. Thơ Bác có vần bằng (nan - san - gian ở bài *Tẩu lộ*) ông cũng đối sang trắc (khó - nọ), làm phá vỡ cái cổ kính của không gian nghệ thuật thơ.

Rồi nữa, trong bài dịch cuối cùng, không hiểu sao bỗng nhiên ông lại hét toáng lên khiếm nhã: "*Kìa có gái*"? Còn câu dịch cuối: "*Vừa hết lò than đã rực hồng*", thì quá hồng. Bài thơ đã thật sự tắt thở. Cái gì vừa hết vậy? Lò than vừa hết ư? Nó vẫn chả đang rực hồng đó sao?

[Đôi dòng về cố dịch giả Nam Trân:

Cụ Nam Trân tên khai sinh là Nguyễn Học Sỹ, sinh năm 1907 ở Quảng Nam, từng làm quan tới chức án sát Bình Định, Thị lang Bộ Lại, Chánh tam phẩm (như Thứ trưởng ngày nay). Cụ lại có bằng Tú tài bản xứ, giỏi cả Hán - Pháp - Anh, là nhà thơ nổi tiếng của phong trào thơ Mới. Cụ sớm theo cách mạng, làm Chánh Văn phòng ủy ban Hành chính Kháng chiến liên khu V. Tập kết ra Bắc, cụ về Viện Văn học phụ trách dịch thuật; là Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Cụ là một trong những nhà Hán học cự phách của nước ta sau cách mạng, là giảng viên lớp Đại học Hán - Nôm đầu tiên trên miền Bắc, người duy nhất về dịch thuật có được những vinh dự sau đây:

Dịch Ngục trung nhật ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Dịch Thơ và từ của Chủ tịch Mao Trạch Đông.

Dịch thơ Quách Mạt Nhược; dịch thơ và từ đời Tống.

Tuyển dịch bộ Thơ Đường (2 tập). Dịch thơ văn Lý - Trần.

Tinh ra cụ đã dịch cả vạn bài thơ chữ Hán.

Tập Nhật ký trong tù do cụ dịch là hiện tượng văn học chấn động năm 1960. Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ngỏ lời khen ngợi, tự tay Người bút phê trên bản thảo. Bác còn tế nhị tỏ lòng cảm ơn bằng cách mời dịch giả Nam Trân tới nhà dùng cơm với Người.]■

TIẾP NỐI MẠCH VĂN CHƯƠNG TRẬN MẠC

(Độc *Đỉnh máu*, tiểu thuyết của Nguyễn Bảo, Nxb Lao động, 2013)

ĐÀO VINH

NHÀ văn đặt tên "Đỉnh máu" với một chủ ý tổng quát: từ đầu đến cuối, cái không bao giờ thôi ám ảnh là bởi những ngọn núi máu nhuộm đỏ. Không gian tiểu thuyết triển khai ở cao điểm 1062 của dãy núi Sơn Gà và các vùng lân cận bán kính không quá 10km, trong thời gian mấy tháng cuối năm 1974. Cuộc đổ sức giữa các lực lượng tinh nhuệ nhất: sư đoàn 304 Điện Biên của QĐNDVN và sư đoàn dù "Thiên thần mũ đỏ", chủ công của quân đội VNCH. Hạn hẹp và ngắn ngủi không gian, thời gian, nhưng đây là trận thư hùng sống còn, góp phần quyết định cục diện hai mươi năm súng đạn.

Nguyễn Bảo từng là một người trực tiếp chiến đấu, nhưng còn biết quan sát cận kề, gom nhặt và nâng niu kỷ ức cả bằng linh cảm, hồi tưởng.

Nhân vật trung tâm của tác phẩm là cặp Ngô-Hán: hai người, chỉ huy hai đơn vị ở hai bên chiến tuyến. Bốn mươi năm sau, cuộc đời sắp đặt họ đồng hành. Mỗi người một đoạn, hai nhân vật lần lượt kể về mình, về người, mà lắp ghép lại thành đường liên không lỗi của tác phẩm.

Trước hết, là sự khốc liệt, giằng co, còn mất từng ngày, thương vong khủng khiếp. Ở 1062 "trung bình mỗi ngày binh sĩ dù trút xuống 9.000 đạn pháo... Độ cao của Sơn Gà như thấp xuống, máu cứ chồng lên máu" (trang 72), "và có lúc hầm hào, cả con suối cạn ở đây cũng

biến thành suối máu" (tr.103). Rồi cảnh bốc xác người ghê rợn dưới hầm hào (tr.152)... Bên nào cũng rừng rợn nhưng bên nào cũng dần thân? Hán bên kia phải gào lên: "Mấy cái điểm cao chết tiệt muốn làm chủ bên nào cũng phải chống chọi những xác người" (tr.366); còn anh hùng Lê Mã Lương, nhật ký viết ở 1062 cũng phải ngưng bút vì: - Hy sinh nhiều quá đến nỗi không viết được cả nhật ký (tr.418)...

Nguyễn Bảo cũng lí giải khách quan động cơ theo đuổi cuộc chiến của những cá nhân. Với Ngô là khẳng định: "Vào chuyện thắng thua còn nhiều yếu tố, nhưng chính vẫn là con người. Lý tưởng, nhân cách của người lính cổ tính quyết định đến số phận cuộc chiến". Còn ở Hán: "Không phải tôi mà bất kì người lính nào... Trách nhiệm, nghĩa vụ đối với quân đội, đối với Tổ quốc buộc họ không được tính toán cho riêng mình" (tr.57). Khác biệt đối cực là quan niệm về Tổ quốc, nhân dân, chính thể xã hội... Chính vì bên nào đúng đắn thì bên ấy thắng, nên tháng 3-1975 quân ta thắng tiến về giải phóng Đà Nẵng...

Nhu cầu sống thiết yếu của con người trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng tồn tại. Tình yêu đôi lứa trong tiểu thuyết được Nguyễn Bảo tập trung ở các cặp nhân vật Ngô-Năng (trước khi anh ra mặt trận), Hán-Vân, Cang-Tính và Tính-Ngô. Đọc



những đoạn này thấy tác giả như người đang yêu ở lứa tuổi đẹp nhất. Ở 1062 - Thượng Đức, sự bi hài của tình yêu quá nhiều ngõ ngách. Cang và Tính mất nhau chỉ vì quan điểm cứng nhắc và độc đoán của trung đoàn trưởng Hình. Hán và Vân nếm trải bao uẩn khúc, nghi kỵ... Cũng như cặp Tính-Cang, chỉ khi một trong hai người chết đi, tình yêu thực mới được xác nhận. Ngô và Tính thì bất chấp bom đạn, kỉ luật, để đến với nhau trọn vẹn, khi cái chết vừa bùng nổ (tr.131-132). Để rồi khi chỉ gang tấc nữa là chiến tranh kết

thúc, họ cũng không được thành vợ chồng: bệnh tật đã cướp Tính (đang mang thai) ở bệnh viện Đà Nẵng vừa giải phóng...

Những tình huống tác giả sử dụng cũng thật hiếm có. Hán và Ngô bị hoàn cảnh éo le dồn vào một hầm chiến ở núi Sơn Gà. Ngô đã vì: "Anh đơn phương một mình, chân không nhúc nhích được. Tôi sẽ nhường hầm cho anh". Sau này họ mới biết bấy giờ họ đang là kẻ thù của nhau (tr.34). Trường hợp khác, khi một chiến sĩ đã thoát vòng nguy hiểm nhưng thấy cấp trên của mình đang trước họng súng địch. Anh hô to, thu hút địch, để rồi: "Đạn AR15 găm đầy người Hình, đạn AR15 quật ngã Ngọc trên sườn đồi. Ngọc vẫn cố nhích thân người đầm máu về phía Hình, miệng cố gào lên: - Trung đoàn trưởng yên tâm. Chúng tôi đang đến với trung đoàn trưởng đây!..." (tr.318).

Tiểu thuyết "Đỉnh máu" viết về chiến tranh, đầy có chấm phá đôi nét thời bình để dựng chân dung người lính ngày ấy - bây giờ nhưng tựu trung vẫn là sự tiếp nối mạch văn chương tả trận mà Nguyễn Bảo đã xác lập từ những năm trước. Bút pháp Nguyễn Bảo vững vàng ở trải nghiệm, cấu tạo, và văn chương. Câu chữ giản dị, gần gũi, lay động: "Các chóp núi là nơi hội tụ mơ màng của mây trời" (tr.65)... Mong nhà văn không dừng lại sau "Đỉnh máu".

NHỮNG BÀI THƠ RA TRẬN

(Độc *Mai-Pi-Muôn*, thơ - truyện của Châu La Việt, Nxb Văn học 2013)

NGUYỄN ĐỨC QUANG

KHOÁC áo lính lên đường năm 17 tuổi, trải qua trận mạc, viết văn, làm báo với nhiều bút danh: Triệu Phong, Trương Nguyên Việt, nay Lê Khánh Hoài - Châu La Việt trình làng tuyển tập thơ - truyện, đó là sự trân trọng không chỉ lao động nghệ thuật mà còn cả quãng đời hy sinh, gian truân của tuổi thanh xuân đã qua.

Đọc chùm thơ (phần 1 tập sách) chỉ có 10 bài của anh, tôi càng hiểu anh hơn, hiểu những người lính của đất nước những năm tháng chiến tranh ác liệt.

Có biết bao tên gọi triu mến về người lính: *Nghĩa sĩ, vệ quốc, chiến sĩ, đồng chí, đồng đội* qua mỗi áng thơ, Châu La Việt cũng tìm cho mình một "định nghĩa". Bài thơ *Bộ đội* không diễn tả một trận đánh, mà đọng lại trong tâm trí người đọc một hình dung về người cầm súng:

*Khi đi ra chiến trường
Chúng tôi xếp hàng ngang
Không ai muốn lùi bước*

*Khi đi nhận lương thực
Chúng tôi xếp hàng dọc
Đồng chí khỏe đứng sau
Đồng chí yếu đứng trước*

*Đồng chí nào thương thật
Đề nghị xếp lên đầu
(Mặt trận Lào - 1971)*

Tinh thần hy sinh, tình cảm đồng đội

được Châu La Việt sắp xếp theo những vị trí: dọc, ngang, sau, trước thật hợp lý, hợp tình. Có những tác giả khi nhắc đến là người đọc nhớ ngay tên tác phẩm dù chỉ một bài. Với Châu La Việt cũng vậy: bài thơ *Bộ đội* chắc chắn đã nằm lòng bao thế hệ chiến sĩ, bạn yêu thơ.

Nhưng Châu La Việt còn nhiều bài không thể không nhắc đến. Cả một quãng đời tuổi trẻ đương đầu với đạn bom kẻ thù, cả một quãng đời khát khao tình yêu, khát khao cuộc sống... như được anh bộc bạch, chia sẻ lên trang viết. Những niềm vui, nỗi buồn ấy giờ không còn của riêng anh, mà của chung thế hệ cầm súng năm nào.

Như một thước phim, tái hiện đời lính, Châu La Việt đã viết *tự truyện* đời mình qua mỗi dòng thơ, trang thơ.

Đây là niềm kiêu hãnh *Tôi có một Trường Sơn* mà chỉ những người nhập cuộc như anh mới có quyền viết:

*20 tuổi sống với trận sốt rừng
Với nhành lá tàu bay, với tiếng chim khe núi*

*20 tuổi với ngàn lần bom dội
Giáp mặt thù vai tôi tựa Trường Sơn...*

Không chỉ trường thành, vững tin qua bom thù, chiến trận, người lính còn tự vươn lên trong chính con người, tình cảm của mình. Bài thơ *Trăng non* như một sự khẳng định, tâm hồn nhân hậu, cao cả của

người lính trong một hoàn cảnh bất thường.

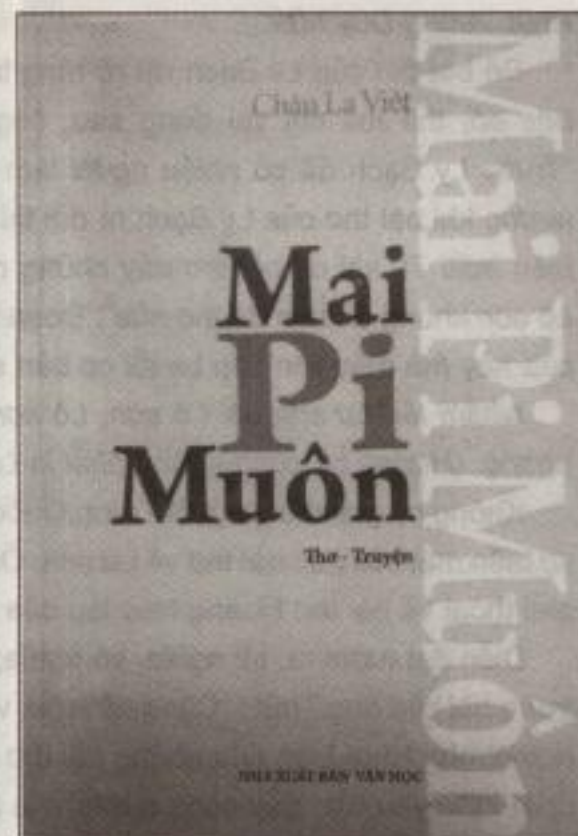
*Đêm hành quân qua xóm
Gặp tiếng khóc trẻ con*

*Hộ sinh- o đừng sợ
Vừa bắn tàu bay rơi
Tay lau sạch bùn đất
Đã đưa trẻ ra đời*

*Và tôi dù trẻ lắm
Nhưng vẫn cứ nghĩ rằng
Mình đang làm người bố
Đi giữ đời cho con...*

Ba bài thơ *Sức* còn lại để hát, *Chị ngâm thơ về Mẹ giữa cánh rừng*, *Tâm sự với sông* *Bố* chính là kết tinh "thế mạnh" của con người nghệ sĩ - chiến sĩ trong con người Châu La Việt. Với họ, trận mạc và ác liệt chỉ càng làm cho "bản năng", "sức sống" chân-thiện-mỹ vươn lên, vượt qua bao gian khổ mà thôi. Điều này như giúp người đọc khám phá thêm về họ, ngoài lòng dũng cảm, ý chí chiến đấu, còn có cả tình yêu thương, lương thiện của những con người thiết tha với hòa bình, độc lập.

*Tiếng đàn bầu gọi nhớ
Tiếng ghi ta bập bồng ánh lửa
Tiếng sáo tre lả lơi cánh diều
Tiếng vĩ cầm xao động ngôi sao chiếu
Nếu như rồi chẳng có*



*Hắn chiến trường sẽ chỉ trum bom nổ
Trại tìm mình biết đập làm sao?*

Năm 1976 tôi vào học năm thứ nhất thi anh Châu La Việt đang học năm thứ ba. Khóa học sau năm 1975 khoa Văn Sư phạm, kín đầy sân trường sắc áo các anh lính trở về, không khí vui tươi, rộn ràng. Bao nhiêu kỷ niệm với các anh, các chị khóa trước. Từ các anh Châu La Việt, Lê Huy Hòa, Trần Duy Thanh, Trần Đăng Suyền... chúng tôi như được tiếp thêm không khí văn chương, khát khao sáng tác. Nhiều truyện ngắn, kịch của anh Châu La Việt như *Những tảng cây xăng lẻ*, *Mai Pi Muôn* chúng tôi yêu mến và nhớ từ ngày đó.

Đọc chùm thơ của anh Châu La Việt, lại bồi hồi nhớ một thuở sinh viên khoa Văn...

NGHỆ THUẬT

Từ Cuộc thi Hoa hậu Áo dài 1989, Sĩ Hoàng đã đi vào con đường thời trang và thành danh với tà áo dài. Có thể thấy rõ sau hơn hai mươi năm gần bó với thiết kế, những tác phẩm của anh đã trở thành một minh chứng khi nói đến giá trị của áo dài, đó là sự hiểu biết về trang phục truyền thống, trong mối quan hệ với văn hóa dân tộc, không chỉ là câu chuyện ăn mặc, thời trang mà là những giá trị đạo đức, giá trị tinh thần từ hai tà áo dài truyền thống của người phụ nữ Việt...Phóng viên báo Văn nghệ đã có cuộc trao đổi với nhà thiết kế trang phục Sĩ Hoàng, về những vấn đề hết sức thú vị trong lĩnh vực này...

chương trình "Mặc đẹp để thành công"; diễn viên trong vở "Trò chơi Tham Vọng" (sân khấu kịch Hoàng Thái Thanh)... nhưng vẫn lặng lẽ, đều đặn xuất hiện trong những chương trình biểu diễn thời trang Áo dài lớn trong nước và ở nước ngoài. Năng lượng hay triết lý sáng tạo nào đã giúp anh thực hiện điều đó?

- Theo quan niệm của tôi, đối thủ lớn nhất của đời người chính là bản thân mình, vì thế luôn tận dụng quỹ thời gian để làm việc. Tôi tự tái tạo năng lượng và cảm hứng sáng tạo bằng Thiền. Những hoạt động gần gũi với trẻ em trong việc tham gia nhóm biên soạn chương trình Thai giáo do Hội Quán các Bà Mẹ chủ biên, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc cổ vũ và hiệu đính. Nghiên cứu và biên soạn chương trình Tư duy sáng tạo dành cho trẻ Mẫu

bằng chính công việc của mình, trung thành và từng ngày chỉ sáng tạo và thực hiện những tà áo đẹp. Như một sự biết ơn với thành phố, với đất nước đã cho mình một sự trưởng thành nghề nghiệp - xây dựng "Bảo tàng áo dài" đã là ước muốn bấy lâu.

Ấm thực thực hiện từ 2002, qua việc xây dựng Nhà vườn Long Thuận, đến nay sau hơn 10 năm, dù trong bối cảnh kinh tế chung đang còn gặp nhiều khó khăn, nhưng tôi quyết tâm được đóng góp một công trình thật ý nghĩa về mặt văn hóa, giáo dục, lịch sử tại Quận 9 -Tp. Hồ Chí Minh là một nguyện vọng lớn lao. Về quy hoạch xây dựng, đã thực hiện được 80 % khối lượng công việc gồm toàn bộ 20.000 mét vuông của Nhà vườn Long Thuận thành 16 khu chức

quảng bá rộng rãi, mời gọi mọi người sang nhượng, hiến tặng áo dài để kho hiện vật được phong phú hơn. Mọi thủ tục ra mắt "Bảo tàng áo" dài đang được các vị lãnh đạo Tp. Hồ Chí Minh và lãnh đạo Quận 9 hỗ trợ tối đa, với sự đồng hành của các nhà tài trợ. Kế hoạch khánh thành vào cuối năm 2013 kịp thời phục vụ công chúng địa phương và thành phố vào mùa lễ hội đầu năm mới. Tôi có ba mơ ước lớn trong đời- đó là xây dựng thư viện, bảo tàng, nhà hát. Thư viện và bảo tàng đang hoàn thiện rồi, nếu còn đủ sức lực, nếu trời thương, thì tôi mong có một nhà hát nữa- đó là một nhà hát về áo dài. Từ tháng 6-2006, tôi đã trình dự án này lên UBND Tp.HCM và được đưa vào danh mục của cuốn vận động đầu tư nước ngoài...

KHÔNG TỰ BẰNG LÒNG...

- **PV:** Thưa nhà thiết kế Sĩ Hoàng. Anh có thể cho biết một cách khái quát về quá trình đi vào con đường thiết kế áo dài suốt trên 20 năm qua, để gạt hái được những thành công của ngày hôm nay?

- **NTK Sĩ Hoàng:** Khi vừa kết thúc 2 năm giáo viên thực tập (1987 - 1989), để trở thành giáo viên chính thức của Bộ môn Mỹ thuật tại trường Đại học Kiến trúc Tp.HCM, tôi bắt đầu vẽ áo dài như là nghề tay trái để thêm thu nhập. Đến giai đoạn 1997 - 2002, khi biểu diễn trong những chương trình kỷ niệm quan hệ ngoại giao Việt Nam với các nước và giao lưu văn hóa ở hơn 10 quốc gia từ Á sang Âu, Mỹ, tôi thấy được sự trân trọng của bạn bè quốc tế dành cho tà áo dài VN. Từ đó, tôi ý thức rằng, đó không chỉ là công việc, mà chính là góp phần bảo tồn, phát huy và giới thiệu một giá trị văn hóa của trang phục. Trong 24 năm qua, tôi đã thiết kế 600 mẫu với 58 bộ sưu tập áo dài; thiết kế và thực hiện 1566 mẫu phục trang cho 22 vở diễn các loại hình sân khấu Kịch, Cải lương, Chèo và phim Truyền hình.

- **Mỗi cuộc trình diễn hay những tác phẩm của anh thường gắn với một chủ đề, nó thường xuất hiện theo cảm hứng thiết kế, hay là theo một kế hoạch được định sẵn?**

- Các chủ đề thiết kế đều được lên kế hoạch từng năm dựa theo nghiên cứu xu hướng thời trang thế giới, thông tin về dự báo phát triển kinh tế, các chủ trương chính sách của Nhà nước về đường lối phát triển nghệ thuật, các sự kiện văn hóa lớn của đất nước. Tuy nhiên, tất cả các ý tưởng thiết kế đều đến từ cảm xúc sáng tạo, sau những lần tham quan, nghiên cứu về trang phục, nghệ thuật gốm tại các bảo tàng trong và ngoài nước.

- **Những năm gần đây, anh xuất hiện nhiều trên phương tiện truyền thông trong những dự án mới như "Chương trình giáo dục sớm" - chương trình dạy mỹ thuật- sáng tạo cho trẻ nhỏ; MC cho**

giáo đến 14 tuổi. Tập hướng tới sự đơn giản hóa dần nhu cầu bản thân, bình thường hóa mọi vấn đề gặp phải, triệt tiêu những phiền não, tạo ra giá trị sống cho chính mình và cộng đồng. Nằm xuống buông tay là không nắm được gì mang theo, nhưng cái còn ở lại là những giá trị để lại trong đời. Nó không phải là cái nhà, miếng đất, vật dụng xe cộ nhiều tiền, mà chính là những giá trị tinh thần trong cảm nhận tâm linh, văn hóa, thẩm mỹ, nhân bản... mà bất kỳ một cá nhân, quốc gia, dân tộc, nào cũng phải công nhận và có trách nhiệm gìn giữ. Người ta thường nói mình phải tự hài lòng với những cái đang có, điều đó đúng và tôn giáo cũng dạy như thế! Nhưng tôi là con người sống sáng tạo, được sinh ra để làm người sáng tạo, được đào tạo để sáng tạo có phương pháp và thành đạt bởi sự sáng tạo của mình, cho nên vấn đề của tôi là không bao giờ bằng lòng với những điều mình đã làm ra. Phủ định cái vừa khẳng định để tiếp tục đặt mình trong vạch xuất phát.

- **Bảo tàng áo dài công bố gần đây, hẳn là một dự án lớn đã theo đuổi anh trong hành trình hơn hai mươi năm thiết kế, trình diễn áo dài. Điều gì đã thúc anh thực hiện kế hoạch lớn và nhiều thử thách này? Bởi trong tình hình hiện nay, những dự án kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, chắc chắn những dự án văn hóa-nghệ thuật còn khó khăn hơn gấp bội?**

- Mỗi khi trình diễn áo dài trong những ngày giới thiệu văn hóa tại nước ngoài, tôi đã cảm nhận đó không chỉ còn là chiếc áo với kiểu dáng, màu sắc, chất liệu nữa, mà thật sự ẩn chứa nội lực của một bề dày lịch sử với bao hy sinh của một dân tộc, mới có một tấm áo lành lặn dịu dàng yên bình. Để cảm xúc đến cả trong văn, thơ, nhạc, họa, cho thấy tà áo còn là mây, là gió, là cánh bướm, là giá trị đạo đức ẩn trong giá trị thẩm mỹ khiến cả người mặc lẫn người tiếp xúc đều dâng lên một sự trân trọng, yêu quý biết bao. Tôi nghĩ rằng muốn bảo tồn và phát triển bền bỉ điều gì, thì phải làm cho điều ấy được nhiều người biết, nhiều người chấp nhận, trên hết là được nhiều người sử dụng. Và người ta chỉ thích sử dụng khi cảm thấy có nét gần gũi thân quen. Tôi chưa là người lính, nhưng đã yêu nước



NTK Sĩ Hoàng và những tác phẩm của các em nhỏ theo học "Chương trình giáo dục sớm" - dạy mỹ thuật - sáng tạo cho trẻ của anh.

năng, trong đó phần lớn là nhà trưng bày hiện vật cố định, chiếu phim tư liệu, phòng hội thảo chuyên đề, nhà triển lãm định kỳ, nhà giới thiệu các quy trình thực hiện áo dài từ may, thêu, vẽ, đính kết... Sân khấu diễn áo dài, dây phố cổ hàng lưu niệm, ẩm thực. Về hồ sơ hiện vật, theo quy chuẩn các văn bản về việc thành lập bảo tàng đang hoàn chỉnh như thống kê các hồ sơ từng hiện vật như : Sổ đăng ký hiện vật; Bản ghi chép về hiện vật (ghi âm, ghi hình); Biên bản giao nhận... Đặc biệt, hiện đã nhận được những áo dài rất quý của cố nữ tướng Nguyễn Thị Định; nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình; cựu Đại sứ tại Liên minh châu Âu, cựu Phó Chủ nhiệm ủy ban Đối ngoại Quốc hội Tôn Nữ Thị Ninh; nguyên Giám đốc bệnh viện Từ Dũ- bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng; NSND Bạch Tuyết; NSND Kim Cương...tặng cho bảo tàng; cùng khoảng 500 bộ áo dài qua các thời đại, trong đó có các mẫu áo dài được đo may từ những năm 1930; hơn 3.000 tấm ảnh áo dài xưa và nay cùng với nhiều tư liệu quý về chiếc áo dài VN. Đây chưa phải là con số cuối cùng mà sắp tới, khi bảo tàng ra đời, sẽ có một kế hoạch

- **Lâu nay, thiết kế trang phục cho các vở diễn sân khấu lịch sử là điểm yếu của các nhà thiết kế, do những tài liệu lịch sử về trang phục của ta rất hạn chế. Anh suy nghĩ như thế nào về điều này? Giải pháp, quan điểm của anh đối với việc thiết kế trang phục sân khấu các vở diễn cổ như thế nào?**

- Kinh nghiệm thiết kế và thực hiện phục trang sân khấu truyền thống, với tôi còn đang được học hỏi, tích lũy và vẫn còn nhiều khó khăn mỗi khi nhận lời thực hiện từng kịch bản sân khấu. Nhưng chỉ nên làm khi biết chắc có thể tìm được nguồn tư liệu có độ tin cậy cao, nắm rõ kịch bản với chủ đề tư tưởng của đạo diễn, thống nhất được phong cách thiết kế với họa sĩ thiết kế cảnh trí vở diễn, tiếp xúc với diễn viên trong các phân vai, có trong tay một ê kíp thực hiện may phục trang hiểu ý và kỹ thuật cắt may, trang trí tốt. Quan điểm của tôi là "đúng- mới- đẹp" khi thiết kế, hay thực hiện phục trang các vở diễn cổ trong bối cảnh lịch sử cụ thể.

- **Cảm ơn anh về cuộc trao đổi này, và chúc cho những dự định lớn của anh sẽ gạt hái nhiều thành công!**

TRẦN NGÀ (thực hiện).

TÂM bị bắt quân dịch, bố buồn ít nhưng con dâu buồn nhiều. Ngoài sự trống vắng chồng con, Lan đang bụng mang, dạ chứa. Mọi việc giờ trút cả lên vai bố chồng. Từ bấy ông Đồng lẩm li như một bức tượng đồng hun. Có việc, ông chui ra – chui vào trong con đồ nạt, chỉ có hai khoang chật hẹp. Lúc rảnh, ông lại ngồi cuốn thuốc lá rê, phả khói nóng nực vừa ngai ngái, gây gây khiến người con dâu ngồi thấy lại chực nôn ọe.

Giờ thì quen rồi cái mùi thuốc rê nồng nặc, nó hợp với khứu giác của người thiếu phụ mới sinh đứa con đầu lòng vừa đủ 9 tháng. Hình như Lan đã mắc “nghiện” khói thuốc của bố chồng. Ngay cả những cơn giận và mấy cơn chuột nhắt, cứ thấy ông hút thuốc là bỏ ra. Nên những lần có việc, ông phải đi đâu mấy ngày, khoang thuyền vắng lặng, người con dâu thoảng một nỗi nhớ. Lũ chuột và mấy con gián cũng uể oải vì không được ngửi mùi thuốc rê.

Cứ vậy, ông Đồng lặng lẽ suốt năm này sang tháng khác. Người con dâu cũng cảm lạnh như một đứa kiếm lợi. Ngày hai bữa, Lan mời Ba: “xơi cơm” rồi vụng về “à ời” ru con ngủ. Xong việc giặt giũ, cô đẩy chiếc xuống cầu vào chỗ nước lặng. Ở đây chỉ có mây trời lồng lộng. Sau lưng là con đập chắn. Trước mặt sóng nước chơi vơi. Đồ nghề của cô là chiếc cần câu nhỏ, một con dao cùn và một miếng gỗ, thay cho chiếc thớt. Sau khi bằm nát đầu con cá ngạnh có bộ da trơn, Lan cầm nó “choả choả” xuống nước, cùng với hai bắp chân trần trắng nõn, đá lên – đập xuống, làm cho mặt nước sóng sánh thành những vùng tròn, sủi bọt trắng tinh. Mùi tanh của cá mỗi lan toả, khiến cho lũ cá mương ở đâu tranh nhau bu lại. Cùng lúc, tay phải Lan liên tiếp “phẩy – giật” chiếc cần chỉ nhìn hơn sai tay. Toàn thân cô nhịp nhàng, uyển chuyển như một “nghệ sĩ xiếc tài ba” giật lên những chú cá, chưa kịp quẫy mình, đã rơi xuống lòng xuống ở phía sau lưng, mà cô không hề phải ngoảnh lại để tháo gỡ.

Cứ thế, hai bắp chân trần thay phiên tạo sóng tung bọt. Chỉ lúc nào con cá mỗi nhặt mùi tanh, Lan mới ngưng nghỉ vài giây để “băm đập” phần còn lại của con mồi; xong lại cầm cần liên tiếp “phất” sợi dây cước có đính lưỡi câu vùn vụt như bàn tay phù thủy, để bắt những con cá dài khoảng mười phân rơi xuống lòng xuống.

Nửa tiếng rồi một tiếng, đàn cá trên sông vơi cạn. Lòng xuống, đám cá bạc phơi mình. Nhiều con còn nhảy lên tanh tách. Lan ngừng câu, thu gọn mớ cá rồi đợi người đến mua – đổi lấy gạo, muối, rau hành và dầu thấp.

Ngày tháng trôi. Bố con ông lão cứ sống lênh đênh trên mặt sông phẳng lặng. Chỉ khi mặt trời tắt nắng, họ mới đẩy chiếc thuyền về gần phía nhà thờ để cầu kinh. Tối nào cũng vậy, dù nắng hay mưa, trăng vơi hoặc ánh sao tỏ mờ, tiếng cầu kinh của xóm Vạn chài vẫn ngân vang cùng tiếng sóng “ì ọp” và tiếng gió từ đại ngàn thổi về, khiến cho khúc sông như ngập bởi thế giới của thần linh.

Bố con ông lão sống âm thầm như vậy với niềm hy vọng mong manh: Khi nào đất nước yên bình, con mình mãn hạn lính trở về. Người con dâu cũng nên lòng chờ đợi. Niềm vui bây giờ, Lan dồn vào đứa con. Tiếng khóc, tiếng cười, lời bi bô tập nói của nó làm vơi đi nỗi tĩnh lặng trong khoang thuyền hẹp. Còn ông lão nếu không lau quét sạp thuyền, buộc lại cái quai chèo, ông lại ngồi chết lặng trước ban thờ có bức ảnh Đức mẹ đồng trinh. Thỉnh thoảng ông còn nhận chở hàng thuê cho mấy bà buôn vật, kiếm thêm tiền ông cháu tiêu pha. Mẹ đứa bé thì lo cơm nước, giặt giũ. Lửa khi con ngủ, Lan lại đẩy chiếc xuống, sấm vai “nghệ sĩ xiếc” buông câu. Tối, cô kéo mấy cái vó tôm bên đĩa cạn. Cuộc đời tưởng vậy, trôi đi thì một buổi chiều, mặt trời đỏ rực, có người lính đến báo cho Lan một tin dữ: Chồng cô đã tử trận trong một cuộc giao tranh hoàn toàn không cân sức. Những người giữ đảo, phần lớn bị giết. Số bị thương, bị chúng đồng đẩy ném xuống biển. Anh ta và một số sống sót trở về.

Lan gần như chết lặng. Đứa con rúc đầu vào vú mẹ khóc thét. Anh lính ngầy người trước một nỗi đau. Mặt anh ta đanh lại. Người thiếu phụ thiếu chút nữa đã gục xuống sạp thuyền. Ngoài kia gió chiều thổi mát mẻ. Con thuyền trôi vắng lặng. Dù có quay mặt đi, anh lính vẫn nhận ra khuôn mặt của người thiếu phụ, giống với gương mặt của Đức Mẹ Đồng Trinh trong bức ảnh. Ánh mắt ấy, cặp môi kia với sống mũi dọc dừa, trông vừa thánh thiện, vừa đượm nỗi u buồn. Người lính bại trận không thể tưởng tượng được rằng: ở khúc sông vắng lặng này, trong con đồ ọp ẹp lại có một thiếu phụ như thế. Số phận thật phũ phàng. Vụng về, anh lính bảo: “Đừng quá buồn. Anh có bốn phận đi lại chăm sóc thằng nhỏ!” Nói rồi, anh ta choàng tay, ôm ghì vợ người bạn. Bất ngờ mất vài giây, Lan lựa chiều xoay người phản kháng. Việc đầu tiên, cô trườn khỏi vòng tay anh ta, rồi thét trong nước mắt: “Không. Không. Buông ra, không tôi kêu lên bây giờ!”

Anh lính khựng người. Lan vùng vẫy kháng cự. Đứa bé thét lên ngằn ngặt, suýt lăn ra sạp thuyền, Lan ôm vội con rồi xiết nó vào lòng như một vũ khí để ngăn chặn. “Đừng làm hung. Tháng tháng “Qua” sẽ trích phần lương cho nuôi thằng nhỏ...” Lan, đỏ mặt lắc đầu:

VƯỢT SÓNG

Truyện ngắn của
TRỊNH QUANG THÀNH

“Không. Không. Ông đi đi!”

Đúng lúc ấy tấm ván cầu chuyển động. Con thuyền rung mình, lắc lư. Ai nấy nhìn ra: Ông Đồng dẫn một bà xuống mua cá. Bốn cặp mắt ngó ngang. Không cần hỏi, hình như ai cũng biết chuyện gì đã xảy ra. Tên lính sau vài giây sượng sùng, hấn xốc bao súng rồi bảo: “Tui là thượng sĩ – lính Việt Nam Cộng hoà, đến báo tin: Con trai ông vừa tử trận...”. Nói rồi hấn ta khom người, chui khỏi khoang thuyền, lên bờ bằng chiếc ván cầu mỏng manh. Ba người còn lại gần như chết lặng. Người con dâu nấc lên, nước mắt đầm đìa: “Ba đi!”

Con đồ hẹp hai khoang. Mẹ con Lan, nằm trong. Ông Đồng nằm khoang ngoài. Hai cha con cách nhau bởi tấm mùng ngăn muỗi. Khuya rồi, thằng nhỏ vẫn khóc ngằn ngặt. Mẹ nó dỗ không được. Thằng bé ngậm đầu vú mẹ lại nhả ra rồi oằn mình khóc. Lan bực mình phất vào đất con. Ông Đồng xót cháu – ngồi dậy, hỏi một câu buông xõng:

– Sao, nó quấy thế?

Lan không trả lời. Thằng bé quấy mình. Ông Đồng vén tấm mùng. Mẹ nó vẫn nằm nghiêng. Ánh sao nhớ nhờ hắt vào. Khoang thuyền thơm mùi sữa. Khuy ngực Lan không đóng, lộ rõ bầu vú căng. Ông Đồng nhòai người đón đứa bé: “Ra ông, ra ông! Ồi, người nóng như hòn than thế này!”

Mãi bế cháu, cánh tay ông va vào ngực Lan. Không bận tâm lắm, ông hỏi:

– Thằng bé nóng thế mà không thuốc thang gì ư?

Lan trả lời cụt ngủn:

– Uống thuốc “mọc răng đi tướt rồi!”

Khoang thuyền chìm trong bóng đêm, chỉ còn lại tiếng ru đứt đoạn của người ông dỗ cháu. Gắn sảng, thằng bé khóc chán lại ngủ và giật mình thon thót. Lâu quá, sóng lưng mồi, ông Đồng rê người lại phía trong. Lan vẫn nằm bất động. Sợ mất giấc ngủ con dâu, ông vén tấm mùng, đặt con vào lòng mẹ. Lan không hề nhúc nhích. Phải mất vài giây sau, cô mới choàng tay ôm lưng đứa bé. Bỗng cả tấm thân cô rung lên, nức nở. Ông Đồng ngỡ nó xót con, nên lui ra phía ngoài, rồi ngả lưng xuống sạp. Ngoài kia sóng vẫn “ì ọp”. Con đồ cựa mình, đung đưa. Thao thức mãi không ngủ được vì tiếng “éch ọp” và những cơn ech ương – chèo chèo gọi mưa. Cho đến khi ông Đồng vừa chớp mắt, thì Lan lại tức tưởi khóc. Ông Đồng giật mình hỏi: Cái gì thế con? Đứa con dâu không trả lời. Ông Đồng hốt hoảng, vén tấm mùng. Cô con dâu vẫn nằm bất động. Cháu ông đã ngủ say. Còn mẹ nó thì úp mặt lên gối. Ông Đồng lặng người: “Sao thế Lan?”. Người con dâu không cựa quậy. Ông đặt bàn tay lên vai con:

– Mày ốm ư?

Lan lắc đầu. Toàn thân cô lại rung lên như một trái cây chín mọng trên cành sắp rụng.

Hai ngày, Lan nằm liệt. Thằng bé đói sữa mẹ càng quấy. Ông Đồng vào bếp thổi cơm, quấy bột. Con đồ nạt, nước đầm, ông phải bỏ công tát nước. Rồi lại ngồi

đục đẽo, cạo hà, miết mạch, hàn vá những chỗ nước rò. Xế chiều, ông bụng cho con bát cháo rồi bảo: “Đậy ăn đi cho nóng...” Nói rồi, ông Đồng bế thằng cháu lên bờ. Ngồi bên khóm mù u, giọng ông ru mà tương như khóc: “Cái cò, cái vạc, cái nông...”. Lúc sau ông lựa bước xuống thuyền, đặt nó nằm cạnh mẹ, rồi chờ xuống lên xóm Vạn chài, đón cô y tá của nhà thờ về khám. Hết nghe tim, phổi, cặp nhiệt độ, lại sờ nắn bụng dưới, cô bảo: “Đây là vòng kinh phụ nữ, thời tiết thay đổi, nên cảm cúm. Chỉ cần tiêm vài mũi, uống thuốc là đỡ ngay”.

Thầy thuốc chữa được bệnh, nhưng không chữa nổi cái đầu. Lan như người tâm thần phân liệt. Suốt ngày trầm cảm. Nhìn vào đâu thì hai mắt đại khờ, trắng bệch. Đêm hầu như cô mất ngủ. Con quấy khóc, mặc kệ. Nhiều lúc bố chồng phải vào bế cháu ra.

Rồi một hôm, đứa con ngủ say. Lan ngồi dậy rất lâu trong khoang thuyền tối. Lúc sau, cô lẹ người ra khỏi đuôi thuyền. Ông Đồng ôm cháu ngồi dậy. Ngoài kia, ánh trăng nhạt nhòa, chiếu xuống mặt nước, tạo ra muôn ngàn lớp sóng lung linh như đàn cá bạc, nổi nhau bơi về một phía. Lan lặng lẽ bơi chèo, đưa chiếc xuống vào chỗ khuất. Đêm yên tĩnh lạ lùng, chỉ còn lại tiếng sóng và gió, làm vơi đi cái nóng nực của ngày. Ông Đồng dõi mắt quan sát. Khi đã neo xuống cội chắt, Lan ngồi bất động như một bức tượng trong đêm. Lát sau, cô vén ống quần rồi từ từ thả chân xuống nước. Đây không phải là công việc thả câu thường ngày. Mà là việc làm của kẻ tâm thần rối trí. Tay cô không có cần câu. Không có cá mồi, không cả dao thớt. Thế mà Lan cứ co mình, đập chân vùng vẫy. Cho đến khi mệt lử, cô ngả đầu nằm ngửa trên ván xuống. Không biết Lan nhắm mắt hay là mở, để nhìn xiết xoáy vào vầng trăng. Nơi có cây đa và chú Cuội ở xa tít trên trời.

Lúc sau Lan ngồi dậy, tự rút tung hàng khuy ngực, rồi ném chiếc áo xuống dòng sông. Cả tấm thân gần như trần truồng, được ánh trăng vơi vơi chiếu vào. Lan đan tay nhìn xuôi tít, rồi nâng hai bầu vú. Vừa xoa, vừa nheo mắt, tưởng tượng, giữa sóng nước chơi vơi không một bóng người. Thoa chân trên ngực, Lan luồn tay xuống vùng bụng. Cứ vậy cho đến lúc người cô rướn cong như thể làm tình với trăng, để hưởng niềm lạc thú mà chúa trời ban tặng; thì cũng là lúc Lan chìm dần vào nỗi sợ. Nỗi sợ của người thiếu phụ có chồng chết trận năm nào.

Lúc kia, ông Đồng ngồi bất động, dõi theo mọi động tĩnh của con. Tự dưng người ông bưng bưng, ngạt thở. Ngồi trong khoang thuyền, mà như có ai ném mình lên chín tầng mây xộp bóng bệnh, lắc lư. Một cảm giác vừa buồn, vừa thương hại cho đứa con dâu và cho cả bản thân mình. Ai đã kể với ông về người phụ nữ đang đêm vùng vẫy, đổ thóc vào cối xay, hay gánh nước đổ bể. Có người còn cắn nát cả đầu giường, chẳng lẽ lại là thế này ư? Đắn đo mãi, không biết phải làm gì, cuối cùng ông Đồng vớ luôn bộ quần áo của con dâu, rồi ôm cháu lần bước lên bờ. Mặt sông lúc này phẳng lặng như một tấm gương mờ, bởi sương phủ. Người con dâu khóc chán, giờ ru người chết lặng dưới ánh trăng. Bố chồng



Minh họa của TRẦN NGỌC QUÝ

đến mà nó vẫn không hề hay biết. Hình như mắt ông Đồng cũng nhòe ướt từ lúc nào. Phải cố lắm, ông mới nói được một câu đứt đoạn: "Lan ơi... chờ xuống về, đi con !...". Nói rồi, ông Đồng thả bộ quần áo xuống sạp thuyền, mà không dám nhìn đứa con ốm thể trong đêm.

Chuyện bố chống nạng dẫu ở chung trên con đò nát, khiến không ít kẻ đơm chuyện. Người bảo: cái Lan nó điên loạn vì tình. Người bảo: nó bị tên lính bỏ "bùa mê", cái hôm nó đến báo tin: thằng Tâm tử trận. Kẻ độc miệng lại cho là "Bố chống toòng teng"... Ông Đồng bức lắm, nhưng cứ phải tai cam, tai diếc. Giờ, ông ít sai báo con dẫu. Mọi việc trong con thuyền, ông đều cắng đáng. Tối, ông vẫn cầu kinh để chúa lòng lành chứng giám.

Một lần, đứa con dẫu bảo: nó mê thấy gặp chống ở một hòn đảo chỉ có san hô và một dải cát vàng. Rồi mộng mị thế nào, nó còn gặp tên lính đến cho tiền nuôi con. Anh ta qui trước mặt nó xin lỗi, nhưng Lan vẫn đầy đầy chối từ. Tên lính ngứa mặt, xiết chặt bắp đùi cô, rồi nức nở khóc. Lan cố sức đẩy ra không được, liền gơ tay tát vào mặt hắn. Kẻ chiến bại trong trận mạc, giờ bất bại trong tình yêu, đang lùi thối bước lên bờ. Lan lạng người, nhìn theo. Lúc sau, cô vùng dậy, toan chạy theo. Nhưng không hiểu sao, hai chân bị níu chặt. Bóng anh ta xa dần. Lan đổ người, chới với rồi thét gọi. Tiếng thét lớn đến nỗi đứa con giật mình choàng dậy. Ông Đồng cũng nhóm người gọi với vào trong: "Lan! Con mơ gì thế?"

Lan vẫn im lặng, rồi khóc rưng rức. Hai cánh vai rung mạnh. Nước mắt đầm đĩa, thấm ướt cả gối. Đêm ấy, hai cha con mất ngủ. Thằng bé khóc như bị ma ám. Khoảng thuyền chật, phủ nặng màn đêm.

Hàng tuần nay, ông Đồng hì hục, hết cầm cộc, nâng thuyền, cạo hà, khoan đinh, ghép ván, lại miết mạch hàn vá chỗ rò. Xong bên này, ông chuyển sang mạn bên kia làm cần mẫn như con chim cuốn tổ sau những trận gió táp, mưa sa. Công việc tu bổ hoàn thành, ông Đồng nhận chuyển chỗ hàng thí điểm. Thuyền chở dăm ngược dòng, nước không rò rỉ. Bộ quai chèo, ông thay mới bằng những sợi dây bền chắc. Cho đến một buổi sớm tinh mơ, ông Đồng thức dậy. Người con dẫu cũng dậy theo. Ông nói với cô một câu gọn lỏn: "Ở nhà nhớ buồng cầu, thả vó. Ai có hàng thì nhận chở thuê!".

Lan hốt hoảng:

- Ba đi đâu?
- Ba có việc phải về quê cũ dài ngày.
- Quê còn gì nữa đâu mà ba?

Hàng tháng nay, ngủ không yên, Ba phải về tìm lại, để đáp điểm những ngôi mộ. Với lại, để tìm dấu vết nếp nhà xưa. Lan ngập ngừng gần như muốn khóc. Còn thằng bé thì trở mặt nhìn. Không để phút giây bịn rịn kéo dài, ông Đồng đeo cái túi lên vai rồi bước lên bờ, khi mặt trời còn chưa rạng. Dòng sông, con đò và cả chóp nhà thờ chìm dần phía sau. Hết một đoạn sông, ông rẽ vào con đường đất đỏ, hai bên cỏ dại mọc đầy. Mãi cho đến khi mặt trời xé bóng, ông đến một bãi đất trống trơn hoàn toàn hoang phế. Những cây to bị thiếu trụi, chỉ còn trơ lại gốc. Tất cả chỉ còn lại móng của một ngôi đền, với bức tường nham nhở. Xa kia là khu nghĩa địa, nơi chôn cất những người dân bị tàn sát, trong đó có vợ và một người em trai. Giờ, khu mộ chỉ còn là vũng ao tù. Vậy là hy vọng đáp điểm mộ phần không thực hiện được. Chỉ còn cách ông thả mấy nén nhang vái vọng cho người quá cố. Giờ, không thể tìm đường về khu làng mới, mà cũng không thể tiếp tục cuộc hành trình. Nền tốt nhất là cẳng miêng nilông vào bức tường, ngăn sương ngủ tạm.

Đêm giữa khu đất hoang chỉ có tiếng côn trùng. Thình thoảng một tiếng vạc ăn đêm. Lũ chuột ở đâu cũng rúc rích. Ông Đồng không sao chợp mắt. Hình bóng những người thân cứ chập chờn ẩn hiện. Hai mươi sáu mạng người, chúng lừa đi bán. May sao ông dặt được thằng con, nhằm phía bờ sông tháo chạy. Nghề chài lưới và công việc làm thuê cứu sống cha con ông. Rồi đến khi thằng Tâm lấy vợ sớm được con thuyền ai ngờ con lại bị bắt lính rồi tử trận. Giờ, vợ con nó khốn khổ, bơ vơ. Nay, ông quyết tìm đường ra đảo, cho dù không còn hài cốt của nó thì cũng phải đến tận nơi nó nằm. Nghĩ rồi, ông Đồng đan bàn tay lên ngực. Sương lạnh. Túc tắc vài tiếng ho. Ông xoay lưng vào bức tường. Sao trời nhấp nháy. Màn đêm vẫn dày đặc. Ông Đồng ngồi dậy cuốn điều thuốc rê, sắp lại hành lý rồi đeo túi lên đường.

Ngày đi, đêm nghỉ rờn rã hàng tháng trời, ông Đồng nhằm hướng đông mà tới. Mấy lần ra đến con đường nhựa, thình thoảng một chiếc xe qua, ông Đồng vẩy tay - vẩy tay, nhưng người lái xe vẫn không dừng lại.

Cuộc hành trình tiếp tục, túi hành lý vẫn còn gạo sẩy, mấm khô, một bình rượu "Trường sinh bất lão" và một chai nước suối chưa hết lại đầy. Đoạn đường giờ bớt gian nan, vì không xe ngựa thì ô tô đã giúp cho "đôi hài vạn dặm" của ông không đến nỗi gỏi mối - chân chồn.

Rồi, đến một ngày, mặt trời dậy trước cả biển, cũng là lúc ông Đồng đặt chân tới làng chài. Gió ào ạt thổi. Những con tàu bồng bênh, lắc lư. Biển mặn mòi lẫn với

NGUYỄN HUNG HẢI

Làng cười

Mẹ đã nuôi tôi bằng những chuyện cười
Củ sắn Văn Lang xuyên ngang đường hai bốn
Giắt bỏ tung cạp quần
Thùng xôi vò đội đỉnh vắng trăng
Con gà gáy vắng thành ngạnh
Đập cánh một lần tốc mái nhà tôi

Chuyện cười mà nói cứ như chơi
Bà tôi kể từ thời chưa biết chữ
Cái chưa đến tất cả rồi sẽ cũ
Cái ta tin ập ù lại không thành

Làng tôi giữa lũy tre xanh
Đã bịa chuyện để cười cho đỡ đói
Đã bịa chuyện để cười mong qua khỏi
Những cơn mưa gây rối chẳng ai mời

Cái đã qua còn lại trong đời
Thành huyền thoại một vùng quê
Giữa muôn chuyện của muôn đời pha tạp
Chuyện làng tôi không lẫn được bao giờ
Kể thì cười
Cô bán chẳng ai mua
Cha tôi bảo từ ngày xưa vẫn thế
Ai không tin tôi mách về hỏi mẹ
Chuyện làng tôi nghe đến bạc cả đầu
Chuyện làng tôi nghe đến khô nước mắt
Ngỡ không cười làng tôi không sống được
Cười cho tạnh nỗi lo toan sông nước
Cười cho hết những cơn mưa trọc đất
Cười cho mềm sỏi đá để trồng hoa
Cười cho đầy trống vắng những ngày qua

Tôi đã mang làng cười đi xa
Đến với nước non bằng lời mơ mộng
Những câu chuyện nuôi cả thời ta sống
Khuếch khoác cả làng mà không ai lừa nhau?!

Đá trống, đá chiêng

Chẳng thấy chiêng đâu, thấy trống đâu
Lò xô một lũ đá chen nhau
Dùi trơ mặt gỗ nằm mê muội
Đá cũng len vào mọi nỗi đau

Xăm xấp bàn chân ngang mắt cá
Lội qua Đầm Vực, trống chiêng sôi
Hò, reo dậy đất từng mơ ngủ
Vạn thắng mê người thuở ấy thôi

Tôi đến tôi đi bằng truyền thuyết
Tìm lưng ngựa đá cưỡi âm vang
Trống chiêng không đánh mà nghe vọng
Tiếng hí ngàn năm ngựa bất kham.

mùi tanh của cá và ngư cụ, nên người nào cũng rần rỏ với nước da đen xạm. Tất cả đang chuẩn bị cho một chuyến ra khơi. Trông họ khác nào những chiến binh, luôn phải đương đầu trước biển. Ông sẽ lên thuyền cùng họ.

Giống như kẻ lữ hành, ông Đồng đặt túi - ngồi xổm, châm lửa hút điều thuốc trên bãi cát. Nỗi đau, tuổi tác và cuộc hành trình đã vắt kiệt sức lực của ông lão. Bộ mặt rần rúm của ông giống như vỏ trái cam đã vắt kiệt, còn đọng lại hai dòng nước mắt cạn khô. Ông cố dồn sức đứng dậy trên đôi chân loạng choạng, hướng mặt ra phía đảo xa để tìm hình bóng của đứa con chết trận. Lúc ấy nắng đã lên quá đỉnh đầu. Biển vẫn ì - oap vô sống. Xa kia mấy con hải âu đang cánh lượn lờ. Ông già lắc đầu rồi nhắm nghiền mắt, như thể cố lưu giữ hình

Trước tổ ong bò về

Trong bụi cây trước sân cơ quan có tổ ong Bò Vẽ
Từ rất lâu mới thấy có ong về
Ta đứng nhìn Bò Vẽ nhớ quê
Nhớ những đứa em ta trong mái nhà lợp cọ

Ngày chúng ta lấy vợ, lấy chồng cũng như ong vỡ tổ
Chẳng mấy khi còn có dịp cùng nhau
Ăn một bữa cơm với mẹ cha dưới bếp

Ta trở lại nhà mình chỉ những khi giỗ tết
Như cái tổ ong tàng cha mẹ trông coi
Như cái tổ ong tàng mỗi đứa một nơi
Cha mẹ chết đi rồi chẳng biết còn hương khói

Như con ong tách đàn xây tổ mới
Ta đứng nhìn Bò Vẽ nhớ quê
Nhớ ngôi nhà tuổi thơ như cái tổ ong kia
Rồi cũng sẽ chỉ còn là xác tổ
Không thể quên có một thời ở đó
Ai động vào là tất cả bay ra

Cái tổ ong kia gọi bao nỗi ngày qua
Cơ quan có như nhà, như cái tổ
Liệu sang năm còn về đây ở
Còn về đây xây tổ, sinh con

Sáng đến cơ quan chiếu lạng lẽ trở về
Nhìn các con lại nhớ mình thuở bé
Nhìn các con lại nhớ ong Bò Vẽ
Sợ một ngày như cái tổ ong kia
Chỉ còn là xác tổ ?

Mong các con lớn lên đi lấy chồng lấy vợ
Cũng như ta sẽ lại đến cơ quan
Nếu có gặp tổ ong Bò Vẽ
Nhớ đừng chân ngấm ngòi lúc chia đàn !

Cây nén

Tôi tự nguyện là cây nén nhỏ chầy cả hai đầu
Soi sáng cho ngòi bút của chính tôi
Soi sáng cho đôi mắt của chính tôi
Soi sáng cho bàn chân của chính tôi
Và những bàn chân cùng tôi tiến bước

Một ngày mà không được thắp lên ngọn lửa của yêu
thương từ trong ruột

Tôi chết vì giá lạnh
Chết vì để bóng đêm đông cứng quanh mình

Tự nguyện làm cây nén nhỏ chầy cả hai đầu soi
sáng xung quanh
Tôi tự tan chảy, đốt lên từng giọt đời trên chiếc đĩa
khổ hạnh

Nuốt cái cay đắng trong nỗi đắng cay
Ánh sáng tỏa từ tôi mang đến ngọt ngào cho những
người bên cạnh
Những người không thể nào làm cây nén trong đêm

Với những người cũng tự là cây nén, có cây nén đời
tôi góp thêm

Ánh sáng sẽ tỏa lan ra ngoài vùng quen thuộc
Trên chiếc đĩa khổ hạnh cõi nhân gian, tôi mừng vui
khi ai làm sinh nhật
Chầy cả hai đầu soi sáng cho nhau

Tự nguyện làm cây nén nhỏ mong góp một đốm lửa
nhỏ nhoi liệu có đi đến đâu

Dù có thế nào cũng vẫn tự đốt lên từng giọt đời
ánh sáng
Nếu không chầy thì cũng đừng đồng lõa với bóng
đêm làm bẩn nhọ mọi người.

bóng con đò nát. Nơi ấy, còn có đứa con dẫu và thằng cháu ruột đang sống bơ vơ trên dòng sông vắng lặng.

Ông già choàng mở mắt, trước mặt ông là mệnh mông biển không biết đâu là tận cùng. Tít ngoài xa đó có phần xương thịt của con ông. Ông có thể ra đến nơi như người dân trên dải đất này ngày mỗi ngày cật lực mưu sinh... Ấy vậy mà cái khoảng cách mong manh, ngắn hơn một cái trở mình trong con đò nát thì ông không thể, và không bao giờ dám vượt qua. Giá như con trai ông còn sống, giá như trên đời này không còn chiến tranh... Không, ông chấp nhận thực tế nghiệt ngã. Có thể ông Đồng không bao giờ trở về nhưng ông nguyện phải sống như một con người. Biển lại chồm lên trước mặt như thử thách. Ông sẽ vượt qua nó!■

BÚT KÝ - PHỎNG SỰ

NGÔI ĐỀN TRÊN ĐẤT THIÊNG

Bút ký của NGUYỄN QUỐC TRUNG

VÀO dịp thanh minh năm nay, tôi dành thời gian nghỉ phép để tới Can Lộc thăm những dòng họ khoa bảng, có những văn nhân lừng lẫy một thời, để khảo sát cái gốc tạo nên nhân tài. Trong khi cùng nhà báo Nguyễn Hữu Dật, người đưa tôi về vùng địa linh nhân kiệt này, trò chuyện với hậu duệ các nhà khoa bảng về những ngôi trường tạo ra nhân tài ấy thì được biết, phần lớn học ở làng, do thầy đồ dạy, từ cái gốc ấy mới gửi tới các thầy từng đỗ đạt cao đào tạo tiếp. Thấy đồ thường là người trong họ có bằng tú tài, cử nhân, lớp rất ít học sinh, có khi cha dạy con, chú, bác dạy cháu, vậy nên mới có những dòng họ khoa bảng. Trò chuyện lan man về chuyện học hành đang khiến chúng ta băn khoăn, lo lắng hiện nay, nhiều người nói bằng giọng tự hào rằng, ở vùng quê này có trường THPT Đồng Lộc, tuy sinh sau đẻ muộn so với các trường khác trong vùng, nhưng là cái nôi tạo nên các thế hệ học sinh để bước lên giảng đường đại học, nhiều người thành đạt.

Hai tiếng Đồng Lộc, từ lâu đã thành địa danh của trái tim, của lòng người rồi, cho nên ngôi trường được mang cái tên cao quý ấy hẳn phải có duyên đặc biệt. Anh Dật trao cho tôi bài viết có tính chất tổng kết *Trường THPT Đồng Lộc - 40 năm xây dựng và phát triển* của thầy Đặng Xuân Diệu, hiệu trưởng, tôi mới hay, sau ngày Hiệp định Pari được ký kết, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền có chuyến đi thị sát ngành ở Hà Tĩnh. Chủ tịch Hà Tĩnh lúc bấy giờ là ông Trần Quang Đạt đã dẫn Bộ trưởng đến thăm Ngã ba Đồng Lộc. Trên vùng đất đổi trũng hồ bom cỏ chưa kịp xanh lên, dân từ nơi sơ tán đang vội vã trở về dựng nhà, lập vườn, Chủ tịch tỉnh thưa với Bộ trưởng rằng, ở vùng Đồng Lộc, dọc tuyến đường từ Nhân Lộc tới Khe Giao, suốt cả chục năm là trọng điểm dội bom, bắn rốc - két của giặc Mỹ, làng xóm tiêu điều, nên học sinh được học tới cấp 3 rất ít. Rồi bằng chất Nghệ thẳng thắn, Chủ tịch tỉnh đề nghị Bộ trưởng đặc cách cho mở trường cấp 3 Đồng Lộc. Dĩ nhiên, với Đồng Lộc, nở nào người có nhân cách cao như Nguyễn Văn Huyền lại chối từ. Vậy là trường cấp 3 Đồng Lộc ra đời. Cái cơ duyên, nói theo ngôn ngữ Phật giáo ấy thật thú vị và cảm động.

Chúng ta cũng không biết, thời bấy giờ, kinh phí của Nhà nước đầu tư thành lập một trường cấp 3 là bao nhiêu, chắc rất ít vì đó là lúc miền Bắc vừa dứt những trận bom rền kéo dài gần 10 năm, nhà máy, xí nghiệp bị tàn phá, đến ruộng đồng cũng đầy đặc hố bom, cả nước đang dồn của cải, vật chất cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Vì vậy, thế hệ thầy trò đầu tiên của nhà trường mới phải tự san lấp gò đống, hố bom, bằng công cụ lao động thô sơ là cuốc xẻng, rồi chặt tre, thầy lá cọ trong vườn nhà đưa đến dựng trường. Học sinh thời bấy giờ vừa trải qua những năm tháng phải học trong lán nửa chìm nửa nổi, có lúc học giữa

chừng phải vào hầm vì máy bay tới đánh phá, nên hào hứng khi được dựng trường mới trên mảnh đất quê hương thanh bình. Và lại, trong họa có phúc, thế hệ học sinh ấy có tính tự lực, tinh thần đoàn kết rất cao, vì thuở nhỏ đã đồng cam cộng khổ. Và, một điều cũng cần phải nhắc lại là thời bấy giờ, học sinh được lên cấp 3 rất ít, mỗi xóm một vài người. Đó cũng là một sự chọn lọc kỹ, tạo tiền đề chất lượng cho hệ đại học. Các bậc phụ huynh rất tự hào về con mình, và hết lòng ủng hộ nhà trường. Chính nhiều cha mẹ học sinh đã tới để giúp con em dựng trường.

Thời bấy giờ giáo viên cấp 3 rất thiếu. Cho nên đội ngũ giáo viên đầu tiên của nhà trường được chọn từ các trường cấp 3 trên địa bàn Hà Tĩnh tụ hội lại. Hội đồng nhà trường có 22 cán bộ, giáo viên. Ban giám hiệu có 2 người, thầy Thái Kim Quý, hiệu trưởng và thầy Nguyễn Duy Bát, hiệu phó. Tuy vậy, các thầy, cô đều đã có nhiều năm giảng dạy, đã có danh trên các bục giảng ở các trường trong vùng. Các thầy Trần Đình Tiểu, Nguyễn Đăng Ái, Vương Đình Cư, Tô Ngọc Tùng, Phan Cứ, Bùi Anh... đều là những trí thức giản dị, là thần tượng của các thế hệ học sinh. Trong mỗi người thành danh đều có bóng dáng người thầy hồi học phổ thông. Bốn mươi năm trường cấp 3, sau này gọi là THPT Đồng Lộc, đã có rất nhiều học sinh thành đạt. Đó là các tiến sỹ Trần Viết Ôn, Trần Hải, Trần Đình Hòa, Hoàng Trọng Quyền, Mai Khắc Phúc, Lê Công Lương, Đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam Hoàng Bá Ngụ, các nhà doanh nghiệp Nguyễn Bá Thường, Nguyễn Văn Tuấn, Trần Thị Thảo, Đặng Bá Quân, Trương Thị Thanh Tâm... và rất đông đảo những trí thức trong các lĩnh vực văn hóa, truyền thông, kinh tế.

Ngay ở năm học đầu tiên, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vào giai đoạn cuối hết sức quyết liệt, nhiều thanh niên nhà trường xếp sách vở lên đường tòng quân. Trong các binh đoàn tiến về giải phóng Sài Gòn, có những chiến sỹ từng là học sinh trường cấp 3 Đồng Lộc. Nhiều anh đã ngã xuống vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất Xuân Lộc trong trận chiến cuối cùng. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, một số người về học tiếp hoặc học ở các trường văn hóa quân đội để vào các trường đại học. Nhưng rồi, cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc bùng nổ, học sinh cấp 3 Đồng Lộc lại lên đường. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc thiêng liêng ấy, đã có 16 người anh dũng hy sinh.

Vậy là ngôi trường trên đất thiêng Ngã ba Đồng Lộc luôn hòa nhập, cộng hưởng với những sự kiện lớn của đất nước. Có phải vậy chăng, mà ngôi trường này luôn thu hút được đông đảo học sinh trong vùng đến học, coi đây là nơi tiếp nhận kiến thức cơ bản, phổ thông và tiếp nhận văn hóa tinh thần để bước vào cuộc đời rộng lớn đầy thú vị nhưng cũng không ít chông gai. Nói cho cùng, con người trong xã hội hiện đại cần phải có tri

thức sâu rộng, vốn văn hóa uyên bác mới vượt qua thử thách để tồn tại và vươn lên giữa thế giới nghiêng về kinh tế hàng hóa tiêu dùng.

Trường cấp 3 Đồng Lộc này, tưởng như sinh ra trong hoàn cảnh như vậy, đứng trên mảnh đất thiêng như thế, sự tồn tại để phát triển là lẽ đương nhiên. Thế nhưng, vẫn qua bài viết của thầy Đặng Xuân Diệu, đã có lúc người ta tính giải thể trường cấp 3 Đồng Lộc bằng cách chuyển toàn bộ cán bộ, giáo viên phân hiệu 1 xuống nhập với phân hiệu 2 tại Nghèn thành trường thị trấn Nghèn. Trước tình hình nguy cấp, bất hợp lý đó, không thể để mất ngôi trường ở một vùng văn hóa lâu đời, những địa danh thắm máu liệt sỹ, lãnh đạo Đảng ủy, chính quyền và nhân dân các xã có học sinh đang học tại trường đã ra tận Hà Nội gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng và đơn kiến nghị đến các cấp của tỉnh xin giữ lại trường cấp 3 Đồng Lộc. Hành động kịp thời, quyết liệt ấy đã cho trường cấp 3 Đồng Lộc tồn tại phát triển đến hôm nay và chắc chắn mãi mãi về sau.

Đội ngũ giáo viên hôm nay được đào tạo cơ bản, phần lớn còn rất trẻ và phải yêu nghề, yêu người lắm mới tự nguyện hiến dâng cuộc đời mình cho sự nghiệp trồng người ở vùng đất khí hậu khắc nghiệt, kinh tế chưa phát triển này. Tôi chưa hân hạnh được gặp nhưng đã nghe danh các cử nhân, thạc sỹ, những người thầy Đặng Xuân Diệu, Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Huy Tuấn, Trần Đức Tài, Nguyễn Xuân Triều, Đào Hữu Toàn, Nguyễn Xuân Vinh.... Các cô Trần Thị Mỹ Hà, Nguyễn Thị Việt Hà, Hồ Thị Thanh Tâm... Hẳn là trong rất nhiều học sinh giỏi cấp Quốc gia Nguyễn Thị Thủy Nga, cấp tỉnh Trần Văn Khánh, Phan Đình Hiệu, Nguyễn Thị Hòa, Phan Hoàng Thành.... có bóng dáng, nhân cách cao cả, sự kiên nhẫn học rèn của các thầy, các cô. Đó chẳng phải là sự đền đáp cho những người làm thầy mà chẳng có gì sánh nổi chăng?

Can Lộc nằm trong cái nôi văn hóa Lam Hồng từ ngàn xưa tới nay, nơi đây đã sản sinh biết bao danh nhân văn hóa, anh hùng giải phóng dân tộc. Trên phương diện nào Can Lộc cũng có người đứng ở hàng tiên phong. Đó là điểm tựa, niềm tin, niềm tự hào để các thế hệ hôm nay tiếp bước. Trường cấp 3, nay là trường THPT Đồng Lộc đã góp phần đào tạo nên nhiều nhân tài. Bốn mươi năm, một chặng đường phát triển của trường cũng là thời gian lịch sử đất nước hết sức sôi động với sự vươn lên trong sự nghiệp đổi mới toàn diện xã hội, tạo nên một nước Việt Nam đang được bầu bạn năm châu ngưỡng mộ, không chỉ trong công cuộc giải phóng dân tộc mà là trên thành tựu mọi mặt kinh tế, văn hóa, đối ngoại. Hôm nay đây, trường THPT Đồng Lộc đang tạo nên bước chuyển biến mới trong dạy và học để xứng với hai tiếng Đồng Lộc thân yêu. ■

TP. Hồ Chí Minh, 7-2013



Ngã ba Đồng Lộc xưa...



và nay

TIN VĂN NGHỆ

LỄ TƯỞNG NIỆM 10 NĂM NGÀY MẤT NHẠC SĨ TRẦN HOÀN



N GÀY 13-11-2013, tại 51 Trần Hưng Đạo, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam đã tổ chức Lễ kỉ niệm 10 năm ngày mất nhạc sĩ Trần Hoàn. Tới dự buổi Lễ có bà Nguyễn Thanh Hồng, vợ cố nhạc sĩ Trần Hoàn, Nhà thơ Hữu Thịnh, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, ông Vương Duy Biên, Thứ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin, ông Nguyễn Thế Kỷ, Phó trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, cùng đông đảo văn nghệ sĩ, những người yêu mến nhạc sĩ Trần Hoàn.

Sau nghi lễ dâng hương tưởng nhớ người nhạc sĩ tài hoa, nhà thơ Hữu Thịnh, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, nhà văn Tùng Điển và các bạn bè văn nghệ đã lên ôn lại những kỉ niệm của mình với nhạc sĩ Trần Hoàn, khẳng định đóng góp quan trọng của ông đối với âm nhạc nói riêng và văn học nghệ thuật nói chung. Trong buổi lễ, mọi người cùng nhau nghe lại những bài hát đã làm nên tên tuổi của nhạc sĩ Trần Hoàn với sự trình diễn của NSND Thanh Hoa và các ca sĩ khác. Lúc sinh thời, Trần Hoàn luôn không nhận mình là nhạc sĩ chuyên nghiệp nhưng các tác phẩm của ông đã thực sự lay động lòng người bằng sự đa diết và trữ tình. Lễ tưởng niệm diễn ra trong không khí giản dị, ấm tình bạn văn nghệ sĩ đối với nhạc sĩ Trần Hoàn.

Nhạc sĩ Trần Hoàn tên thật là Nguyễn Tăng Hích, sinh năm 1928, quê quán Hải Lăng, Quảng Trị. Bố của ông là người rất yêu thích âm nhạc và sành sỏi về ca Huế, hát bội, nhạc Tây. Điều này có ảnh hưởng đến sự nghiệp âm nhạc của ông sau này. Năm 1935 Trần Hoàn theo học tại Quốc học Huế. Ông tự học nhạc và bắt đầu sáng tác từ năm 16, 17 tuổi. Ông bắt đầu nổi tiếng với ca khúc *Sơn nữ ca* viết năm 20 tuổi khi đang ở chiến khu Quảng Bình. Trần Hoàn tham gia kháng chiến, trải qua nhiều cương vị lãnh đạo các tổ chức văn hóa của đảng, đầu tiên là Đoàn phó đoàn Tuyên truyền văn nghệ Trung bộ và Liên khu IV. Năm 1948, Trần Hoàn được kết nạp vào đảng. Từ 1948 đến 1956, phụ trách công tác văn hóa văn nghệ Liên khu IV, Liên khu III, khu Tả ngạn. Ông từng làm Giám đốc Sở Văn hóa Thành phố Hải Phòng. Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển văn hóa của thành phố Cảng. Nhân dịp kỉ niệm 10 năm ngày mất, thành phố Hải Phòng cũng đã quyết định đặt tên cho một con phố mang tên ông. Sau này nhạc sĩ Trần Hoàn đã trải qua các cương vị như: Ủy viên Trung ương đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin, Phó trưởng ban Văn hóa Tư tưởng trung ương, Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, đại biểu quốc hội khóa VIII.

Những sáng tác của Nhạc sĩ Trần Hoàn khá phong phú, từ những ca khúc thời kỳ đầu mang tính trữ tình như *Sơn nữ ca*, *Lời người ra đi*... cho tới những bài hát *Lời ru trên nường*, *Tình ca mùa xuân*, *Nắng tháng Ba*, *Một mùa xuân nho nhỏ*... và mang đậm chất dân ca như *Giữa Mạc Tư Khoa nghe câu hò ví dặm*, *Lời Bác dặn trước lúc đi xa*... Cuộc đời ông là hơn 50 năm cống hiến cho âm nhạc và sự nghiệp phát triển văn hóa Việt Nam với cả tâm huyết và lòng nhiệt thành.

Nhạc sĩ Trần Hoàn đã nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật (đợt 2, năm 2000).

TUỆ ĐỨC

MỘT CUỘC THI MANG Ý NGHĨA TÔN SỰ TRỌNG ĐẠO

HƯỚNG tới kỷ niệm Ngày Hiến chương các nhà giáo Việt Nam 20-11, báo Giáo dục và Thời đại (Bộ Giáo dục và Đào tạo) tổ chức Lễ tổng kết và trao giải cuộc thi viết về "Cô giáo của tôi" tại Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương vào sáng ngày 12 tháng 11 năm 2013. Cuộc thi bắt đầu từ tháng 9/2012, kết thúc ngày 31-10-2013, sau hai vòng chấm thi, có 32 tác phẩm vào chung khảo trong đó có 11 tác phẩm đoạt giải: 1 giải Nhất, 2 giải Nhì, 3 giải Ba và 5 giải Khuyến khích. Ngoài ra, Ban Tổ chức đã trao tặng phẩm cho đơn vị tham gia xuất sắc nhất cuộc thi (Phòng GD – ĐT Bình Giả, Lạng Sơn) và tặng phẩm cho nhân vật trong tác phẩm đoạt giải Nhất cuộc thi (cô giáo Hà Thị Thu Oanh, Trường Tiểu học Trưng Nữ Vương, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng).

Trong bản báo cáo tổng kết cuộc thi, ông Nguyễn Ngọc Nam – Tổng biên tập báo GD và TD, Trưởng ban tổ chức đã có những đánh giá chung: "Cuộc thi bắt đầu bằng sự tri ân qua bài viết của nhiều lứa tuổi, nhiều thế hệ, nhiều vùng miền, đa giọng điệu... đối với cô giáo của mình, nhưng cuối cùng là sự quy tụ được những tấm lòng đến với tấm lòng, những tấm lòng đến với cuộc đời. Cuộc thi thành công vì đã đánh thức trái tim con người. Về lẽ sống, về sự tri ân, tất nhiên là cả về cái đẹp và đạo lý tôn sự trọng đạo cần phải có trên đời."

Tại lễ trao giải, Nhà thơ, nhà giáo Lê Văn Vỹ, người đã nhiều năm tham dự và trở thành gương mặt quen thuộc của các cuộc thi do ngành giáo dục tổ chức, bày tỏ: "Cuộc thi không chỉ là món quà tặng các cô giáo mà còn là dịp chúng ta được trở về với trường xưa, lớp cũ, tình bạn, nghĩa cô với bao nhiêu kỷ niệm đầm ấm yêu thương... Và viết đâu chỉ để tranh giải mà để tin tưởng và hy vọng với những điều tốt đẹp còn hiện hữu khắp nơi trong cuộc sống."

PHONG LAN

THƯ MỜI CỘNG TÁC

C HÀO đón năm mới Giáp Ngọ - 2014, nhìn lại những dấu ấn trên chặng đường đã qua của đất nước trong năm 2013, một năm với rất nhiều sự kiện đáng nhớ, và hướng tới những mục tiêu phấn đấu trong những năm sắp tới; trong quý I năm 2013, tuần báo Văn nghệ sẽ ra hai số báo đặc biệt vào dịp Tết Dương lịch (2 số 1+2 năm 2014) gồm 48 trang, và Tết Nguyên đán (3 số 4+5+6 năm 2014) với 72 trang ruột, cùng 24 trang Phụ trương Truyện ngắn hay trong năm 2013 với bìa giấy couche, in chất lượng cao.

Báo Văn nghệ Tết Dương lịch sẽ phát hành vào đầu năm mới 2014, số Tết Nguyên đán phát hành vào đầu tháng 1 năm 2014 (tức tháng chạp năm Quý Tỵ).

Đã thành thông lệ, các số báo đặc biệt đón chào năm mới và mừng Tết Nguyên đán của báo Văn nghệ – Hội Nhà văn Việt Nam vẫn được coi như một món quà văn hoá không thể thiếu được của mọi gia đình, với những món ăn tinh thần truyền thống từ hơn 60 năm qua. Để phát huy truyền thống tốt đẹp đó, Ban Biên tập báo Văn nghệ xin trân trọng kính mời các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, các họa sỹ, nghệ sỹ, và cộng tác viên đóng góp tác phẩm tâm đắc của mình cho những ấn phẩm Văn nghệ xuân Giáp Ngọ - 2014.

Bài cho số báo đặc biệt xin được gửi về địa chỉ:

Toà soạn báo Văn nghệ, số 17 Trần Quốc Toản – Hà Nội,

Hoặc theo hộp thư điện tử thukybvn@gmail.com

Mọi liên hệ xin hoàn thành trước ngày 5 - 12 - 2013.

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt thành của các tác giả.

VĂN NGHỆ

THÔNG BÁO MỞ CHUYÊN MỤC TIẾNG VIỆT VÀ CUỘC THI VIẾT "DỌN VƯỜN"

Kính cáo cùng quý bạn đọc, bạn viết.

"Dọn vườn" và "Nói chuyện ngôn ngữ" (nay sẽ đổi thành "Tiếng Việt") là hai chuyên mục truyền thống của báo Văn nghệ, góp phần làm trong sáng và bảo vệ tính phong phú, đa dạng của Tiếng Việt. Trong dịp kỷ niệm 65 năm ra số báo đầu tiên, Tòa soạn đã tuyển chọn xuất bản một bộ sách gồm 2 tập **Dọn vườn Văn nghệ**, được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt.

Nay BBT báo Văn nghệ quyết định tiếp tục mở lại hai chuyên mục này, cũng nhân đó tổ chức cuộc thi "Dọn vườn" để đón nhận và cổ vũ những chia sẻ của bạn đọc, bạn viết quan tâm đến sự phong phú, đa dạng, đang phát triển của Tiếng Việt.

Vậy xin trân trọng thông báo và mời gọi quý vị tham gia cuộc thi viết cho mục "Dọn vườn" của báo Văn nghệ.

Cuộc thi bắt đầu nhận bài của quý vị ngay sau khi thông báo này được đăng tải, và kết thúc nhận bài sau ngày 30-11-2014, với thể lệ như sau:

- **Về người dự thi và đối tượng phê bình/thảo luận:** Tất cả những người ở trong và ngoài Việt Nam sử dụng tiếng Việt, hoặc dùng tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai, quan tâm đến tình trạng sử dụng tiếng Việt trên các loại ấn phẩm nói chung, và trên các phương tiện truyền thông nghe-nhìn, đặc biệt là các văn bản văn học, văn học dịch, văn bản cho giảng dạy tiếng Việt và văn học ở các cấp đào tạo.

- **Về thể thức bài dự thi và đề tài:** Có thể gửi nhiều lần, mỗi lần từ 1 đến 5 bài viết mới, thể hiện những hiểu biết và ý kiến riêng của quý vị. Mỗi bài viết (500 - 800 từ, không tính số chữ dẫn nguồn) thể hiện trọn vẹn một trường hợp thảo luận, có đầy đủ dẫn chứng phù hợp và chính xác, viết dưới tên hay bút danh chính thức, bài chưa đăng tải trước đó trên các ấn phẩm hay Internet.

Bài viết nhằm phát hiện và điều chỉnh những lỗi sử dụng tiếng Việt sai lạc về văn phạm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ cảnh, cú pháp, hoặc thiếu chính xác về ngữ dụng (theo phong tục- truyền thống, theo ngành nghề, theo đặc điểm phương ngữ các vùng miền hay sắc tộc, theo biến thiên xã hội- thời đại, v.v...); đồng thời cũng phát hiện và phê bình những thiếu sót về kiến thức, những biểu hiện về phong cách.

- **Về việc sử dụng bài dự thi:** Ban Biên tập sẽ lựa chọn, xử lý, sử dụng những bài có giá trị trong chuyên mục "Dọn vườn". Tác giả được hưởng nhuận bút theo thông lệ như các bài vở khác; việc đăng tải không ảnh hưởng đến việc bình xét trong khuôn khổ cuộc thi này; báo Văn nghệ sẽ trao đổi thường xuyên, kịp thời với các tác giả trong quá trình biên tập, in ấn, và bảo vệ tác quyền.

- **Một vài lưu ý:** Mục "Dọn vườn" là một chuyên mục truyền thống của tuần báo Văn nghệ, theo đó, các bài viết được khuyến khích theo hướng phản biện có sở cứ minh bạch, lập luận giản dị và hóm hỉnh, phê phán có thành ý và không dung tục tầm thường.

- **Về giải thưởng:** Cuộc thi sẽ chọn trao 1 giải Nhất cho tác giả có nhiều bài viết nổi bật nhất. Việc đánh giá về bài viết nổi bật mỗi kỳ sẽ dựa trên sự đánh giá của Ban Biên tập và ý kiến phản hồi của độc giả. Ngoài giải Nhất, sẽ có hai giải Nhì, ba giải Ba, và nhiều giải Khuyến khích cũng sẽ được xét theo tiêu chí tương tự, và sẽ được công bố trên báo.

VN

IVYmoda

www.ivy.com.vn



Present Day

IVY moda's Birthday

17.11.2013

HÀ NỘI:

34 Bà Triệu, Hoàn Kiếm	Tel: 043 934 8186
163 Thái Hà, Đống Đa	Tel: 043 514 8212
303 Kim Mã, Ba Đình	Tel: 043 726 3594
98 Tôn Đức Thắng, Đống Đa	Tel: 046 275 7005
243 Cầu Giấy, Dịch Vọng	Tel: 043 839 8369
Tầng 1, The Garden Mall	Tel: 046 672 9744
Tầng 1, 7-9 Nguyễn Văn Linh Savico Long Biên	Tel: 046 257 3525
81, P5, 21-22, Phố Thời Trang, cửa Tây 1, TTTM Royal City, Thanh Xuân, Hà Nội	Tel: 046 2620 989

HẢI PHÒNG:

51 Lạch Tray, Ngô Quyền Tel: 0316 260 089

TP. VINH:

147 Lê Lợi Tel: 038 525 1756

QUẢNG NINH:

30 Kinh Liêm Tel: 033 3812185

ĐÀ NẴNG:

136 Nguyễn Văn Linh, Thanh Khê Tel: 0511 653 0333

TP. HỒ CHÍ MINH:

181 Cách Mạng Tháng 8, Q.3 Tel: 083 832 7779
142 Võ Th. Sáu - Quận 3 Tel: 083 827 5599

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

- Tổng biên tập: KHUẤT QUANG THỤY • Phó tổng biên tập: THÀNH ĐỨC TRINH BẢO
- Tòa soạn, Tr. sự: 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. • Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Tr. sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642
- Email: thuykvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoalvn@gmail.com; bannghehthuathvn@gmail.com.
- Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội
- ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội • Trình bày: PHẠM MINH HẢI • Giá: 9.800 đồng.